



Số 12
Tạp Chí
PHẬT GIÁO
Nguyên Thủy

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
THERAVADA

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Tạp chí PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

Phát hành vào đầu mỗi tháng

TỔNG BIÊN TẬP

Hòa thượng Thích Thiện Tâm

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Thượng tọa Thích Bửu Chánh

Đại đức Thích Thiện Minh

TRÌNH BÀY

TN. Quang Minh

Khánh Dương

PHÁT HÀNH

Liên hệ: Lê Hiền Anh Tân

ĐT: 0909027777

QUẢNG CÁO

Liên hệ: Nguyễn Thị Thùy Linh

ĐT: 0933773366

TÒA SOẠN

Chùa Bửu Quang

171/10 Quốc Lộ 1A, P.Bình Chiểu,

Q.Thủ Đức, TP. HCM

ĐT: (+848) 37290248 - 0903870370

Email: tapchiphatgiaonguyenthuy@gmail.com

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ

số 760/GP-BTTTT

ngày 28/05/2010 của Bộ TTTT

CHẾ BÀN VÀ IN TẠI

Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng

100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM

ảnh bìa 1: Quang cảnh lễ Tốt nghiệp Cử nhân Phật học khóa VII tổng Khai giảng khóa VIII, IX của Học viện PGVN tại TP. HCM

Trong số này

1. TIÊU ĐIỂM

- Mùa An cư năm 2011 - Ban Thư ký **03**
- Diễn văn khai mạc - HT Thích Thiện Duyên **06**
- PGTPHCM trong quan hệ đoàn kết - HT Thiện Tâm **08**
- Tiểu sử HT Bửu Chơn - Môn đồ phụng soạn **11**
- Nghị quyết Hội nghị **13**

2. KINH TẠNG

- Kinh Đoạn giảm - HT. Thích Minh Châu **14**

3. LUẬT TẠNG

- Giới luật của người xuất gia - Nguyệt Thiên **15**
- Nội quy Ban tăng sự TW **17**

4. THIỀN HỌC

- Thiền sư Taungpulu Sayadaw - Tk Thiện Minh **19**

5. LUẬN TẠNG

- Đôi nét về bộ Ngữ tạng - ĐĐ Siêu Minh **22**

6. VĂN HÓA

- Minh vương Nguyễn Phúc Chu - HT Thích Đạt Đạo **24**
- Thân người là quý - Thiện Bằng **27**
- Ý nghĩa tết Trung thu - Duy Thiện **29**

7. ĐỐI THOẠI

- Gặp gỡ anh Nguyễn Trung Toàn - Quang Duyên **31**

8. SUY NGẪM

- Tiền chưa phải là tất cả - Lê Hạnh **33**

9. TRI ÂN

- Lời thốt từ trái tim - Tâm Uyên **34**

10. VĂN THƠ

- An bình và Hạnh phúc - Thích Viên Trí **36**
- Bốn pháp chúc mừng - Thiện Minh **39**
- Khuyến tu - Hạnh Ngọc **43**
- Đời con có Phật - Bùi Thị Thúy Nhận **43**
- Động tâm Kushinagar - Hoa Huệ **44**
- Tâm sự một loài hoa - Huệ Trắng **44**
- Tháp bảo - Đình Văn Sơn **45**

11. VĂN HỌC PĀLI

- Alahán Kisa Gotami - BS Hồ Hồng Phước **46**

12. CHÙA THÁP

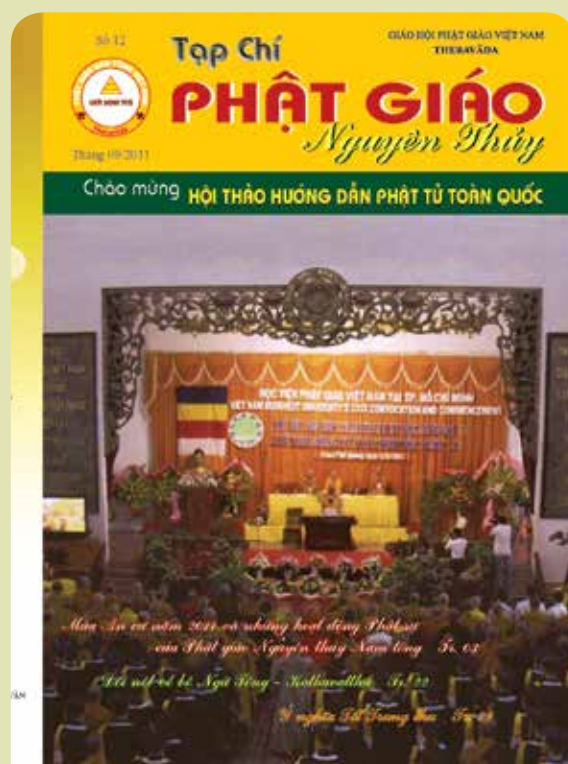
- Thăm chùa Hộ Pháp - Chơn Minh **50**

13. PHÁP LUẬT

- Tìm hiểu luật dân sự - Lâm Thị Mai **52**

14. THEO DÒNG

- 53**





*Cung đón HT Trí Quảng và chư Tôn giáo phẩm
quang lâm chánh điện*



Quang cảnh buổi lễ



Quang cảnh buổi lễ



*Ông Huỳnh Ngọc Thành Phó Giám đốc Sở Nội vụ - Trưởng ban
Tôn giáo tặng hoa chúc mừng*

Mùa An cư năm 2011 và những hoạt động Phật sự của Phật giáo Nguyên thủy Nam tông

Ban Thư ký thực hiện

Phật giáo Nam tông ở Việt Nam có hai hệ phái: Nam tông Khmer và Nam tông Việt. Thời gian an cư của Phật giáo Nam tông là từ 16 tháng 6 đến 15 tháng 9 âm lịch. Lý do an cư trễ hơn Phật giáo Bắc tông là vì Phật giáo Nam tông tính thời gian an cư theo lịch Ấn Độ.

Phật giáo Nam tông tại Thành phố Hồ Chí Minh có 25 chùa, 200 chư tăng và 100 tu nữ. Toàn quốc có khoảng 70 ngôi chùa, 600 chư tăng, 400 tu nữ và khoảng hàng vạn ngàn tín đồ Phật tử. Đặc biệt tổ đình Bửu Quang năm nay An cư kết hạ 42 chư tăng và 46 tu nữ.

VỀ TỔ CHỨC

8 năm qua, HT. Thiện Tâm Phó ban Trị sự Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh đại diện Phật giáo Nam tông xin phép Nhà nước và Giáo hội được tổ chức sinh hoạt an cư kết hạ cho chư tăng, tu nữ và Phật tử hệ phái Nam tông tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh nhằm mục đích phát huy tinh thần, gặp gỡ, đoàn kết, hòa hợp, đổi mới để tăng ni nắm bắt tình hình đất nước càng ngày càng đổi mới, chính sách Nhà nước đối với Tôn giáo để chư tăng an tâm tu hành, thực hiện chủ trương tốt đời đẹp đạo.

THỜI GIAN SINH HOẠT

Năm nay có 2 lần sinh hoạt:

- Lần thứ nhất: Ngày 14 tháng 7 năm Tân Mão (13-8-2011) địa điểm tổ chức tại chùa Bửu Quang.
- Lần thứ hai: Chủ nhật, ngày 20 tháng 09 năm Tân Mão (16-10-2011), địa điểm tổ chức tại chùa Bửu Quang.

TIẾN TRÌNH SINH HOẠT

Lần thứ nhất, Ban tổ chức vinh dự được Hoà thượng Trí Quảng - Phó Chủ tịch HĐTS.GHPGVN, Trưởng ban Trị sự Thành hội Phật giáo Thành phố

Hồ Chí Minh nói chuyện với Tăng Ni và Phật tử hệ phái Nam tông về kinh nghiệm tu tập và hoằng pháp. Động viên Tăng Ni thắt chặt tình đoàn kết để phát huy Phật giáo.

THÀNH PHẦN THAM DỰ

Mỗi lần sinh hoạt có khoảng 500 Tăng ni và 1000 Phật tử đến tham dự. Tuy nhiên, số lượng tăng ni đó cũng có số lượng của các Tỉnh, Thành hoan hỷ đồng tham dự sinh hoạt hạ và tham dự lễ hội Vu lan - Mùa báo hiếu.

Tiếp theo đây, chúng tôi xin báo cáo những Phật sự của Phật giáo Nam tông thời gian qua:

VỀ QUỐC TẾ

- Thực hiện công văn của Bộ Ngoại giao, Ban Tôn giáo Chính phủ và Trung ương GHPGVN, Hòa thượng Tiến sĩ Thiện Tâm, Hòa thượng Danh Nhưỡng nhận tước hiệu cao quý của Phật giáo Miến Điện trao tặng cho những vị có công với Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam.

- Tháng 4, Thượng tọa Tiến sĩ Bửu Chánh cùng chư tôn đức trong Hội đồng Điều hành Học viện Phật giáo Việt Nam lên đường sang Mỹ để tham dự Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc tổ chức tại NewYork và Thượng tọa Tăng Định cùng với phái đoàn Phật giáo Việt Nam lên đường sang Thái Lan tham dự đại lễ Vesak.

- Ngày 7-11-2010, Đại đức Thiện Minh hướng dẫn đoàn chư tăng Ni và Phật tử hành hương Ấn Độ và dâng y Kathina quốc tế cho 100 Tăng Ni sinh các quốc gia đang học Thạc sĩ và Tiến sĩ tại Ấn Độ

VỀ NGHI LỄ

- Thời gian qua, Thượng tọa Tăng Định - Ủy viên Ban Nghi lễ TW. GHPGVN đã biên soạn quyển Nghi lễ Phật giáo Nam tông - Kinh Nhật tụng của người cư sĩ.

- Thượng tọa Pháp Chất - Phó ban Nghi lễ TW. GHPGVN đang biên soạn quyển Nghi lễ Phật giáo Nguyên thủy.

VỀ GIÁO DỤC

- Ban in ấn chùa Bửu Long đã xuất bản và giới thiệu hơn 50 đầu sách kinh điển Phật giáo Nam tông.

- Ban in ấn Thư viện Phật giáo Nguyên thủy đã xuất bản 12 bộ chú giải và một số kinh sách, lịch sử quan trọng trong truyền thống kinh điển Pāli. Sắp xuất bản 45 quyển Chánh tạng và 92 quyển chú giải Pāli tài liệu gốc. Vừa qua xuất bản quyển "Hòa thượng Siêu Việt - Một thời để nhớ" để tưởng niệm lần thứ 13 ngày Hòa thượng viên tịch; vừa xuất bản quyển "Theo Dấu Chân Xưa" tập 1 và tập 2. Hiện đang ấn hành 8 quyển Tự điển Danh từ Phật học Pāli

- Tập văn Phật giáo Nguyên thủy xuất bản được

15 số, Tập văn đã chuyển thành Tạp chí để hoạt động theo chuyên ngành báo chí và đã xuất bản số đầu tiên để kỷ niệm 1000 năm Thăng Long Hà Nội vào đầu tháng 10 năm 2010. Tạp chí do HT Thiện Tâm làm Tổng Biên tập. TT. Bửu Chánh, Đại Đức Thiện Minh làm Phó Tổng Biên tập. Hiện nay đã in được 11 số và chuẩn bị tháng 8 in Tạp chí số 12, đồng thời tổ chức mừng lễ "Sinh Nhật 1 năm của Tạp chí" ra đời.

- Chùa Siêu Lý Vĩnh Long đã liên tục tổ chức các lớp Trung cấp Pāli và Vi Diệu Pháp do Thượng tọa Giác Giới phụ trách.

- Chùa Bửu Quang đã tổ chức được 5 khoá học Vi Diệu Pháp, mỗi khoá khoảng 30 Tăng ni và Phật tử do Tỳ khưu Giác Tuệ phụ trách.

VỀ TỪ THIỆN

1. Trong dịp lễ tưởng niệm cố đại lão Hòa thượng Bửu Chơn vào ngày mừng 1 tháng 8 âm lịch HT Thích Thiện Tâm phát 200 phần quà trị giá 24 triệu đồng, góp cho quỹ trẻ em tàn tật Việt Nam 20 triệu đồng, góp quỹ khuyến học, tâm lý giáo dục 10 triệu đồng, ủng hộ quỹ học bổng Nguyễn Hữu Thọ 3 triệu đồng.

Chùa Phước Hải Tp Vũng Tàu, nhân dịp lễ Vu lan ĐĐ Minh Hạnh và tăng ni chùa phát 10 tấn gạo, tổng trị giá hơn 100 triệu đồng.

2. Đại Đức Thiện Minh - Phó ban Từ thiện TW. GHPGVN, Chủ tịch Chi hội Từ thiện Hương Minh Hiếu trao tặng:

- 1 nhà tình thương ở tỉnh Vĩnh Long, trị giá 20 triệu đồng.

- 1 nhà tình thương ở Thành phố Vũng Tàu, trị giá 20 triệu đồng.

- Trao 4 học bổng ở phường Bình Chiểu, trị giá 2 triệu đồng.

3. Tháng 6 năm 2011, Đại đức Thiện Minh và Tu nữ Quang Duyên tổ chức phát 300 phần quà Từ thiện ở tỉnh Sóc Trăng cho những người mù, tổng trị giá 100.000.000 đồng.

4. Tháng 7 năm 2011, Tu nữ Quang Duyên và phái đoàn chùa Bửu Quang phát quà từ thiện ở tỉnh Bình Thuận, tổng trị giá 50.000.000 đồng.

5. Thượng tọa Thiện Đạt - Trụ trì chùa Giác Quang, Q.8, Thành phố Hồ Chí Minh cùng Phật tử cúng dường 21 trường hạ hệ phái Nam tông, tổng trị giá 100.000.000 đồng.

VỀ XÂY DỰNG

- Chùa Tam Phước, Thành phố Biên Hòa - Đồng Nai đang xây dựng Thiền đường và Trai đường, tổng trị giá 2 tỷ đồng.

- Chùa Bửu Long Q.9 đang xây dựng Chùa Tháp

có tầm cỡ lớn nhất Phật giáo Nguyên thủy. Có khả năng năm 2012 sẽ khánh thành, tổng trị giá khoảng 20 tỷ.

- Thiền viện Phước Sơn tỉnh Đồng Nai đang trùng tu chánh điện Phật giáo Nguyên thủy lớn nhất.

- Chùa Kỳ Viên đã xây dựng xong 4 tầng, đã đưa vào sử dụng trong dịp lễ dâng y Kathina. Phần còn lại đang tiến hành xây dựng.

- Chùa Đại Lộc - Ấn Độ đang tiến hành xây dựng 6 hạng mục khá tốt. Cuối năm nay sẽ hoàn thành hạng mục Chánh điện, gác chuông, nhà trù và tượng Phật Thích Ca Chuyển pháp luân, chất liệu đá, cao 18 m. Dự kiến sẽ khánh thành vào năm 2012.

VỀ HOẢNG PHÁP

- Thiền viện Nguyên thủy được phép của Ban Tôn giáo Chánh phủ tổ chức 7 khóa thiền liên tục cho các hành giả đến từ các tỉnh thành để thực tập thiền Tứ Niệm Xứ do thiền sư Miến Điện hướng dẫn. Mỗi khóa thiền có khoảng 50 đến 100 hành giả Phật tử.

- Thiền viện Phước Sơn, mỗi năm có hơn 10 khóa thiền. Mỗi khóa khoảng 100 đến 200 hành giả.

- Chùa Bửu Long, tổ chức mỗi ngày thứ bảy cho các thiền sinh đến tập thiền - thư giãn tâm linh.

- Tổ đình Bửu Quang tổ chức thiền vào ngày chủ nhật cho các hành giả tu tập pháp môn thiền Chánh niệm. Hằng tuần như vậy có khoảng 50 đến 100 Phật tử tham dự.

- Chùa Phổ Minh Q. Gò Vấp mỗi ngày có hướng dẫn công phu và tập thiền định cho Phật tử.

- Chùa Phật Bảo tổ chức thiền và lớp giáo lý cho các Phật tử địa phương. Tham dự có khoảng 100 Phật tử.

- Chùa Nam Tông mỗi ngày chủ nhật có tổ chức khóa thiền niệm tâm cho các Phật tử.

VỀ GIA ĐÌNH PHẬT TỬ, TU GIEO DUYÊN, KHÓA TU HỌC

- Chùa Tam Bảo Đà Nẵng hơn 10 năm qua có thành lập gia đình Phật tử. Có khoảng 150 thanh thiếu niên Phật tử sinh hoạt.

- Chùa Bình Long Thành phố Phan Thiết thành lập gia đình Phật tử vào năm 2009. Có khoảng 150 Phật tử tham gia.

- Tổ đình Bửu Quang Q. Thủ Đức thành lập gia đình Phật tử có khoảng 100 Thanh thiếu niên Phật tử. Tuy ít nhưng sinh hoạt khá tốt và đồng bộ.

- Chùa Nam Quang 3 năm qua tổ chức tu gieo duyên cho nam và nữ Phật tử. Thời gian tu 1 tháng. Mỗi năm có 50, 100 và thậm chí lên đến 150 người tham dự. Đây là hình thức khá độc đáo và đáng duy trì cũng như nhân rộng. Trong thời gian tu giúp cho



Chư Tôn giáo Phẩm niệm hương

anh chị Phật tử học giáo lý, tu thiền định, ý thức về công cha nghĩa mẹ.

- Thiền viện Phước Sơn tổ chức tu gieo duyên hai năm 2009 và 2011, số lượng tham dự 150 người.

- Thiền viện Thiện Minh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long tổ chức khóa tu niệm Phật lần 5, mỗi khóa tu có khoảng 200 Phật tử tham dự.

- Chùa Thái Hòa - Đồng Nai tổ chức khóa tu niệm Phật lần thứ 3 có khoảng 150 Phật tử.

BỔ NHIỆM TRỤ TRÌ

- Tháng 6 năm 2011, Đại đức Pháp Thắng nhận quyết định bổ nhiệm trụ trì do Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Đồng Nai trao tặng.

- Tháng 7 năm 2011, chùa Tứ Phương Tăng vinh dự nhận quyết định bổ nhiệm trụ trì cho Đại đức Phước Tịnh.

VỀ KỶ LỤC

- Chùa Bửu Quang được xác lập kỷ lục chùa Việt đầu tiên ở Việt Nam.

- Chùa Phổ Minh được xác lập kỷ lục có bảo tháp cao nhất.

- Chùa Nguyên Thủy xác lập có tượng Phật lớn nhất trong chánh điện.

- Chùa Giác Quang xác lập có tượng Phật đồng lớn nhất.

- Thiền viện Phước Sơn xác lập kỷ lục tượng Phật trong chánh điện lớn nhất Việt Nam.

- Hiện đang tiến hành xác lập Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy, Thư viện Phật giáo Nguyên Thủy, chùa Bửu Long, Q. 9 và chùa Đại Lộc- Ấn Độ.

Tóm lại:

Phật Giáo Nam Tông ở Thành phố Hồ Chí Minh về niên đại du nhập khiêm tốn so với các Tôn giáo bạn, tuy nhiên số lượng ít nhưng có nhiều đóng góp đáng kể cho Nhà nước và Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong chương trình đại đoàn kết dân tộc. ●

DIỄN VĂN KHAI MẠC

Hội thảo hướng dẫn Phật tử toàn quốc (*)

HT. Thích Thiện Duyên

Trưởng ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương

Trong không khí hân hoan chào mừng những sự kiện trọng đại của đất nước vừa diễn ra thành công. Hòa cùng niềm vui của Tăng Ni Phật tử Việt Nam hướng đến kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam và đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc nhiệm kỳ VII (2012-2017). Thực hiện nghị quyết của Ban Thường trực HĐTS, Ban Hướng dẫn Phật tử TW kết hợp với Ban Trị sự Phật giáo Thành phố Đà Nẵng long trọng tổ chức Hội thảo Hướng dẫn Phật tử toàn quốc năm 2011. Trước và trên hết, thay mặt Ban tổ chức, tôi xin cung kính chào mừng Chư tôn đức giáo phẩm lãnh đạo TW Giáo hội, Thành hội Phật giáo thành phố Đà Nẵng cũng như các tỉnh thành, quý vị đại diện Đảng, Chính quyền, mặt trận, các ban ngành đoàn thể liên quan của TW và thành phố Đà Nẵng, Chư tôn đức Tăng Ni, quý vị thiện tri thức, các vị mạnh thường quân, nhà tài trợ cùng tất cả quý vị đại biểu đã dành thời gian quý báu quang lâm tham dự hội thảo. Xin gửi đến toàn thể liệt quý vị hiện diện sáng hôm nay lời cảm ơn, lời chúc sức khỏe, an lạc và thành đạt.

Đạo Phật có mặt tại Việt Nam từ rất sớm, ngay từ buổi đầu tiên lập quốc, Phật giáo với tinh thần Từ bi – Trí tuệ đã sớm hòa nhập và góp sức cho công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước, mang lại hạnh phúc, an vui cho nhân dân. Trải qua các triều đại, thời nào Phật giáo Việt Nam cũng có những vị Tăng Ni tài năng, đức độ, được quần chúng nhân dân và vua chúa kính phục, tôn làm quốc sư, quân sư để tham vấn các vấn đề hệ trọng của đất nước. Thời Đinh có thiền sư: Ngô Chân Lưu làm Tăng thống với hiệu Khuông Việt, thời tiền Lê có thiền sư: Pháp Thuận, thời Lý có thiền sư Vạn Hạnh v.v... Đặc biệt, trong thời nhà Trần, với tinh thần nhập thế tùy duyên bất biến, đạo Phật đã phát triển mạnh mẽ, sâu rộng trong mọi tầng lớp của xã hội và trở thành một Tôn giáo không thể thay thế trong lòng dân tộc. Các thiền sư như Pháp Loa, Huyền Quang và đặc biệt là Phật hoàng Trần Nhân Tông với ý thức độc lập, tự chủ trên mọi lĩnh vực, kể cả Tôn giáo, đã khai mở cho Phật giáo Việt Nam một



HT. Thích Thiện Duyên đang phát biểu

con đường riêng phù hợp với đạo pháp và dân tộc, tạo thành khối đại đoàn kết, làm nên hào khí Đông A hùng mạnh với 3 lần chiến thắng quân Nguyên – Mông rạng ngời trang sử Việt.

Đến thời cận đại và hiện đại tình hình đất nước có nhiều chuyển biến, chiến tranh ác liệt và kéo dài, đất nước bị chia cắt thành hai miền, nhiều chốn tông lâm tự viện trở thành cơ sở hoạt động của cách mạng. Bản thân các Tăng Ni, Phật tử ngoài việc dẫn thân vào công cuộc hoằng dương Phật pháp, còn làm công tác đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh nội tại, đóng góp sức mình vào việc đẩy lùi giặc ngoại xâm.

Sau ngày thống nhất hai miền Nam – Bắc, Phật giáo Việt Nam từng bước củng cố xây dựng và phát triển trong thời đại mới với sự kiện thống nhất tất cả các tổ chức, hệ phái Phật giáo vào tháng 11 năm 1981 với danh xưng là Giáo hội Phật giáo Việt Nam – tổ chức duy nhất đại diện cho Phật giáo Việt Nam – Ban Hướng dẫn Phật tử là 1 trong 9 ban viện của Giáo hội được thành lập. Từ đó đến nay trải qua 6 nhiệm kỳ, Ban đã tích cực hoạt động, tìm nhiều giải pháp để xây dựng và phát triển góp phần làm cho

Giáo hội ngày càng khởi sắc. Nhiều khóa hội thảo, hội trại được diễn ra ở khu vực phía Bắc, khu vực miền Trung và Tây Nguyên, khu vực miền Đông và Tây Nam Bộ.... thực hiện thành công nghị quyết của Ban Thường trực HĐTS và chương trình hoạt động của ngành HDPT trong nhiệm kỳ 6.

Tiếp nối những thành tựu trên, hội thảo hướng dẫn Phật tử lần này với chủ đề "Phật hóa gia đình và đạo đức xã hội" diễn ra tại Đà Nẵng, một thành phố trẻ trung, năng động, với hàng loạt các hoạt động: Hội thảo, tổng kết công tác Phật sự trong 30 năm (1981-2011) của ngành hướng dẫn Phật tử; hội thi giáo lý Phật tử Đà Nẵng - Quảng Nam; thuyết giảng Phật pháp; lễ quy y; tặng xe đạp cho học sinh nghèo; văn nghệ chào mừng "Đêm hội Trăng rằm tháng Tám"; triển lãm hoạt động của ngành hướng dẫn Phật tử và tranh tượng nghệ thuật sức sống Phật giáo Đà Nẵng v.v...

Để có một khóa hội thảo thực sự có ý nghĩa, nội dung hội thảo lần này sẽ được tập trung vào các vấn đề nâng cao hiệu quả trong công tác vận động thực hiện chương trình "Phật hóa gia đình; vấn đề cải đạo - giải pháp nào bảo vệ tín tâm người Phật tử; quan niệm về hôn nhân cùng tín ngưỡng và khác tín ngưỡng; điều kiện cần và có để xây dựng tổ ấm gia đình; nâng cao vai trò trách nhiệm của ngành hướng dẫn Phật tử trong thời hội nhập và phát triển đất nước; Phật giáo trước những cơ hội và thách thức trong tình hình mới; Phật giáo và dân tộc trong



Toàn cảnh buổi làm việc

những giai đoạn thăng trầm của đất nước; những đóng góp của Phật tử trong thời quá khứ và cận đại; bổn phận của Phật tử đối với bản thân, gia đình, học đường và xã hội; trách nhiệm hộ trì Tam bảo của người Phật tử tại gia; phương thức giáo dục thanh thiếu nhi Phật tử hiện nay; thiết lập mô hình sinh hoạt tu học và giải trí của thanh thiếu nhi Phật tử tại các tự viện; mục đích giáo dục Gia đình Phật tử (GDPT) Việt Nam qua các thời kỳ; đổi mới phương thức sinh hoạt tu học của GDPT hiện nay; đạo đức xã hội - thực trạng và giải pháp (nhằm hạn chế bạo lực trong gia đình, học đường, nhà trẻ và xã hội đang có chiều hướng gia tăng); phát huy những giá trị văn hóa đạo đức truyền thống của dân tộc trong sinh hoạt gia đình và xã hội; thái độ tiếp nhận các nguồn văn hóa từ nước ngoài; những giải pháp ngăn chặn hữu hiệu các nguồn văn hóa đồi trụy độc hại; kinh nghiệm truyền bá Phật pháp ở vùng đồng bào các dân tộc; kinh nghiệm tổ chức và phát triển: đạo tràng Bát quan trai, khóa tu Phật thất, khóa tu Một ngày niệm Phật, khóa tu Một ngày an lạc v.v... người Phật tử với vấn đề bảo vệ môi trường sinh thái, biến đổi khí hậu toàn cầu". Tôi mong mọi tất cả quý vị hãy tham gia thảo luận, trình bày ý kiến quan điểm của mình. Chúng ta tận dụng khoảng thời gian quý báu này để cùng nhau chia sẻ, trao đổi và đúc kết thành những bài học góp phần xây dựng đạo pháp và dân tộc trong vận hội mới.

Với mục tiêu và tâm nguyện thiết thực đã trình bày, sáng nay tại chùa Linh Ứng Bãi Bụt, thành phố Đà Nẵng, dưới ánh từ quang của đức Phật, trong niềm hoan hỷ vô biên của chư tôn đức Tăng Ni, các vị quan khách và quý đại biểu, tôi xin thay mặt Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương long trọng tuyên bố khai mạc Hội thảo Hướng dẫn Phật tử Toàn quốc trong tinh thần đoàn kết hòa hợp.●

() Trích Tham luận của Hòa thượng Thích Thiện Duyên đọc tại Hội thảo Hướng dẫn Phật tử Toàn quốc tổ chức tại Tp. Đà Nẵng tháng 9 năm 2011.*



*Bác sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám (1897 - 1969)
Sáng lập viên GDPT Việt Nam*

Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh trong quan hệ đoàn kết, hữu nghị, hợp tác, phát triển với các tổ chức xã hội, tổ chức nhân dân các nước trong khu vực và Thế giới



Quang cảnh lễ đón tiếp phái đoàn GHPGVN của Giáo hội Tăng già Myanmar tại Trung tâm nghiên cứu Phật học Quốc tế

Thời gian qua, công tác đối ngoại nhân dân đã đạt được nhiều kết quả, góp phần tích cực vào việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao vị thế và uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

Các đoàn thể, tổ chức nhân dân tích cực xây dựng lòng tin, sự hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân Việt Nam và bạn bè quốc tế; đóng góp vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, tiến bộ xã hội.

Về phía Phật giáo, từ những năm đầu công nguyên, Phật giáo từ Ấn Độ truyền sang nước ta, trở thành trung tâm truyền đi các nước phía Bắc và biển Đông. Rồi sau đó chịu ảnh hưởng ngược lại của Phật giáo từ Trung Quốc truyền sang. Đồng thời, trong lịch sử cận đại chịu ảnh hưởng của Phật giáo các nước lân cận, chủ yếu là Campuchia.

Phật giáo đã trở thành một Tôn giáo lớn trên thế giới, có đặc điểm rất dễ hòa nhập với phong hóa dân tộc khác nhau, tự thân Phật giáo giữa các dân tộc đã có những giao lưu, quan hệ đối ngoại trong quá trình đấu tranh phát triển của lịch sử cận đại.

Đối với Việt Nam, trong quá trình bảo vệ và phát triển, trước nhiều thế lực ngoại xâm, Phật giáo với tư cách là một Tôn giáo nhập thể, "Vì chúng sanh thành tựu Phật pháp", có lúc là quốc giáo, đã đóng góp không nhỏ trong quan hệ đối ngoại và các chính sách quốc gia, nhằm mưu cầu đoàn kết, hòa

HT. Thích Thiện Tâm

Phó ban Trị sự, Trưởng ban Phật giáo Quốc tế
Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh

bình, hữu nghị đối với các nước trong khu vực và quốc tế. Bằng chứng trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, đó là sự đóng góp tích cực của các thiền sư Khuông Việt (933-1011), Vạn Hạnh (938 – 1025)...

Phật giáo lấy niềm vui của nhân dân và dân tộc làm niềm vui của mình, lấy nỗi đau của nhân dân làm nỗi đau của mình. Chính vì vậy tăng ni, Phật tử đều tích cực tham gia vào phong trào yêu nước góp phần đem lại an lạc và hạnh phúc cho dân tộc Việt Nam. Trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược của đông đảo tăng sĩ đã sẵn sàng "cởi cà sa, khoác chiến bào".

Phật giáo Việt Nam đã sớm góp phần vào hoạt động ngoại giao nhân dân của nước ta, với hoạt động tích cực của cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, một trí thức Phật tử tích cực trong hoạt động công tác xã hội, nghiên cứu Phật học và phiên dịch kinh sách. Ông tham gia hoạt động ngoại giao nhân dân trong cương vị Phó Chủ tịch phong trào hòa bình thế giới, có uy tín lớn trong công tác đối ngoại nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào những năm 1960.

Một số các vị Tôn túc Hòa thượng như: Hòa thượng Thích Tổ Liên, Hòa thượng Thích Thế Long, Hòa thượng Thích Bửu Chơn, Hòa thượng Thích Trí Thủ, Hòa thượng Thích Minh Châu tham gia các tổ chức Phật giáo quốc tế như Hội Liên hữu Phật giáo Thế giới WFB (World fellowship of Buddhists), tổ chức Phật giáo Châu Á vì Hòa bình ABCP (Asian Buddsist Confrence for Peace)... góp phần tích cực vào hoạt động ngoại giao nhân dân của đất nước.

Hiện nay, nước ta trên đường hội nhập toàn diện vào cộng đồng thế giới, vì vậy, vai trò của ngoại giao nhân dân càng trở nên thiết yếu hơn nữa, trong đó cần nâng cao hiệu quả hoạt động quốc tế của Giáo hội Phật giáo Việt Nam; cần chú ý đến một số thành phố lớn có nhiều quan hệ đối ngoại như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.

Chính sách ngoại giao của nước ta hiện nay

coi trọng quan hệ với các quốc gia láng giềng, có chung đường biên giới đất liền. Trong số 3 quốc gia láng giềng của Việt Nam, đã có 2 quốc gia mà Phật giáo được hiến pháp quy định là quốc giáo, Tôn giáo truyền thống dân tộc, đó là Lào và Campuchia.

Phật giáo Việt Nam nói chung và Phật giáo thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, luôn luôn thực hiện tinh thần lời dạy của đức Phật: "Vì lợi lạc quần sanh, vô ngã vị tha". Trong thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc, Phật tử cùng với đồng bào cả nước tích cực tham gia đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Nhiều vị có công đã được thể giới biết đến tiêu biểu như: Hòa thượng Thích Thiện Hào, Hòa thượng Thích Hiển Pháp, Ni sư Huỳnh Liên...

Sau ngày giải phóng, Phật giáo thành phố Hồ Chí Minh chung tay cùng nhân dân thành phố xây dựng xã hội mới theo định hướng Xã hội Chủ nghĩa, vì hạnh phúc ấm no của nhân dân, phù hợp với giáo lý từ bi cứu khổ của đức Phật. Từ khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành lập năm 1981 tại thủ đô Hà Nội đến nay, Phật giáo cả nước thực hiện phương châm hoạt động của Giáo hội: "Đạo Pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa Xã hội". Việc mở rộng mối quan hệ với các nước trong khu vực Asean như: Thái Lan, Lào, Campuchia... nhằm chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm, góp phần tăng cường hữu nghị và hợp tác trong sự nghiệp xiển dương Phật pháp là vô cùng cần thiết. Những người có công được biết đến tiêu biểu như Hòa thượng Thích Thiện Hào, Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Hiển Pháp, Hòa thượng Thích Trí Quảng...

Trong quá trình hội nhập với khu vực, cũng như với thế giới, Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh đã có mối quan hệ tốt với các nước ở một số lĩnh vực như:

- Giao lưu văn hóa Việt - Hàn, tổ chức các nghi thức lễ cúng, lễ cầu siêu chiến sĩ tử nạn trong chiến tranh Việt Nam theo truyền thống Phật giáo Hàn Quốc (được tổ chức tại chùa Hưng Phước, nơi có đông Phật tử Hàn Quốc sinh hoạt tín ngưỡng Tôn giáo).

- Ban Giáo dục Thành hội giao lưu với các nước Phật giáo bạn đưa tặng ni Việt Nam sang du học sang các nước bạn và tiếp nhận chư tăng các nước sang Việt Nam.

- Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh cũng đón tiếp, trao đổi kinh nghiệm truyền bá Chánh pháp cùng một số phái đoàn các nước như: Tây Tạng (Trung Quốc), Thái Lan, Campuchia, Lào, Miến Điện...

- Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh vinh dự được đón tiếp các đoàn cấp cao của Mỹ, Thái Lan, Liên hiệp Quốc... đến thăm.

- Tạo mối quan hệ gắn bó giữa Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh và nước bạn Campuchia cũng như



HT. Thích Trí Quảng tặng quà lưu niệm cho HT. Boua Kham Salybut phái đoàn Liên Minh Phật giáo Lào

cộng đồng Phật tử người Việt sinh sống trên đất nước này, không ngừng tăng cường củng cố mối quan hệ hữu nghị hợp tác, xuyên suốt qua bao thời kỳ lịch sử thăng trầm của dân tộc hai nước Việt Nam - Campuchia.

Trong những hoạt động kể trên, Thành hội Phật giáo Thành phố và Ban Phật giáo Quốc tế luôn nhận được sự hợp tác, hỗ trợ, phối hợp tích cực của Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị Thành phố Hồ Chí Minh trên các mặt hoạt động hòa bình, đoàn kết, hữu nghị, và công tác phi chính phủ nước ngoài. Thành hội Phật giáo cũng luôn hợp tác, phối hợp với Liên hiệp Hữu nghị mỗi khi Liên hiệp có yêu cầu đối với Thành hội Phật giáo Thành phố.

Qua quá trình hoạt động đó, Giáo hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh đã góp phần phát huy các mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị, hợp tác phát triển với các tổ chức xã hội, tổ chức nhân dân các nước, góp phần làm phong phú, đa dạng quan hệ đối ngoại của nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhân đây, tôi cũng mong Đảng, Chính quyền thành phố và các ban ngành cần quan tâm nghiên cứu thực tiễn tình hình hiện tại của Phật giáo và có hướng giúp đỡ cụ thể cho Phật giáo được phát huy tính năng, bản sắc của mình trong sự phát triển chung của thành phố, phù hợp định hướng Xã hội Chủ nghĩa của đất nước và dân tộc.

Phật giáo là một trong những Tôn giáo lớn của thế giới, hiện nay Phật giáo đã có mặt khắp các nước châu lục với số tín đồ trên một tỷ người, nhiều nhất là tại các nước châu Á. Việt Nam là nước có nhiều người theo đạo Phật, trải qua hơn 2000 năm lịch sử, kể từ khi Phật giáo du nhập vào Việt Nam, ở mỗi thời đại Phật giáo đều có những đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thế nên, Phật giáo Việt Nam trở thành một Tôn giáo lớn tại bản địa nhờ vào tinh thần vô ngã vị tha của đạo Phật. Sự hòa mình vào dân tộc của Phật giáo Việt Nam được thể hiện rõ nhất qua các thời kỳ vàng son của đất nước; cũng như những biến cố thăng trầm lịch sử qua các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần cho đến các cuộc kháng chiến chống Pháp và chống

Mỹ cứu nước.

Trải qua nhiều thăng trầm và biến động, Phật giáo Việt Nam luôn phát huy tinh thần yêu chuộng hòa bình, kêu gọi mọi người, mọi quốc gia, dân tộc đang chung sống, luôn giữ tâm bình an, triết để dẫn thân vì cuộc sống khai sáng và giải thoát con người. Phật giáo luôn thực hiện công tác đối ngoại gián tiếp hoặc trực tiếp dựa trên lý tưởng của Tôn giáo mình.

Trong các nước Asean, Việt Nam hầu như là quốc gia có đạo Phật là Tôn giáo truyền thống duy nhất gồm cả Phật giáo Bắc tông và Phật giáo Nam tông. Vì vậy, đương nhiên, Phật giáo có một vai trò thuận lợi đặc biệt trong hoạt động ngoại giao nhân dân. Với cả hai hệ phái, đặc biệt sinh hoạt Phật giáo Nam tông Việt Nam có tương đồng sâu sắc với Phật giáo Lào, Campuchia, Thái Lan..., chư tăng có thể cùng hành lễ chung trong những khóa lễ bằng tiếng Pāli, phạm vi hoạt động ngoại giao nhân dân có thể mở rộng ra nhiều hướng. Thuận lợi đặc biệt này, thiết tưởng, cần được chú ý trong việc tổ chức các hoạt động ngoại giao nhân dân.

Dưới đây xin được nêu một số đề xuất đi vào chi tiết:

- Tăng cường tổ chức các cuộc thăm viếng lẫn nhau đối với lãnh đạo Phật giáo Việt Nam và lãnh đạo Phật giáo các nước Lào, Campuchia, Việt Nam, Thái Lan, Myanma.

- Thúc đẩy việc dịch thuật những tác phẩm nghiên cứu Phật học có giá trị của Phật giáo Việt Nam giới thiệu đến với tăng ni Phật tử các nước Lào, Campuchia, Thái Lan nhằm quảng bá thành quả nghiên cứu Phật học của Phật giáo Việt Nam đến với Phật giáo trong khu vực. Đồng thời, chọn lọc dịch thuật, xuất bản những tác phẩm nghiên cứu Phật học có giá trị tư tưởng sâu sắc của chư vị tôn đức, cư sĩ Phật giáo Lào, Campuchia, Thái Lan... nhằm giới thiệu thành quả nghiên cứu Phật học của Phật giáo Lào, Campuchia, Thái Lan đến với tăng ni Phật tử Việt Nam.

- Tổ chức tuần lễ hay tháng "Văn hóa Phật giáo Việt Nam" tại Lào, Campuchia, Thái Lan... và ngược lại.

- Phật giáo Việt Nam tiếp tục đăng cai tổ chức Đại lễ Vesak Liên hiệp Quốc, cũng như hỗ trợ Phật giáo hai nước láng giềng là Lào và Campuchia tổ chức đại lễ Vesak Liên hiệp Quốc, cố gắng đưa 3 nước Đông Dương là Việt Nam, Lào, Campuchia cùng chia sẻ việc tổ chức Đại lễ Vesak Liên hiệp Quốc thay cho tình trạng liên tục chỉ có Thái Lan tổ chức như hiện nay.

- Nhà nước và Giáo hội Phật giáo Việt Nam mời các vị lãnh đạo các nước Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanmar viếng thăm các ngôi chùa tiêu biểu của Phật giáo Việt Nam trong các chuyến công du.

- Đề nghị các trường đại học có các ngành khoa học xã hội, khoa học nhân văn, văn hóa nghệ thuật... mời các vị sư Việt Nam am hiểu về Phật giáo

các nước Asean nói chung có các buổi báo cáo, thuyết trình chuyên đề về Phật giáo Lào, Phật giáo Campuchia... Đồng thời, chư tăng Việt Nam cũng có thể giới thiệu Phật giáo Việt Nam tại các trường đại học cùng lãnh vực đào tạo ở các nước Campuchia, Lào, Thái Lan...

- Trong các dịp lễ Phật giáo quan trọng có nghi lễ của Giáo hội Phật giáo Việt Nam nên có thư mời các cơ quan ngoại giao, các tổ chức, đơn vị các nước Lào, Campuchia, Thái Lan tham dự với tinh thần cùng là Phật tử.

- Khuyến khích du khách Việt Nam tham quan các chùa chiền trong các chuyến du lịch Lào, Campuchia, Thái Lan và ngược lại, tăng cường giới thiệu danh lam cổ tự Việt Nam đối với khách du lịch quốc tế bằng nhiều hình thức như tờ rơi, tờ gấp, cẩm nang hướng dẫn, bưu ảnh...

Phật giáo thành phố Hồ Chí Minh đã có những đóng góp nhất định trong quan hệ hợp tác, hữu nghị, đoàn kết giữa các tổ chức xã hội trong nước cũng như trong khu vực và quốc tế, đã và đang ra sức phát huy truyền thống yêu nước phụng đạo của lịch sử Phật giáo Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng thành phố Hồ Chí Minh văn minh, giàu đẹp, góp phần đưa Phật giáo Việt Nam theo kịp xu thế phát triển chung của Phật giáo các nước láng giềng và Phật giáo thế giới.

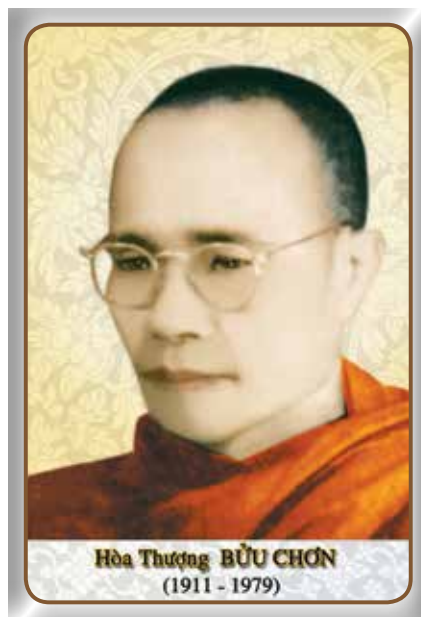
Kể từ khi có Pháp lệnh Tôn giáo, Việt Nam đã bình thường hóa các hoạt động Tôn giáo. Các tổ chức Tôn giáo đã được công nhận tư cách pháp nhân, trong những năm qua đều có sự phát triển về số lượng cơ sở Giáo hội, về việc xây dựng mới hoặc tu bổ các cơ sở thờ tự. Việc in kinh sách và xuất bản các ấn phẩm khác liên quan đến Tôn giáo được duy trì thường xuyên, bảo đảm phục vụ yêu cầu hoạt động Tôn giáo tại Việt Nam. Các chức sắc, nhà tu hành được tham gia học tập, đào tạo ở trong nước và nước ngoài hoặc tham gia các sinh hoạt Tôn giáo ở nước ngoài. Nhiều tổ chức Tôn giáo nước ngoài đã vào giao lưu với các tổ chức Tôn giáo Việt Nam.

Để nền ngoại giao toàn diện Việt Nam trong tình hình mới đạt hiệu quả cao, cần có sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa các kênh đối ngoại. Với vị trí quan trọng là một trong ba chân kiềng của Ngoại giao Việt Nam, công tác ngoại giao nhân dân cần bám sát các yêu cầu phát triển và hội nhập của đất nước cũng như các trọng tâm đối ngoại chung, tiếp tục đổi mới cả về phương thức và nội dung hoạt động, mở rộng đối tác, địa bàn và lực lượng tham gia; chủ động tăng cường quan hệ đoàn kết hữu nghị, hợp tác, giữa nhân dân ta với nhân dân các nước, tích cực tham gia các diễn đàn của nhân dân thế giới, tạo dựng nền tảng nhân dân vững chắc cho quan hệ đối ngoại chung; đóng góp tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân loại tiến bộ trên thế giới. ●

Tiểu sử Hòa thượng Bửu Chơn (1911 - 1979)

Môn đồ phụng soạn

Hằng năm vào ngày mùng 1 tháng 8 âl chư Tăng Phật giáo Nam tông long trọng cử hành lễ tưởng niệm cố đại lão Hòa thượng Bửu Chơn bậc cao Tăng thạc đức của Phật giáo Nguyên thủy, nguyên cố vấn tinh thần tối cao của Phật giáo thế giới, nguyên Tăng thống Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam. Tạp chí kỳ này xin trích đăng đôi dòng tiểu sử của cố Hòa thượng.



Hòa Thượng Bửu Chơn thế danh Phạm Văn Tông, sinh năm Nhâm Tý (1911) tại Sa Đéc, Đồng Tháp. Thuở thiếu thời ngài sinh sống tại Campuchia, do đó ngài thấm nhuần Phật giáo Nam tông vốn là Quốc giáo tại nước này. Năm 1940, ngài xuất gia tại chùa Lankar Phnômpenh. Sau đó ngài vào rừng thực hành hạnh đầu đà (Dhutanga) suốt 12 năm. Năm 1951 ngài được Phật tử Việt Nam thỉnh về Sài Gòn để hoằng truyền giáo pháp Nguyên thủy. Năm 1952 ngài sang Tích Lan nghiên cứu Phật học tại trường DhammadutaVijjālaya khoảng 2 năm. Từ đó ngài hành hương Ấn Độ để chiêm bái các Phật tích và được Giáo hội Phật giáo ở Tích Lan dâng tặng về tôn thờ tại Việt Nam.

Ngài là vị Giáo phẩm Phật giáo Việt Nam đã tham gia nhiều hoạt động Phật giáo quốc tế.

Năm 1954, ngài làm Trưởng đoàn Phật giáo Việt Nam tham dự Hội nghị Kết tập Tam tạng Pāli lần thứ 6 tại Rangoon, Miến Điện.

Năm 1956, ngài tham dự Hội nghị Phật giáo Thế giới lần thứ 3 tại Miến Điện. Nhân dịp này Ngài vinh dự được Bộ Tôn giáo Miến Điện dâng tặng Ngọc Xá Lợi về thờ tại Việt Nam.

Ngài là thành viên vận động thành lập Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam. Nhiệm kỳ lâm thời ngài được thỉnh cử vào cương vị Tăng thống Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam vào năm 1957. Trong năm này, ngài làm Trưởng đoàn Phật giáo Việt Nam dự lễ kỷ niệm PL. 2.500 năm do Phật giáo Campuchia tổ chức. Cũng trong năm này ngài dự Hội nghị Phật giáo lần thứ 4 tại Népal và Hội nghị Triết học tại Ấn Độ.

Năm 1958, ngài dự Hội nghị Quốc tế Lịch sử Tôn giáo Thế giới lần thứ 9 tại Đông Kinh, Nhật Bản.

Năm 1960 ngài được thỉnh cử vào chức vụ Phó Chủ tịch Hội Liên hữu Phật giáo Thế giới (World Fellowship of Buddhists) trong kỳ Đại hội lần thứ 5 tại Thái Lan. Cũng trong năm này, ngài tham dự Hội nghị Lịch sử Tôn giáo Thế giới lần thứ 10 tại Tây Đức. Nhân cơ hội ngài đã đến nghiên cứu các tổ chức Phật giáo tại các nước như: Anh, Ý, Pháp.

Năm 1961 trong Hội nghị Phật giáo Thế giới lần thứ 6 tại Phnôm Pênh, Campuchia, ngài được bầu vào chức vụ Cố vấn Tinh thần Tối cao và vĩnh viễn của Hội Liên hữu Phật giáo Thế giới (World Fellowship of Buddhists).

Năm 1962, ngài tái đắc cử Tăng thống Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam. Ngài đã cùng với Hòa thượng Narada (người Tích Lan) vận động xây dựng thắng tích Thích Ca Phật Đài tại núi Lớn, Vũng Tàu.

Năm 1963, trong cuộc đấu tranh chống chế độ kỳ thị Tôn giáo của chế độ Ngô Đình Diệm, ngài được cử giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban Liên

phái Bảo vệ Phật giáo.

Năm 1964, ngài dẫn đầu phái đoàn tham dự Hội nghị Phật giáo Thế giới lần thứ 7 tại Ấn Độ.

Năm 1965, ngài được bầu làm Chủ tịch danh dự Hội Phật giáo Thế giới Singapore. Cũng trong năm này, ngài dự Hội nghị thành lập Hội Tăng già Phật giáo Thế giới tại Tích Lan.

Năm 1966, ngài dẫn đầu phái đoàn Phật giáo Việt Nam tham dự Hội nghị Phật giáo Thế giới lần thứ 8 tại Thái Lan.

Năm 1968, ngài tham dự Hội nghị Lịch sử Tôn giáo Thế giới lần thứ 12 tại Jerusalem, Do Thái.

Năm 1972, ngài được thỉnh cử đảm nhiệm chức vụ Phó Tăng thống Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam.

Năm 1975, ngài được mời giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban - Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1979, ngài được đại hội thỉnh đảm nhận chức vụ Cố vấn Ban Chương quản Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam khóa 11, Hòa thượng Thiện Tâm làm Tổng Thư ký.

Ngài là một bậc cao Tăng thực đức của Phật giáo Việt Nam, một học giả uyên thâm Phật Pháp, biết rất nhiều ngoại ngữ như Lào, Thái, Khmer, Miến Điện, Tích Lan, Trung Quốc, Pháp, Anh, Đức, Ý, Nga và cổ ngữ Pāli. Riêng về Pāli là ngôn ngữ mà ngài rất thông thạo và đã dành rất nhiều thì giờ nghiên cứu và soạn thành tự điển Pāli - Việt.

Dù bận rộn Phật sự trong nước cũng như Phật sự quốc tế, ngài vẫn dành thời gian để hành thiền, thuyết Pháp, phiên dịch và trước tác nhiều kinh sách để hoằng dương giáo pháp, trên dưới 20 tác phẩm.

Ngày 17- 9-1979, mặc dù sức khỏe suy yếu, ngài vẫn hoan hỉ nhận lời dẫn đầu phái đoàn Phật giáo Việt Nam sang thăm hữu nghị, dự lễ Đolta (lễ lớn nhất của dân tộc Campuchia) tại Campuchia và cử hành lễ truyền cụ túc giới cho



Ngài Bửu Chơn tại Bồ Đề Đạo tràng

các nhà sư Campuchia bị chế độ diệt chủng Pôn Pốt cưỡng bức hồi tục.

Ngày 19-9-1979 do bệnh cũ (sạn mật) tái phát trầm trọng, đến 2 giờ sáng ngày 21-9-1979 (nhằm ngày 01-08- năm Kỷ Mùi) ngài an nhiên viên tịch tại Phnôm Pênh, hưởng thọ 69 tuổi đời, với 39 tuổi đạo (lúc ấy bên cạnh ngài có HT Thiện Tâm là trưởng tử của ngài). Trước giờ phút lâm chung, trên giường bệnh ngài vẫn còn tỉnh táo lắng nghe Hòa thượng Thiện Tâm và các thành viên trong đoàn báo cáo kết quả buổi lễ Đolta và lễ truyền giới viên mãn

cho 7 vị sư Campuchia, (Cot vai, Pra Dick, IK-Sum, Non Nghet, Kel vong, Dinh Sarun và Tep Vong), mở đầu cho kỷ nguyên phục hồi nền Phật giáo xứ chùa tháp Campuchia.

Cuộc đời và công hạnh của ngài là một tấm gương sáng ngời, tỏa rộng khắp thế giới, và lưu lại mãi trong tâm tư cùng ký ức của tăng ni Phật tử Việt Nam thời hiện tại và trang sử vàng của Phật giáo Việt Nam.

Các tác phẩm của ngài còn để lại trong sự nghiệp sáng tác phiên dịch:

1. Cư sĩ thực hành.
2. Tứ thanh tịnh giới.
3. Pháp xa.
4. Chuyển pháp luân.
5. Bồ tát khổ hạnh.
6. Hàng rào giai cấp.
7. Niệm thân.
8. Chánh giác tông.
9. Tội ngũ trần.
10. Truyền ngọc quý. Quả báo sa môn.
11. Nhân quả liên quan.
12. Kho tàng Pháp bảo.
13. Pháp đầu đà.
14. Hội nghị quốc tế.
15. Văn phạm Pāli.
16. Định luật thiên nhiên của vũ trụ.
17. Tự điển Pāli. ●

Nghị Quyết

Hội Nghị Ban Thường trực Hội đồng Trị sự

Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Hội nghị Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức tại Văn Phòng 2 Trung ương Giáo hội - Thiền Viện Quảng Đức, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20/8/2011 để Sơ kết công tác Phật sự 6 tháng đầu năm 2011, thảo luận và thông qua chương trình hoạt động Phật sự 6 tháng cuối năm 2011 của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Hội nghị dưới sự Chủ trì của quý Hòa thượng Phó Chủ tịch Thường trực; tham dự của chư vị Phó Chủ tịch; chư Tôn giáo phẩm, quý Cư sĩ trong Ban Thường trực Hội đồng Trị sự.

Hội nghị được vinh dự đón tiếp ông Bùi Hữu Dược – Vụ trưởng Vụ Phật giáo Ban Tôn giáo Chính phủ đến tham dự và phát biểu.

Qua một ngày làm việc trong tinh thần hòa hợp, đoàn kết, dân chủ và trí huệ, sau khi nghe báo cáo Sơ kết công tác Phật sự 6 tháng đầu năm 2011 và chương trình hoạt động Phật sự 6 tháng cuối năm 2011 của Giáo hội Phật giáo Việt Nam do Ban Thư ký trình bày, những ý kiến phát biểu bổ sung của đại diện các Ban, Viện Trung ương Giáo hội và chư Tôn giáo phẩm, Cư sĩ trong Ban Thường trực Hội đồng Trị sự, Hội nghị đã nhất trí Quyết nghị:

1. Thông qua báo cáo Sơ kết công tác Phật sự 6 tháng đầu năm 2011 của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. (đính kèm văn bản).
2. Thông qua chương trình hoạt động Phật sự 6 tháng cuối năm 2011 của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. (đính kèm văn bản).
3. Triển khai công tác tổ chức Đại lễ kỷ niệm, hội thảo 30 năm ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (07/11/1981 – 07/11/2011) tại Trung ương và địa phương.
4. Giao Ban Thư ký, Văn phòng Trung ương Giáo hội hỗ trợ các thủ tục tiến hành Đại hội thành lập Ban Trị sự Tỉnh hội (Ban Đại diện) Phật giáo tỉnh Lào Cai, Hà Giang, Sơn La.
5. Ban hành Thông tư hướng dẫn Ban Trị sự tổ chức Đại hội Đại biểu Phật giáo cấp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trước khi tiến hành tổ chức Đại hội Phật giáo các Tỉnh, Thành nhiệm kỳ mới.
6. Giao Ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương lập thủ tục xin phép Chính phủ mở Cao học Phật học tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thủ đô Hà Nội, Tp. Huế và Tp. Hồ Chí Minh và Trường Sư phạm Phật giáo tại Hà Nội.
7. Giao Ban Thư ký, Văn phòng Trung ương Giáo hội lập kế hoạch xin phép các cơ quan Chính phủ thành lập Trường Cao đẳng Phật học, trường Trung cấp Phật học Nam tông Khmer tại Trà Vinh.
8. Giao Ban Thư ký, Văn phòng Trung ương Giáo hội triển khai đề án thành lập Ban Truyền thông trực thuộc Hội đồng Trị sự GHPGVN để trình Đại hội VII xem xét thông qua. Trước mắt giao Ban Thường trực HĐTS trực tiếp điều hành và vận hành Ban Truyền thông trực thuộc Ban Thường trực HĐTS và công cử nhân sự lâm thời của Ban Truyền thông và sẽ bổ sung theo yêu cầu công việc.
9. Ghi nhận tất cả ý kiến phát biểu của Phật giáo Nam tông và Quý Đại biểu liên quan đến Ban Tăng sự, Giáo dục Tăng Ni, Hoằng pháp, Hướng dẫn Phật tử, Nghi lễ, Văn hóa, Kinh tế Tài chánh, Từ thiện Xã hội, Phật giáo Quốc tế, Nghiên cứu Phật học và nghiên cứu một số điểm khả thi của các ý kiến để bổ sung vào chương trình hoạt động Phật sự của Giáo hội.
10. Giao Ban Trùng tu tiếp tục xây dựng dãy nhà Tây lang - Khối Văn phòng làm việc của Văn phòng 2 Trung ương Giáo hội.
11. Thông qua báo cáo về Tài chính thu chi do Ban Kinh tế Tài chánh trình bày.
12. Giao Ban Thư ký và Văn phòng Trung ương Giáo hội hoàn chỉnh các văn bản liên quan đến Hội nghị để phổ biến và thi hành; chuẩn bị các nội dung liên hệ cho Hội nghị Ban Thường trực và Hội nghị Thường niên Trung ương Giáo hội kỳ V khóa VI Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Hội nghị đã nhất trí thông qua Nghị quyết này vào lúc 16 giờ 30 phút ngày 20 tháng 8 năm 2011 trong tinh thần đoàn kết và hoan hỷ.

TM. CHỦ TỌA ĐOÀN

CHỦ TỊCH

(đã ấn ký)

Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH



Tôn giả Mahācunda thưa với đức Phật: Có những sở kiến khởi lên ở đời, hoặc thuộc tự ngã, hoặc thuộc thể giới, thời đối với vị Tỷ kheo có tác ý chân chánh từ khi ban đầu, có thể đoạn trừ xả ly các tà kiến ấy không? Đức Phật nói, chỗ nào những sở kiến ấy khởi lên, tiềm ẩn và hiện hành, cần phải như thật nhìn chúng với trí tuệ là cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi, có vậy mới đoạn trừ các tà kiến. Tà kiến có tất cả là hai mươi tám: Hai mươi tà kiến thuộc năm uẩn, mỗi uẩn có bốn; tám tà kiến về ngã và thể giới thường, vô thường, thường và vô thường, không thường và không vô thường (Xem kinh 1 (M.i) A. ii, 214, S.iii, 16, D.i, 14).

Khi vị Tỷ kheo tu bốn thiên, như vậy không phải đoạn giảm, mà chỉ là hiện tại lạc trú. Khi vị Tỷ kheo tu bốn không, như vậy không phải đoạn giảm (sallekha), mà chỉ là tịch tịnh trú (ditṭha dhammasukhavihārā; santā vihārā). Rồi đức Phật giảng pháp môn đoạn giảm, pháp môn khởi tâm, pháp môn đối trị, pháp môn hướng thượng, pháp môn giải thoát hoàn toàn.

1. Pháp môn đoạn giảm

Khi vị Tỷ kheo nghĩ: "Kẻ khác có thể là những người làm hại, chúng ta ở đây không thể là những người làm hại", như vậy đoạn giảm được thực hiện. Có tất cả ba mươi ba đề tài để vị Tỷ kheo nghĩ đến. Chữ Sallekha có nghĩa là một quyết định (của vị Tỷ kheo), không làm những điều người khác đã làm. Tự điển Pāli - Anh giải thích Sallekha là tu khổ hạnh (sustera penana), còn bản dịch tiếng Anh kinh này thời dùng chữ expunging, có nghĩa là loại trừ, xóa bỏ. Bốn mươi bốn đề tài như sau: 1. Kẻ khác làm hại, ta sẽ không làm hại, rồi đến mười điều ác, từ sát sanh đến tà kiến (2-11); 12. Tà tư duy...; 13. Tà ngữ...; 14. Tà nghiệp...; 15. Tà mạng...; 16. Tà tinh tấn...; 17. Tà niệm...; 18. Tà định...; 19. Tà trí...; 20. Tà giải thoát...; 21. Thụy miên hôn trầm...; 22. Trạo cử...; 23. Nghi hoặc...; 24. Phẫn nộ...; 25. Hiềm hận...; 26. Gièm pha...; 27. Nào hại...; 28. Tật đồ...; 29. Xan tham...; 30. Man trá...; 31. Lừa đảo...; 32. Ngoan cố...; 33. Bồng bột...; 34. Khó nói...; 35. Ác hữu...; 36. Phóng dật...; 37. Bất tín...; 38. Không xấu hổ...; 39. Không sợ hãi...; 40. Nghe ít...; 41. Biếng nhác...; 42. Thất niệm...; 43. Liệt tuệ...; 44. Kẻ khác có thể nhiễm thể tục, cố chấp tư kiến, tánh khó hành xả, chúng ta sẽ không nhiễm thể tục, sẽ không cố chấp tư kiến, tánh dễ hành xả.

2. Pháp môn khởi tâm

(Cittuppādam pariyāyo) Khởi tâm có lợi ích cho thiện pháp, khi thân nghiệp, khẩu nghiệp phù hợp với tâm ý. Những kẻ khác có thể làm hại, chúng ta ở đây không có làm hại, cần phải khởi tâm như vậy (kể luôn cả 44 đề tài như trên).

KINH ĐOẠN GIẢM (SALLEKHA SUTTA)

HT. Thích Minh Châu



3. Pháp môn đối trị

(Parikkamanapariyāyo) Như con đường không bằng phẳng, có con đường bằng phẳng đối trị; như một bên nước không bằng phẳng, có bên nước bằng phẳng đối trị. Cũng vậy, đối với con người làm hại, có sự không làm hại đối trị. Đối với con người sát sanh, có từ bỏ sát sanh đối trị (kể luôn cả 44 đề tài như trên).

4. Pháp môn hướng thượng

(Uparibhāvapariyāyo) Ví như các bất thiện pháp hướng hạ, còn các thiện pháp đều hướng thượng. Cũng vậy, con người không làm hại hướng thượng đối với người làm hại. Con người từ bỏ sát sanh hướng thượng đối với người sát sanh... (kể cả 44 pháp).

5. Pháp môn giải thoát hoàn toàn

(Parinibhānapariyāyo) Con người bị rơi vào bùn lầy không thể kéo lên một người khác bị rơi vào bùn lầy. Một người tự mình không được nhiếp phục, không được huấn luyện không có thể nhiếp phục, huấn luyện người khác. Một người không giải thoát hoàn toàn, không có thể giải thoát hoàn toàn cho người khác. Cũng vậy, đối với người làm hại, không làm hại đưa đến hoàn toàn giải thoát. Đối với người sát sanh, không sát sanh đưa đến hoàn toàn giải thoát... Cũng vậy, đối với bốn mươi bốn đề tài như trên.

Đức Phật kết luận Ngài đã giảng năm pháp môn vì lòng thương tưởng đệ tử, vì hạnh phúc cho các đệ tử. Rồi đức Phật khuyên tu thiên ở những gốc cây, những căn nhà trống: "Hãy thiên định, chớ có phóng dật để khởi hối hận về sau". ●

GIỚI LUẬT CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

Tk. Indacanda Nguyệt Thiên dịch

PHẬN SỰ Ở CHỖ THỌ THỰC:

[424] Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách đi đến chỗ thọ thực, tách ra rồi đi lên phía trước các tỳ khưu trưởng lão, chen vào (chỗ) các tỳ khưu trưởng lão rồi ngồi xuống, còn xua đuổi các tỳ khưu mới tu khỏi chỗ ngồi, lại còn trải ra y hai lớp (saṅghāṭi) rồi ngồi xuống ở trong nhà. Các tỳ khưu ít ham muốn, ... (như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ khưu nhóm Lục Sư lại mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách lại đi đến chỗ thọ thực, tách ra rồi đi lên phía trước các tỳ khưu trưởng lão, chen vào (chỗ) các tỳ khưu trưởng lão rồi ngồi xuống, còn xua đuổi các tỳ khưu mới tu khỏi chỗ ngồi, lại còn trải ra y hai lớp rồi ngồi xuống ở trong nhà?

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ... (như trên)...

- Nay các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu nhóm Lục Sư mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách đi đến chỗ thọ thực, tách ra rồi đi lên phía trước các tỳ khưu trưởng lão, chen vào (chỗ) các tỳ khưu trưởng lão rồi ngồi xuống, còn xua đuổi các tỳ khưu mới tu khỏi chỗ ngồi, lại còn trải ra y hai lớp rồi ngồi xuống ở trong nhà, có đúng không vậy?



Chư Tăng chúc phúc sau khi dùng vật thực

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- Nay các tỳ khưu, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phận sự ở chỗ thọ thực cho các tỳ khưu, các tỳ khưu ở chỗ thọ thực nên thực hành đúng dẫn theo như thế.

[425] Nếu thời giờ được thông báo ở trong tu viện, vị (tỳ khưu) nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, buộc dây thắt lưng, sửa sang cho tề chỉnh, trùm y hai lớp lên, thắt lại dây buộc, rửa ráy, cầm lấy bình bát, rồi nên đi vào làng một cách nghiêm trang không hấp tấp. Không nên tách ra rồi đi lên phía trước các tỳ khưu trưởng lão. Nên đi ở nơi xóm nhà với y được mặc chỉnh tề, nên đi ở nơi xóm nhà với (thái độ) khéo thu thúc, nên đi ở nơi xóm nhà với mắt nhìn xuống, không nên đi ở nơi xóm nhà với thân bị vén hở ra, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự cười vang, nên đi ở nơi xóm nhà với tiếng động nhỏ, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa thân, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa cánh tay, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa đầu, không nên đi ở nơi xóm nhà với tay chống nạnh, không nên đi ở nơi xóm nhà với (đầu) được trùm lại, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót.

Nên ngồi ở trong nhà với y được mặc tề chỉnh, Nên ngồi ở trong nhà với (thái độ) khéo thu thúc, nên ngồi ở trong nhà với mắt nhìn xuống, không nên ngồi ở trong nhà với thân bị vén hở ra, không nên ngồi ở trong nhà với sự cười vang, nên ngồi ở trong nhà với

tiếng động nhỏ, không nên ngồi ở trong nhà với sự đưng đưa thân, không nên ngồi ở trong nhà với sự đưng đưa cánh tay, không nên ngồi ở trong nhà với sự đưng đưa đầu, không nên ngồi ở trong nhà với tay chống nạnh, không nên ngồi ở trong nhà với (đầu) được trùm lại, không nên ngồi ở trong nhà với thể ôm đầu gối, không nên chen vào (chỗ) các tỳ khuừ trưởng lão rồi ngồi xuống, không nên xua đuổi các tỳ khuừ mới tu khỏi chỗ ngồi, không nên trải ra y hai lớp rồi ngồi xuống ở trong nhà.

Khi được dâng nước, nên cầm bình bát bằng hai tay và thọ lãnh nước. Nên hạ thấp xuống rồi rửa bình bát một cách cẩn thận không chà xát mạnh. Nếu có vật chứa nước rửa, nên hạ thấp xuống rồi đổ nước vào trong vật chứa nước rửa (nghĩ rằng): “Chớ làm vật chứa nước rửa bị văng nước tung tóe, chớ làm các tỳ khuừ xung quanh bị nước văng nhảm, chớ làm y hai lớp bị dính nước.” Nếu vật chứa nước rửa không có, nên hạ thấp xuống rồi tưới lên trên mặt đất (nghĩ rằng): “Chớ làm các tỳ khuừ xung quanh bị nước văng nhảm, chớ làm y hai lớp bị dính nước.” Không nên đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà.

Khi được dâng cơm, nên cầm bình bát bằng hai tay rồi thọ lãnh cơm. Nên chứa chỗ cho xúp. Nếu có bơ lỏng, hoặc dầu ăn, hoặc thức ăn ngon, vị trưởng lão nên nói rằng: “Nên chia đều ra cho tất cả.” Nên thọ lãnh vật thực một cách nghiêm trang. Nên thọ lãnh vật thực với sự chú tâm ở bình bát. Nên thọ lãnh vật thực với lượng xúp tương xứng. Nên thọ lãnh vật thực vừa ngang miệng (bình bát).

Vị trưởng lão không nên thọ thực khi tất cả chưa được đầy đủ cơm. Nên thọ dụng vật thực một cách nghiêm trang. Nên thọ dụng vật thực với sự chú tâm ở bình bát. Nên thọ dụng vật thực theo tuần tự. Nên thọ dụng vật thực với lượng xúp tương xứng. Không nên vun thành đồng rồi thọ dụng vật thực. Không nên dùng cơm che lấp xúp hoặc thức ăn với ý muốn được nhiều hơn. Vị không bị bệnh không nên yêu cầu xúp và cơm vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực. Không nên nhìn vào bình bát của các vị khác với ý định tìm lỗi. Không nên làm vắt cơm quá lớn. Nên làm vắt cơm tròn đều. Không nên há miệng ra khi vắt cơm

chưa được đưa đến. Không nên đưa trọn bàn tay vào miệng trong lúc thọ thực. Không nên nói chuyện với miệng còn vắt cơm. Không nên thọ thực theo cách liên tục đưa thức ăn vào miệng. Không nên thọ thực theo lối cắn vắt cơm từng chút một. Không nên thọ thực theo lối làm phồng má. Không nên thọ thực có sự vung rảy bàn tay. Không nên thọ thực có sự rơi đổ cơm vung vãi. Không nên thọ thực có sự lè lưỡi ra. Không nên thọ thực với việc làm tiếng chếp chếp. Không nên thọ thực với việc làm tiếng rột rột. Không nên thọ thực có sự liếm bàn tay. Không nên thọ thực có sự nạo vết bình bát. Không nên thọ thực có sự liếm môi.

Không nên thọ lãnh tô nước uống với bàn tay có dính thức ăn. Vị trưởng lão không nên thọ lãnh nước khi tất cả còn chưa thọ thực xong. Khi được dâng nước, nên cầm bình bát bằng hai tay rồi thọ lãnh nước. Nên hạ thấp xuống rồi rửa bình bát một cách cẩn thận không chà xát mạnh. Nếu có vật chứa nước rửa, nên hạ thấp xuống rồi đổ nước vào trong vật chứa nước rửa (nghĩ rằng): “Chớ làm vật chứa nước rửa bị văng nước tung tóe, chớ làm các tỳ khuừ xung quanh bị nước văng nhảm, chớ làm y hai lớp bị dính nước.” Nếu vật chứa nước rửa không có, nên hạ thấp xuống rồi tưới lên trên mặt đất (nghĩ rằng): “Chớ làm các tỳ khuừ xung quanh bị nước văng nhảm, chớ làm y hai lớp bị dính nước.” Không nên đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà.

Khi đi trở về, các tỳ khuừ mới tu nên đi về trước tiên, sau đó là các vị trưởng lão.

Nên đi ở nơi xóm nhà với y được mặc chỉnh tề, nên đi ở nơi xóm nhà với mắt nhìn xuống, không nên đi ở nơi xóm nhà với thân bị vén hở ra, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự cười vang, nên đi ở nơi xóm nhà với tiếng động nhỏ, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự đưng đưa thân, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự đưng đưa cánh tay, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự đưng đưa đầu, không nên đi ở nơi xóm nhà với tay chống nạnh, không nên đi ở nơi xóm nhà với (đầu) được trùm lại, không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót.

Này các tỳ khuừ, đây là phận sự ở chỗ thọ thực của các tỳ khuừ, các tỳ khuừ ở chỗ thọ thực nên thực hành đúng đắn theo như thế. ●



Dâng vật thực đến chư Tăng của Phật tử Sri Lanka



NỘI QUI

BAN TĂNG SỰ TRUNG ƯƠNG

CHƯƠNG IX DANH XƯNG GIÁO PHẨM DANH XƯNG TĂNG, NI ĐẠI CHÚNG THỦ TỤC TẤN PHONG GIÁO PHẨM

ĐIỀU 45: Danh xưng hàng giáo phẩm Tăng có 2 bậc :

- Hòa Thượng
- Thượng Tọa

Danh xưng hàng giáo phẩm Ni có 2 bậc

- Ni Trưởng
- Ni Sư

Danh xưng hàng Đại chúng có 2 bậc :

- Tăng đã thọ giới Tỳ kheo: Đại Đức
- Tăng đã thọ giới Sa di: Tăng sinh

Danh xưng hàng Đại chúng Ni có 2 bậc

- Ni đã thọ giới Tỳ kheo Ni: Sư cô
- Ni đã thọ giới Sa di Ni, Thức xoa: Ni sinh.

ĐIỀU 46: Tiêu chuẩn được tấn phong lên hàng Giáo phẩm của Tăng giới và Ni giới theo điều 41, 42, điều 43 chương IX Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam; tại khoản 2 điều 22 Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo; điều 16 mục 5 chương III Nghị định số 22/2005/NĐ-CP của Chính phủ (tùy trường hợp có sự uyển chuyển nhằm đáp ứng yêu cầu Phật sự của Giáo hội).

Đối với Phật giáo Nam tông Khmer, có sự tùy nghi và uyển chuyển theo đặc thù của Hệ phái.

ĐIỀU 47: Thủ tục tấn phong Giáo phẩm được tiến hành như sau:

- Ban Thường trực Ban Trị sự Phật giáo cấp Tỉnh có trách nhiệm lập thủ tục đề nghị tấn phong Giáo phẩm Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư trong kỳ Đại hội, hoặc Hội nghị Ban Thường trực Hội đồng Trị sự hay Hội nghị thường niên của Giáo hội.

- Lập danh sách theo mẫu lý lịch trích ngang.
- Bàn thành tích đã đóng góp vào sự nghiệp

chung của dân tộc, các công đức đã đóng góp vào sự nghiệp của Đạo pháp, do Ban Thường trực Ban Trị sự Phật giáo cấp Tỉnh thực hiện (nếu đủ điều kiện).

- Một bản sao giấy chứng nhận Tăng, Ni.
- Đăng ký với Cơ quan chức năng có thẩm quyền.
- Giáo phẩm Tăng, Ni đã được chính thức tấn phong tại Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc và Đức Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam ký ban hành Giáo chỉ tấn phong Giáo phẩm

CHƯƠNG X SẮC PHỤC TĂNG, NI

ĐIỀU 48: Sắc phục Tăng, Ni Giáo hội Phật giáo Việt Nam biểu hiện qua hình thức sắc phục của các truyền thống Hệ phái Phật giáo Việt Nam.

Riêng sắc phục Tăng, Ni Phật giáo Bắc tông vốn có sự khác nhau theo từng khu vực địa phương và thay đổi theo từng giai đoạn phát triển của Phật giáo về mặt tổ chức, nay quy định thống nhất sắc phục Tăng, Ni Phật giáo Bắc tông Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong cả nước gồm 3 hình thức: Lễ phục, Giáo phục, Thường phục.

- Lễ phục là sắc phục của Tăng, Ni khi dự các buổi lễ của Đạo Phật.

- Giáo phục là sắc phục của Tăng, Ni không dùng trong các buổi lễ của Đạo Phật.

- Thường phục là lối ăn mặc gọn gàng, giản dị, tuy không theo hình thức giáo phục, nhưng vẫn giữ được sắc thái cá biệt của người xuất gia và đặc thù của Phật giáo Việt Nam (không đồng hóa cách ăn mặc thông thường của xã hội).

a) Lễ phục :

Tăng, Ni từ hàng Giáo phẩm đến thành phần Đại chúng hình thức lễ phục gồm có :

- Tỳ Kheo: Hậu màu vàng tay rộng (không quá 80 phân), y màu vàng.
- Tỳ Kheo Ni: Hậu lam tay rộng (không quá 80

phân), y màu vàng.

- Sa di: Hậu màu lam tay rộng (không quá 30 phân), mạn y màu vàng.

- Sa di Ni, Thức xoa ma na: Áo tràng màu lam rộng tay (không quá 30 phân), mạn y màu vàng.

- Thành phần Tịnh nhơn: hình thức lễ phục chỉ dùng áo tràng màu lam hoặc màu nâu tay hẹp.

b) Giáo phục :

Tăng, Ni hàng Giáo phẩm, giáo phục gồm có:

- Tăng: Áo tràng màu nâu, hoặc màu vàng sậm, tay rộng không quá 30 phân.

- Ni: Áo tràng màu lam, tay rộng không quá 30 phân.

Tăng, Ni thuộc thành phần Đại chúng, giáo phục gồm có:

- Tỳ Kheo: Áo tràng màu nâu tay rộng không quá 30 phân.

- Tỳ Kheo Ni: Áo tràng màu lam, tay rộng không quá 30 phân.

- Sa di: Áo nhứt bình màu nâu, tay rộng không quá 20 phân.

- Sa di Ni, Thức xoa ma na Ni : Áo nhứt bình màu lam, tay rộng không quá 20 phân.

* Ni giới có chít khăn theo màu áo.

c) Thường phục:

- Tăng, Ni thuộc thành phần Đại chúng có thể



Sắc phục chư Tăng, tu nữ hệ phái Nam tông

ăn mặc theo hình thức thường phục khi làm lao động tại hiện trường.

- Thành phần Tịnh nhơn chỉ được ăn mặc theo hình thức thường phục.

* Hình thức thường phục theo kiểu áo vạc hò: Màu sắc tùy nghi.

ĐIỀU 49: Hình thức thường phục được áp dụng chung cho Tăng, Ni các hệ phái, nhưng tránh tình trạng xen lẫn giữa các hệ phái với nhau (còn tiếp).●



Sắc phục chư Tăng, ni hệ phái Bắc tông



Sắc phục của tăng, ni hệ phái Khất sĩ

Phương pháp tu tập Chánh
niệm dựa trên ba mươi hai
thể trước của Thiền sư

TAUNG PULU SAYADAW

Tk. Thiền Minh dịch

Toàn bộ phương pháp tu tập thiền dựa trên những thể trước trình bày ở đây để mở rộng thân tâm nhìn những phương pháp thiền hiện hành. Theo truyền thống, một số thiền định thuộc Phật giáo nguyên thủy gồm có bốn mươi đề mục. Chánh niệm trên những thể trước một trong những phương pháp đó. Sự tu tập tiến bộ là nhờ bởi sự cảm nhận và quán tưởng như đã được mô tả. Việc tu tập này giúp cho hành giả có một sự quân bình đối với ai có sự tham đắm về hình sắc. Tiếp tục việc tu tập này, sự chấp thủ về thân của hành giả, sự si mê của những người khác và chấp thủ cái thân là "tôi" và của tôi đều bị đoạn trừ. Vào lúc bắt đầu việc tu tập của tôi, trong khi thiền định về hơi thở, tôi đã tình cờ quán được những thể trước của mình, đặc biệt là những lông xương và bộ xương người. Ở điểm này vị thầy người Lào của tôi đã hướng dẫn rằng tôi phải chú tâm vào những hình ảnh đó là phương pháp để làm khả năng định và sự tập trung vào một điểm của tôi được sắc bén, và quân bình những hình ảnh bất ngờ khác của những người phụ nữ đang nhảy múa. Cuối cùng sự tu tập này sẽ dẫn đến một loạt thiền định về cái chết và những xác chết ở các bãi tha ma của tu viện, cũng như sự quán tưởng về thân của tôi và những người bạn bè thân thích. Sự thiền định như thế, trực tiếp dẫn đến các giai đoạn có những cảm giác liên quan đến cái chết của mình, là một phương pháp đầy năng lực để đưa cái ngã và những bi kịch vào sự quán tưởng. Khi chúng ta đạt được sự giác ngộ về sự sợ hãi của cái chết với một tri kiến đầy đủ, đoạn trừ sự chấp thủ về ngã, như vậy chúng ta có thể thật sự đạt được sự giải thoát.

Thiền định về những đề mục thể trước và cái chết thì rất quen thuộc đối với những nhà sư Phật giáo nguyên thủy. Thiền sư Taungpulu nhấn mạnh rằng tư tưởng Phật giáo là những phương tiện đạt đến giác ngộ. Sự giác ngộ này đến được khi chúng ta nhận thức được bản chất thực về con người của chúng ta: vô thường, khổ não, vô ngã. Thiền định về những đề mục thể trước sẽ phá tan những ảo giác và ham muốn về cuộc sống của chúng ta. Sự cảm nhận về bản chất tự nhiên của chúng ta sẽ dẫn đến sự giải thoát và giác ngộ.

Phật giáo là một hệ thống tư tưởng hoàn hảo. Tâm là yếu tố cơ bản nhất của tư tưởng Phật giáo, vì vậy cần phải khéo tu tập; chỉ có tâm được tu tập mới có thể phát huy được trí tuệ để có thể dẫn dắt hành giả nhận thức chân lý.

Toàn bộ giáo pháp của Đức Phật dựa trên tứ thánh đế. Chúng là: khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế. Những chân lý này dạy rằng kiếp sống của mỗi chúng sinh, ngũ uẩn của thân và tâm, là nguồn gốc của mọi đau khổ và là những hình thức của mọi phiền não. Kiếp sống này là nguyên nhân của sự chấp thủ và ái dục mà không thể tránh được.

Kiếp sống của chúng sinh cũng do bởi quả của vô minh. Do sự tham muốn, kiếp sống liên tục sinh khởi. Sự đoạn trừ phiền não sẽ đạt được khi



nào hành giả đoạn trừ ái dục. Sự tu tập bát Chánh đạo, gồm có: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, tất cả đều dẫn đến việc đoạn trừ lòng ái dục của con người. Sự đoạn trừ này dẫn đến bốn tầng Thánh, và cũng chính nó dẫn đến Níp bàn. Không có những tầng Thánh này, hành giả không thể chứng ngộ được Níp bàn.

Giáo lý cơ bản của Phật giáo xem tái sinh là nhân của vô minh và lòng ái dục phát sinh từ niềm tin sai về bản ngã, vì thế con người đã bảo vệ và thỏa mãn với niềm tin này. Điều này liên tục dẫn đến khổ và phiền não. Cho nên đức Phật khuyên các đệ tử của Ngài nên tu tập chánh niệm liên tục để đi đến

sự giác ngộ.

Mục đích của đạo Phật là sự giác ngộ, hoặc tỉnh giác với thực tại. Điều này có nghĩa là đi đến sự chứng thực Níp bàn, đoạn trừ tất cả các loại phiền não. Phật giáo đơn thuần chỉ là một phương tiện để đạt được sự giác ngộ này. Nói một cách khác, toàn bộ sự tu tập trong Phật giáo có thể xem như là một tiến trình của sự đạt đến chánh kiến về thực tại.

Chánh kiến phát huy từ chánh niệm. Qua việc tu tập chánh niệm hoặc thiền định về thân tâm hành giả có thể chứng thực được bản chất thực sự của chúng là gì. Tâm chánh niệm này phải dựa trên sự cảm nhận của thân tâm. Sự quán chiếu khúc chiết này dựa trên những thể trước của thân đã khám phá ra thực tướng là tất cả chúng ta đều vô ngã. Sự nhận thức được chân lý đã chấm dứt những quan điểm sai lầm về ngã hoặc con người dựa trên những khái niệm ảo tưởng, và điều này có thể giúp chúng ta vượt ra khỏi thế giới đau khổ luân hồi.

Trên cơ bản, Phật giáo dạy rằng con người phải tự mình giải thoát. Con người có thể tự mình thoát khỏi đau khổ và chuỗi sinh tử luân hồi đau khổ chỉ bằng cách thực chứng hoàn toàn về bản chất thực của đau khổ, nguồn gốc của nó, sự đoạn trừ của nó, và con đường dẫn đến sự đoạn trừ. Không có ai khác cứu được mình, ngoại trừ bản thân. Chính mình phải tiến bước trên con đường chánh đạo dẫn đến Níp bàn.

Tu tập tâm là điều cơ bản cho trí tuệ, và sự tu tập này cần phải tiến hành theo đúng phương pháp để thanh lọc tâm. Hành giả đạt được chánh niệm là nhờ tâm thanh tịnh và chánh tri kiến.

Chúng ta có thể áp dụng chánh niệm cho thân, thọ, tâm, pháp. Phương pháp tu tập tâm, cũng cố sự nhận thức giúp hành giả thấy rõ bản chất thực của chúng. Sự nhận thức về tứ niệm xứ là yếu tố cơ bản trong việc tu tập bát chánh đạo: chánh kiến bao gồm việc tu tập tất cả những yếu tố của con đường chánh đạo. Tu tập Tứ niệm xứ là con đường duy nhất để cho hành giả đạt được an lạc và chứng thực Níp-bàn. Đức Phật dạy rằng: "Đây là con đường duy nhất để đi đến Níp-bàn". Đây là con đường duy nhất để đạt được sự trong sạch, vượt khổ sâu, bi, và đoạn trừ đau khổ, thành tựu bát chánh đạo và chứng ngộ giải thoát.

Làm cách nào hành giả tu tập tốt nhất về phương pháp tu tập chánh niệm này? Nếu hành giả phân tích thân của mình thành những phần thể trước của nó, hoặc chia chẻ nó thành những ngũ uẩn của thân, thọ, tưởng, hành, thức hoặc những phần nhỏ hơn, cuối cùng hành giả nhận ra sự thực rằng chẳng có cái ngã, linh hồn ở đâu cả. Những gì hành giả nhận linh hồn hoặc ngã chỉ là một ý tưởng được kết hợp với nhau. Cái ảo giác này nằm trong cách nhìn của sự hiện thực.

Đoạn văn dưới đây nằm trong một bài pháp của đức Phật:

Này! Chư hiền giả (rohitatha). Như Lai tuyên bố rằng, những ai đoạn trừ được phiền não tức là đạt được Níp bàn. Với tâm thân dài một trượng này, cùng với những ý tưởng và xúc cảm của nó, Như Lai tuyên bố rằng, chúng ta có thể nhận ra thể gian, nguồn gốc thể gian, sự đoạn trừ thể gian và con đường dẫn đến sự đoạn trừ của thể gian.

Để đạt đến sự chánh định nhanh chóng, đức Phật dạy rằng chánh niệm về thân được xem là phương pháp thiền định cơ bản. Cho nên, sự niệm và quán tưởng liên tục về những thể trước của thân là một đề mục lý tưởng về thiền định cho mục đích tu tập dẫn đến giải thoát.

Nếu chúng ta niệm thân mà không cần đòi hỏi sự nỗ lực đặc biệt cho việc tu tập ba khía cạnh chánh niệm khác, có tên là niệm thọ, niệm tâm, và niệm pháp. Sự chánh niệm về thân là phương pháp thiền chủ yếu và nó tự động dễ dàng đối với ba khía cạnh chánh niệm khác. Trong thực tế khi sự tu tập sâu sắc, hành giả sẽ thấy rằng Tứ niệm xứ sẽ không phát sinh riêng rẽ từng phần một; chúng phải phát sinh một lượt với nhau.

Đây là phương pháp tu tập chánh niệm dựa trên ba mươi hai thể trước của thân. Những lợi ích đạt được từ phương pháp chánh niệm cao quý của hành giả được trình bày từ Trung bộ kinh. Ba mươi hai thể trước gồm có hai mươi phần cứng và mười hai phần chất lỏng được chia thành sáu nhóm, hành giả phải niệm ít nhất là năm ngày. Sáu nhóm được xếp theo thứ tự như sau:

1. Tóc, lông, móng, răng và da.
2. Thịt, gân, xương, tủy, thận.
3. Tim, gan, chất nhầy, lá lách và phổi.
4. Ruột già, ruột non, màng ruột, phần và não.
5. Mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi và mỡ.
6. Nước, chất béo, nước miếng, nhớt, chất nhờn và nước tiểu.

Để theo một khóa thiền một trăm sáu mươi lăm ngày, hành giả phải luôn luôn tiến tới việc quán tưởng và niệm liên tục về từng phần của sáu nhóm trên, đầu tiên niệm năm ngày nhóm một, xong rồi niệm năm ngày nhóm đó trở lại, cứ như thế cho hết sáu nhóm là sáu mươi ngày. Sau sáu mươi ngày đầu tiên, hành giả phải niệm lui tới phần đó năm ngày xong rồi hành giả phải cộng thêm phần một, rồi hai, rồi ba cho đủ sáu nhóm, bởi vì việc niệm và quán tưởng của hành giả, mỗi lần mất năm ngày cho sự cộng thêm nhóm mới và năm ngày niệm trở lại. Cuối cùng hành giả sẽ đạt được chánh niệm về ba mươi hai thể trước của thân.

Hiệu quả của việc tu tập liên tục này sẽ giúp cho hành giả thấy rõ hơn về những thể trước; sự ghê sợ

và hoại diệt của thân lại làm cho hành giả càng thêm suy niệm nhiều hơn, và tâm phóng dật trở nên tập trung và dần dần định tâm.

Lời chú niệm cũng được tiến hành trong thời gian quán tưởng. Để có sự phát triển thích hợp hành giả phải niệm liên tục và quán tưởng. Đây là một vấn đề cơ bản mà nó cũng phù hợp với lời dạy của đức Phật như sau.

Lời chú niệm là một điều kiện cho sự niệm tâm và niệm tâm là sự thể nhập vào những tướng trạng ô uế của những thể trước.

Điều quan trọng chúng ta cần phải ghi nhận là đề mục thiền về những thể trước của thân, bắt đầu với tóc và chấm dứt với nước tiểu là đề mục nổi bật nhất trong tất cả những phương pháp tu thiền có liên quan với Tứ niệm xứ.

Thiền về đề mục thân thì không giống như những phương pháp khác. Nó mang lại sự giác ngộ và chỉ được truyền bá trong thời đức Phật còn tại thế.

Phương pháp tu tập thiền đơn giản và độc nhất này đảm bảo cho hành giả đạt được tuệ giác. Đức Phật dạy rằng đây là phương pháp tu tập độc đáo và nó tạo nên một đề mục thiền bắt buộc cho chư sư và cư sĩ.

Đây là một trong những bài pháp Ngài dạy cho đệ tử, đức Phật đã thuyết như thế này:

Này chư tỳ khưu, một khi chư vị tu tập phương pháp độc nhất này và liên tục tu tập như vậy, nó sẽ dẫn đến một trạng thái sợ hãi vô cùng cho đến một sự lợi ích lớn lao, cho đến sự đoạn trừ sự trói buộc ghê gớm, cho đến sự chánh niệm tuyệt vời, cho đến đạt được chánh tri kiến, cho đến sự đạt được một đời sống hạnh phúc bây giờ và về sau, đạt được quả vị giải thoát. Phương pháp độc nhất đó là gì? Đó là chánh niệm về thân và như vậy, những ai đã nếm hương vị chánh niệm về thân, cảm nhận hương vị bất tử, sự giải thoát. Này chư tỳ khưu, đối với những ai không nếm được hương vị chánh niệm về thân thì không cảm nhận được hương vị của sự bất tử. Như vậy này chư tỳ khưu, đối với những ai tu tập về chánh niệm thân hoàn hảo, chư vị cảm nhận hương vị bất tử. Chư vị không phải là người dễ duôi mà cũng chẳng phải là người dễ duôi. Đối với những ai đã lơ là trong việc tu tập chánh niệm về thân, những vị đó đã bỏ qua hương vị bất tử; họ là người hèn hạ và dễ duôi.

Hành giả phải liên tục tu tập phương pháp được mô tả này. Những lợi ích to tát mà hành giả đạt được là Níp bàn do bởi sự lợi ích của đề mục thiền về những thể trước của thân.



Quán tưởng tử thi

Qua sự chú niệm liên tục, hành giả càng trở nên quen thuộc với những đề mục về thể trước của thân, tâm trở nên tập trung cao, và như vậy giúp cho hành giả tránh khỏi sự dễ duôi, những thể trước của thân trở nên rõ ràng trong bản chất thực của chúng.

Bài pháp về đề mục thiền Tứ niệm xứ được xem như là đề mục thiền cao nhất trong thiền quán và đề mục thiền chánh niệm về những thể trước của thân không chỉ dẫn đến tuệ giác mà còn là phương pháp thiền định cao nhất để đạt đến trạng thái tâm vắng lặng.

Bài pháp cuối cùng của đức Phật là bài pháp chánh niệm: "Và bây giờ, này chư tỳ khưu, Như Lai xin nhắc nhở chư vị, các pháp đều vô thường, hãy chánh niệm".

Cho nên, chúng ta hãy thực sự tu tập đề mục chánh niệm về những phần của thân trong lúc đi, đứng, nằm, ngồi để giúp chúng ta giải thoát, phù hợp với những lời dạy cuối cùng của đức Phật.

Liên tục niệm về ba mươi hai thể trước của tấm thân dài một trường này, hành giả sẽ nhận thấy rằng không có điều gì thật trong tấm thân này. Hành giả sẽ nhận thức rằng chẳng có điều gì xứng đáng để bảo vệ, chẳng có gì ham muốn để thỏa mãn, chẳng có cái ngã thường hằng trong thân tâm này. Thật sự chúng ta nhận thức rằng cái thân ô uế, hoàn toàn không trong sạch và nhàm chán. Điều này sẽ dẫn đến sự hiểu biết về vô ngã và phiến não để dẫn đến cái tâm trong sạch không chấp thủ.

Câu nguyện cho những ai có liên hệ đến việc tu tập có lợi ích này được giải thoát và hạnh phúc.

Tôi biết một ít về thiền sư Taungpulu Tawya Kaba Aye Sayadaw, không kể là ngài đã dạy nhiều năm ở Miến Điện. Thiền viện chính của ngài ở quận Meiktila. Lời dạy tu tập này được một người bạn dạy tôi, một vị tỳ khưu cùng tu và một người nghiên cứu thiền mà tôi đã gặp ở Rangoon. ●

Đôi Nét Về Bộ **NGŨ TÔNG – KATHAVATTHU**

Ths. ĐĐ Siêu Minh

Hòa thượng Tịnh Sự là vị Cao tăng thạc đức của Phật giáo Nguyên thủy. Thông thạo chữ Pāli, Thái và chữ Nho. Từng du học ở Thái Lan hơn 10 năm để nghiên cứu văn học Luận tạng Pali - Abhidhamma, ngày nay một số vị Cao tăng và đệ tử của ngài vẫn còn in đậm dấu ấn một thời vàng son của bậc thầy trên đất Thái. Nhờ sự nghiên cứu Abhidhamma của ngài, nên khi về Việt Nam ngài nỗ lực không ngừng phiên dịch và giảng dạy Abhidhamma nhiều khóa cho thế hệ Tăng sĩ trẻ Phật giáo. Chính vì vậy ngày nay ở Việt Nam có không ít những chư tăng và Phật tử thông thạo Abhidhamma và hiện tại Abhidhamma đã và đang giảng dạy ở Học viện Phật giáo Việt Nam và lớp Cao đẳng Phật giáo tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước năm 1975, Ngài được Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam mời làm trưởng ban phiên dịch. Điểm đáng mừng, gần 20 năm ngài phiên dịch trọn vẹn luận tạng Pāli, gồm 7 bộ, hơn 10 tập, mỗi tập dày khoảng 500 trang. Dịch xong quyển nào ngài cho quay Roneo gởi Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam để lưu trữ; đồng thời ngài cũng dày công biên soạn một số kinh sách quan trọng trong lãnh vực luận tạng để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu và học tập Abhidhamma tại Việt Nam.

Tiếp theo dòng chảy khai sơn phá thạch của đại Trưởng lão Tịnh Sự, sau năm 1975, Thượng tọa Giác Chánh, Thượng tọa Bửu Chánh, Thượng tọa Giác Giới, Thượng tọa Chánh Minh, cố Thượng tọa Tịnh Thân, ĐĐ Xán Nhiên biên soạn, mở nhiều lớp Abhidhamma trong chùa hoặc tại tư gia để đào tạo kiến thức Phật học cho Tăng, Tu nữ và Phật tử gieo duyên với Luận tạng. Về phía cư sĩ, chúng ta cũng không quên sự nghiệp hoằng pháp Abhidhamma



của cô bảy Vĩnh Phúc, cô Quỳnh Hương v.v...

Gần đây khoảng 5 năm qua, lớp Abhidhamma được tổ chức tại Tổ đình Bửu Quang do cư sĩ Đức Tài (nay là Tỳ khưu Giác Tuệ) phụ trách giảng dạy. Tỳ khưu Giác Tuệ là đệ tử thuần thành của cố đại lão Hòa thượng Tịnh Sự, được Hòa thượng dạy và truyền trao môn Abhidhamma rất chu đáo. Trong thời gian qua, Tỳ khưu Giác Tuệ đã đào tạo và tốt nghiệp gần 200 học viên Abhidhamma cấp Tiểu học, Trung học và Đại học. Để làm phong phú Abhidhamma, Thư viện Phật giáo Nguyên thủy xin phép Nhà Xuất bản Tôn giáo ấn hành 4 quyển Tự học Vi Diệu Pháp, Tâm Sở, Vi Diệu Pháp - Tâm Lý và

Triết học Phật giáo, Chú giải Bộ Pháp Tụ, Chú giải Bộ Phân Tích, Chú giải Thuyết Luận Sự - Kathavatthu v.v...

Điểm đáng chú ý, là những học viên lớp Abhidhamma do Tỳ khưu Giác Tuệ giảng dạy từ cấp Trung học trở lên đều nghiên cứu sâu vào những quyển Chánh tạng Abhidhamma của cổ đại Trưởng lão Hòa thượng Tịnh Sự. Chính vì thế, 7 bộ Abhidhamma do chính Hòa thượng dịch còn là cảo bản, in bằng hình thức quay Roneo được các học viên học một cách nghiêm túc; đồng thời Tỳ khưu Giác Tuệ chỉ đạo đánh vi tính, sửa lỗi chính tả để phổ biến trong lớp học Abhidhamma để học viên học và làm tài liệu nghiên cứu chính thức.

Nhận thấy bảy bộ Abhidhamma cảo bản (bản đầu tiên chưa chỉnh sửa bằng bất cứ hình thức nào) của cổ Trưởng lão Tịnh Sự phiên dịch quá hay và đáp ứng nhu cầu cho học viên hiện nay, nên Tăng Ni và Phật tử học viên đề nghị chúng tôi thành lập Ban Ấn Tổng để in những quyển sách quý giá trên đáp ứng nhu cầu thực tế của học viên; đồng thời muốn bảo tồn tinh hoa, trí tuệ và giá trị tinh thần của Hòa thượng Tịnh Sự đối với tạng Abhidhamma bằng tiếng Việt.

Trước nhất, Ban Ấn Tổng sẽ xuất bản và giới thiệu đến quý độc giả quyển Kathavatthu - Ngũ Tông, quyển này là bộ thứ năm trong bảy bộ. Sở dĩ xuất bản quyển này trước vì hai lý do, một là trước đây Ban Tu thư chùa Nam Tông do cổ Hòa thượng Siêu Việt chủ trương, cụ thể thực hiện là Thượng tọa Giác Chánh và Thượng tọa Giác Giới tu chỉnh, biên tập và cho xuất bản sáu bộ, duy nhất bộ Ngũ Tông này chưa thực hiện. Hai là, thời gian qua bộ Kathavatthu bản chú giải do hai dịch giả xuất bản đó là Tâm An với tựa sách là NHỮNG ĐIỂM DỊ BIỆT, Nguyễn Văn Sáu bản dịch với tựa sách CHÚ GIẢI THUYẾT LUẬN SỰ. Xin thưa hai quyển trên đều là chú giải của hai dịch giả phương Tây. Kathavatthu - Ngũ Tông Chánh tạng chưa từng xuất bản ở Việt Nam, nên độc giả đọc hai bản chú giải trên và sẽ có một số ngộ nhận quyển Kathavatthu là thời kỳ văn học Luận tạng bộ phái.

Như vậy, theo truyền thống Phật giáo Nguyên thủy, bảy bộ Luận tạng Pāli do đức Phật thuyết giảng trên cung trời Đạo Lợi với tác ý trả hiếu cho mẹ. Trong Tam tạng Pāli, bốn mươi lăm năm hoằng pháp đều ghi nhận hạ thứ bảy, đức Phật nhập hạ ở Cung trời Đạo lợi và toàn bộ những gì đức Phật giảng bộ Abhidhamma được tôn giả Xá Lợi Phất Sāriputta học lại khi đức Phật trở về thế gian ở địa danh Sankhassa thời nay. Địa danh này ngày nay vẫn thu hút giới Phật giáo đến hành hương, cụ thể là Miến Điện và Thái Lan. Do đó, những ai nói Abhidhamma không phải đức

Phật giảng ở cõi trời thì không đúng với truyền thống Phật giáo Nguyên thủy Theravāda.

Lại nữa, có một số người ngộ nhận bộ thứ năm Kathavatthu - Ngũ Tông bằng bản chú giải 500 học thuyết của Tôn giả Moggalitissa hình thành vào thế kỷ thứ III trước Tây lịch trong thời điểm kết tập Tam tạng Pāli lần 3 do vua Asoka bảo trợ. Vì trong bộ này, chúng ta thấy tác giả trình bày những quan điểm của nhiều bộ phái. Ví dụ: Vấn đề Níp bàn. Phái Mahasanghika quan điểm như thế này, Savastivada quan điểm như thế này, Theravāda quan điểm như thế này v.v... độc giả ngộ nhận thời Phật làm sao có những bộ phái như thế này.

Tuy nhiên, Kathavatthu - Ngũ Tông bằng chánh tạng (chính Phật thuyết), chúng ta không thấy xuất hiện các bộ phái trong bất cứ trường hợp nào. Chỉ thấy xuất hiện Tự ngôn (Sakavadi) và Phản ngữ (Paravadi). Đặc điểm chính của Kathavatthu - Ngũ Tông là phá tà kiến. Phật nhìn xa trông rộng thấy đời sau chúng sanh lắm tà kiến nên Ngài tự ngôn đưa ra 500 loại hình tà kiến cơ bản, cho đến thời Phật diệt độ 300 năm, Tôn giả Moggalitissa dựa trên 500 câu Chánh tạng và đưa ra 500 loại hình tà kiến đương đại. Tương tự bên kinh tạng, bài kinh Phạm Võng, đức Phật trình bày và giới thiệu các loại tà kiến cơ bản, đến tận bây giờ chúng ta thấy con người u mê, đần độn, tà kiến gì đi nữa cũng không ngoài những tà kiến trong bài kinh Phạm Võng.

Thực tế, Kathavatthu - Ngũ Tông, Chánh tạng có 23 phẩm, sách dày 434 trang, khổ giấy A4 do Hòa thượng Tịnh Sự phiên dịch từ bản Thái ngữ trước năm 1975 dưới hình thức cảo bản, quay roneo, chưa từng công bố chính thức. Ban Ấn Tổng Phật giáo Nguyên thủy lần đầu tiên đánh máy, chỉnh sửa lỗi chính tả, hoàn toàn trung thành với bản dịch của Hòa thượng, xin xuất bản để giới thiệu đến quý độc giả gần xa bản dịch quý giá này.

Rất mong sự góp ý của quý độc giả, để kỳ tái bản được hoàn chỉnh hơn.

Xin tán dương công đức của quý vị đóng góp tịnh tài để xuất bản quyển sách này. Xin cảm ơn Học viên Abhidhamma của Tỳ khưu Giác Tuệ đánh vi tính bản thảo này và vận động tịnh tài xuất bản tập sách trên.

Nguyên cầu Tam bảo gia hộ đến quý vị thân tâm an lạc, hạnh thông mọi sự. ●



Tinh thần vì Đạo Pháp và Dân Tộc của MINH VƯƠNG NGUYỄN PHÚC CHU

HT. Thích Đạt Đạo

* DẪN NHẬP

Trong lịch sử hơn 4000 năm dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam luôn phải đấu tranh chống lại những khắc nghiệt của thiên nhiên như thiên tai, lũ lụt (chuyện Sơn Tinh - Thủy Tinh), chống lại giặc ngoại xâm phương Bắc (chuyện Phù Đổng Thiên Vương - Thánh Gióng, Trọng Thủy - Mỵ Châu)..., nhân dân ta cần cù lao động để xây dựng đất nước (chuyện Mai An Tiêm, chuyện Bánh dày bánh chưng)... Bên cạnh đời sống vật chất, tổ tiên ta cũng sớm có những hoạt động tín ngưỡng và Tôn giáo (chuyện Con Rồng cháu Tiên, chuyện Tiên Dung - Chử Đồng Tử). Và, một may mắn là dân tộc ta sớm tiếp nhận ánh sáng, tư tưởng của Phật giáo. Như nhà sử học Trần Văn Giàu đã viết: "Bình minh của dân tộc ta gắn liền với sự tiếp thu tư tưởng Phật giáo". Điều này đã làm cho dân tộc Việt Nam có nền văn hóa tương đồng với văn hóa Phật giáo. Trải theo chiều dài lịch sử, có thời gian dài Phật giáo là quốc giáo của nước ta. Điển hình là thời đại Lý - Trần với các nhà sư nổi tiếng Khuông Việt, Vạn Hạnh, đặc biệt là Phật hoàng Trần Nhân Tông. Cuối thời Trần, sang thời hậu Lê, Phật giáo bị thoái trào, đất nước loạn lạc. Giặc Minh phương Bắc lại sang xâm chiếm nước ta. Nhà Minh thẳng tay đàn áp, tịch thu sách vở, đốt xé kinh tạng, đập phá chùa chiền, bắt sư sãi phải ra đời. Tội ác giặc Minh vô cùng tàn bạo mong làm cho dân ta mất bản sắc dân tộc. Sau khi giành lại độc lập, các vua hậu Lê đã chấn hưng đất nước, xây dựng Nhà nước Phong kiến theo tư tưởng Nho giáo. Phật giáo không còn giữ vai trò quốc giáo, song đất nước độc lập cũng tạo cho Phật giáo từng bước hồi sinh. Chiến tranh Nam - Bắc triều giữa nhà Lê và nhà Mạc, rồi cuộc chiến Nam - Bắc phân tranh giữa chúa Trịnh và chúa Nguyễn làm cho cuộc sống nhân dân ngày càng lầm than. Người dân càng cần một nơi để an dưỡng tâm hồn thanh tịnh, hướng về một thế giới an lạc. Trong hoàn cảnh đó ở



(từ trái sang) GS.TS Trần Hữu Tá, PGS.TS Nguyễn Hồng Dương, HT Thích Đạt Đạo, TT Thích Tâm Đức

đàng Trong, một vị Minh Vương đã có công gây dựng đất nước thanh bình, đưa tư tưởng Phật giáo vào trị quốc, cuộc sống nhân dân ấm no. Đó là Minh Vương Nguyễn Phúc Chu.

I. HOÀN CẢNH LỊCH SỬ

1- Chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) là đời chúa thứ 6 ở Đàng Trong. Ngài lên ngôi chúa năm 1691. Trước ngài là chúa Tiên Nguyễn Hoàng, chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635), chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan (1635-1648), chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần (1648-1687), chúa Nghĩa Nguyễn Phúc Trấn (1687-1691).

2- Ngài lên ngôi trong hoàn cảnh Đàng Trong vừa trải qua 7 cuộc đại chiến tàn khốc với chúa Trịnh ở Đàng Ngoài. Cuộc chiến lần thứ nhất năm 1627, lần thứ hai năm 1633, lần thứ ba năm 1643, lần thứ tư năm 1648, lần thứ năm kéo dài từ 1655 đến 1660, lần thứ sáu kéo dài hai năm 1661-1662, lần thứ bảy 1772. Khi ngài lên ngôi, cuộc chiến giữa hai Đàng đã kết thúc gần 20 năm, sau khi chúa Trịnh (Trịnh Căn) và chúa Nguyễn (Nguyễn Phúc Lan) đồng ý chia cắt

đất nước lâu dài, lấy sông Gianh làm ranh giới.

3- Cuộc chiến Nam - Bắc phân tranh giữa chúa Trịnh và chúa Nguyễn kéo dài 46 năm, đây là cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn, sức người, sức của bị hao mòn, lòng người ly tán, đất nước kiệt quệ. Khi cả hai bên đều có lợi thế riêng và có những điểm yếu không thể tiêu diệt nhau thì giải pháp phân chia đất nước đã giúp cho hai Đàng có cơ hội nuôi dưỡng sức dân, xây dựng nền hòa bình riêng, phát triển kinh tế để rồi lại đánh nhau tranh giành cương thổ (đúng 100 năm sau vào năm 1772, khi Đàng Trong phải đối phó với ba anh em nhà Tây Sơn nổi lên ở Quy Nhơn, chúa Trịnh kéo đại quân vào đánh chúa Nguyễn).

4- Sau khi lấy sông Gianh chia cắt đất nước, ở Đàng Ngoài chúa Trịnh chuyên quyền, lấn át vua Lê, ở Đàng Trong chúa Nguyễn một mặt phòng thủ để ngăn ngừa sự tấn công của Đàng Ngoài, một mặt chăm lo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đặc biệt là chú trọng khai hoang, mở rộng bờ cõi về phương Nam.

II. HOÀN CẢNH XÃ HỘI

1- Đất nước ta thời kỳ ấy, kinh tế chủ yếu là nông nghiệp. Các tầng lớp dân cư gồm 3 thành phần chính là sĩ, nông và binh. Sĩ là các trí thức nho giáo, những người có học thi đậu được bổ nhiệm làm quan, làm ông đồ, làm thầy thuốc. Nông là những người làm ruộng, cày cấy, chăn nuôi làm ra lương thực, thực phẩm. Binh là lính, thanh niên trai tráng đều phải vào quân đội để sẵn sàng chiến đấu khi Đàng Ngoài xâm lấn hay chống lại sự quấy phá của các nước ở phía Nam như Chiêm Thành...

2- Khi đất nước tạm yên ở hai miền, với chính sách phát triển nông nghiệp, các chúa Nguyễn đã đưa người dân từ các vùng đất khô cằn chật hẹp ở Quảng Nam, Thuận Hóa tiến dần vào phương Nam.

Đi đến đâu mở rộng ruộng đất đến đó, cấp đất cho dân trồng trọt, chăn nuôi, dần dần hình thành ấp, thành làng, đặt quan chức trông coi.

3- Thế kỷ XVII, các nước phương Tây đóng được nhiều thuyền to đi biển. Nhiều thuyền buôn các nước phương Tây, Trung Hoa, Ấn Độ, Nhật Bản đến xin buôn bán ở Đàng Trong (Hội An, Quảng Nam, Quy Nhơn ...) đã được các chúa Nguyễn cho phép thông thương, trao đổi hàng hóa, bước đầu hình thành tầng lớp người buôn bán. Đi theo các thương nhân nước ngoài là các tu sĩ đi tìm vùng đất mới để hoằng Pháp (các nhà sư Trung Hoa, Ấn Độ), truyền giáo (Giáo sĩ Thiên chúa giáo Bồ Đào Nha, Pháp...).

4- Thời kỳ chúa Nguyễn Phúc Trăn, Nguyễn Phúc Chu nhiều người dân trung thành với nhà Minh, chống lại triều đại nhà Thanh, bỏ nước ra đi. Họ đến Đàng Trong, Chân Lạp để xin tỵ nạn. Các chúa Nguyễn mở rộng vòng tay cứu mang, cấp cho họ những vùng đất phía Nam để định cư, lập nghiệp ổn định cuộc sống lâu dài, hình thành cộng đồng người Minh Hương (người Hoa) tại Việt Nam.

5- Lãnh thổ Đàng Trong, từ khi chúa Tiên - Nguyễn Hoàng vào Nam lấy miền đất Thuận Hóa, Quảng Nam mở đầu cơ nghiệp là vùng đất hẹp, khô cằn. Phía Bắc phải thường xuyên chống lại chúa Trịnh. Phía Nam thường xuyên bị Chiêm Thành mang quân lên đánh phá. Trước tình hình đó, các chúa Nguyễn phải mang quân vào bình ổn. Sau mỗi cuộc chiến với Chiêm Thành, Vương quốc Champa, Thủy Chân Lạp bờ cõi Đàng Trong càng mở rộng về phương Nam. Người Chiêm thành, Champa, Chân Lạp với tín ngưỡng Hồi giáo cùng sống với những người Việt từ phía Quảng Nam, Thuận Hóa chuyển vào.

III. THỰC TRẠNG CÁC TÔN GIÁO

1. Phật giáo đang trong thời kỳ cuối của thoái trào, đang trên con đường chấn hưng mạnh mẽ

- Do ảnh hưởng lâu dài của cuộc chiến tranh, nhiều chùa chiền bị tàn phá, nhiều tăng sĩ không có điều kiện tu học.

- Nhiều kinh sách Phật giáo, kinh thư của các chùa bị nhà Minh đốt bỏ hay tịch thu về Trung Quốc, việc học hành tìm hiểu giáo lý cho các tăng sĩ là vô cùng khó khăn.

- Truyền thống văn hóa dân tộc với đặc thù tương đồng với tư tưởng Phật giáo vẫn còn sâu đậm trong máu, trong tim của mỗi con người Việt Nam. Nhờ thế, dù có trải qua nghịch cảnh thế nào, người dân Việt Nam luôn có lòng thành hướng về Phật Pháp. Những nơi có điều kiện thì hầu như chùa được xây dựng, dù nhiều chùa còn đơn sơ. Chính vì thế, các chúa



Quang cảnh buổi Hội thảo



Các chủ đề Hội thảo

Nguyễn sau khi vào miền Thuận Hóa đã không ngừng cho tu bổ, sửa sang cho chùa khang trang và đẹp đẽ hơn. Điển hình nhất là chùa Thiên Mụ vốn là ngôi chùa có sẵn trên đồi Hà Khê (Huyện Hương Trà- xứ Thuận Hóa). Nhân dịp đi thăm thú quê hương mới, chúa Tiên nghe kể chuyện tại đây, hàng đêm có bà lão mặc áo đỏ, quần lục xuất hiện nói rằng: "Rồi sẽ có chân chúa lập chùa ở đây để tụ khí cho bền long mạch". Năm 1601 chúa Tiên xây lại chùa và đặt tên là chùa Thiên Mụ (tức là chùa của bà lão linh thiêng). Năm 1602 chúa Tiên trùng tu chùa Sùng Hóa....

- Nhiều nhà sư từ Trung Quốc theo thuyền buôn của thương nhân vào Quy Nhơn, Thuận Hóa, Quảng Nam theo tông phái Lâm Tế, Tào Động xây dựng chùa, hoằng pháp bước đầu chấn hưng Phật giáo Việt Nam theo phái Thiền tông. Nhiều chùa được xây dựng ở Đàng Trong, nhiều danh tăng được dân chúng kính trọng, được các chúa trọng thị. Như nhà sư Hưng Liên phái Tào Động lập chùa Tam Thai, Quảng Nam; nhà sư Nguyễn Thiều lập chùa Di Đà Thập Tháp ở Bình Định

2. Vùng đất mới mở mang với tín ngưỡng Ấn giáo, Hồi giáo:

Do đặc thù của mỗi vùng đất, người dân Champa, Thủy Chân Lạp phần đông theo tín ngưỡng Hồi giáo, Ấn giáo. Khi cương thổ cùng hòa nhập, tín ngưỡng Hồi giáo, Ấn giáo tồn tại đồng thời với các tín ngưỡng

khác trong cộng đồng người Chăm.

3. Cộng đồng người Minh Hương với Phật giáo Bắc tông:

Những người Hoa trung thành với nhà Minh, khi định cư ở nước ta đã mang theo tín ngưỡng, trong đó có tín ngưỡng dân gian như thờ bà Thiên Hậu, Quan Thánh đế, Phật giáo Bắc tông Đại thừa ...

4. Tín ngưỡng Thiên Chúa giáo hình thành phối thai thông qua các giáo sĩ và thương nhân phương Tây:

Chủ nghĩa tư bản đã bắt đầu hình thành và phát triển ở châu Âu, hàng hóa thương mại dồi dào, mong muốn tìm kiếm thị trường mới. Nhiều tàu thuyền phương Tây cập bến Quảng Nam, Hội An, Quy Nhơn... Một số giáo sĩ đã đo vẽ bản đồ nước Việt, tìm hiểu cuộc sống người Việt báo cáo về chính quốc. Giáo hội Thiên chúa La Mã đã cử nhiều giáo sĩ sang tìm cách truyền đạo ở nước ta. Các giáo sĩ gặp khó khăn vì họ dùng chữ La tinh, còn nước ta sử dụng tiếng Nôm nên họ đã tìm cách ghi âm tiếng nước ta bằng chữ La tinh. Giáo sĩ Bá Đa Lộc (Alexandre De Rhodes) là người đầu tiên thực hiện ghi tiếng Việt bằng chữ La tinh mà mục đích là để truyền bá đạo Thiên Chúa. Một số người dân đã theo đạo này, dù họ thường bị người Việt tẩy chay vì họ theo Thiên Chúa mà bỏ thờ cúng tổ tiên ông bà (còn tiếp).●

Thân Người Là Quý

Thiện Bằng

Sanh thân này nhờ cha mẹ, có được thân hình cao lớn do sự nuôi dưỡng, dạy dỗ của nhiều người. Nay trưởng thành, ta đã báo đáp được gì? Hiếu thảo được bao nhiêu? Lớn lên lập gia đình ta chỉ biết lo cho bản thân và vợ, chồng, con của mình thôi. Dù vậy vẫn còn làm phiền đến cha mẹ không thôi.

Thế mà nhiều người bất hiếu không lo được cho cha mẹ, lại còn làm cho cha mẹ buồn lòng. Khi đối mặt với thử thách ở đời lại không vượt qua, không đủ sức chịu đựng thất bại rồi toan đi tự vẫn bằng cách nhảy lầu treo cổ, nhảy sông, uống thuốc độc hoặc lao mình ra xe đang chạy.

Thật là bất hiếu lại tự mình phạm giới đại sát. Có được thân người quả là điều kì diệu, biết bao nhiêu gia đình hiếm muộn, thèm khát một người con để nối dõi mà nào có được. Thế thì ai có ý định tự tử thì hãy bỏ ý định đó đi. Bởi vì chết oan ức không thể giải thoát được và phiền não cùng nghiệp lực vẫn theo đuổi ta đến kiếp sau. Khi hồi hạn thì thân xác không còn, thần thức lạc lổng, hoang mang.

Khi bế tắc thì tìm mọi cách giải quyết, cùng tắc biến, rồi đầu lại vào đây chứ có gì đâu mà tuyệt vọng.

Thân người quý hơn súc vật. Thân người là phương tiện để làm điều thiện, tích đức tu hành. Thân người là tiểu vũ trụ, có ẩn chứa nhiều tiềm năng quý báu.

Thân người dễ tu, dễ chứng là thể phụng sự mọi người, mọi loài.

Thân người giúp ta học hỏi, nói năng, hành động.

Thân người phát sinh tư tưởng sáng tạo và phát minh.

Một khi mất thân người, muôn kiếp khó khôi phục lại được. Nếu thác sinh loài súc sinh thì khó có cơ hội tu tập, làm lành để được đầu thai lại làm người.

Có được thân người không quá trăm năm, nếu so với vũ trụ thì là ngắn ngủi. Chúng ta chẳng khác nào con vi trùng chết yểu. Vậy thì hãy sống làm sao cho có ý nghĩa, có ích lợi, có lý tưởng, mục tiêu phấn đấu.

Thời gian trôi qua không tìm lại được. Hôm nay ta đã già hơn hôm qua. Vô thường cõi tử ngày một đến gần. Điều gì cần học hãy học đi. Điều gì cần làm hãy làm ngay. Cơ hội ít khi đến hai lần. Cờ đến tay cứ phát. Có làm sẽ có thành quả. Có lý tưởng, thực hiện lâu ngày sẽ có kết quả. Có tu sẽ chứng đắc.

Tu là sửa đổi tâm tánh, sửa đổi cuộc sống hư dờ, xấu xa trở thành tốt đẹp, hoàn thiện hơn. Tu là tìm về với chính mình, tìm lại bản tâm nguyên sơ. Tìm về bản thể Phật tánh, tìm lại cái Bản lai diện mục bất sanh bất diệt, không hề thay đổi.

Nếu sống được với pháp thân thanh tịnh của chính mình, tức là hưởng Niết Bàn tại thế.

Minh tâm kiến tánh là mục tiêu cuối cùng của người tu.

Làm thế nào để nhận ra Phật tánh? Khi bạn đang ngồi, mắt vẫn mở, ngũ căn hoàn toàn tỉnh táo, sáng suốt, chính lúc ấy tâm không hề có chút suy nghĩ nào, ý chẳng khởi phân biệt, vô tâm trước vạn vật. Chính cái biết tỏ rõ ấy là chân tâm. Hãy nhận diện trạng thái này là sống với nó. Sống với tâm này lúc thiền định, lúc xả thiền, lúc đi, đứng nằm ngồi. Ngủ mà nhạy bén linh hoạt.

Nếu bạn suy tính một vấn đề gì không ra. Hãy buông xả và nghỉ ngơi đi để cho tâm trí được thư giãn. Lúc này vô sư trí sẽ xuất hiện, đó là vị thầy của tâm sẽ dạy cho ta thông minh để giải quyết sự việc.

Mọi việc rồi sẽ qua. Ngày mai trời lại sáng. Cứ hy vọng và kiên nhẫn chờ đợi. Miễn sao niềm tin của bạn đừng đánh mất.

Cuộc sống của bạn sẽ rất có ý nghĩa và có giá trị. Thân người là quý nên phải trân trọng, giữ gìn, nuôi dưỡng và bảo vệ. Nó sẽ giúp ta trưởng dưỡng tâm trí cho già chắc, phát triển tuệ giác. Tất cả những kiến thức, hiểu biết của thế gian, của nhân loại mà ta học được đều thuộc về phàm trí. Nó không giúp ta thoát ly được sinh tử. Chỉ có vô sư trí là xuất thế gian, là trí Bát Nhã có thể giúp ta sự giác ngộ. Kiếp người xoay vần theo thập nhị nhân duyên.

Vô sư trí giúp phá trừ vô minh, là mắc xích đầu tiên.

Vô minh diệt thì hành diệt

Hành diệt thì thức diệt

Thức diệt thì Danh sắc diệt

Danh sắc diệt thì lục nhập diệt

Lục nhập diệt thì thọ diệt

Thọ diệt thì ái diệt

Ái diệt thì thủ diệt

Thủ diệt thì hữu diệt

Hữu diệt thì Sinh diệt

Sinh diệt thì lão, tử, ưu bi, khổ não diệt.

Thế là phá trừ được mười hai nhân duyên, thoát ly sinh tử luân hồi.

Vậy ta nhờ có thân người nên mới có thể ngồi thiền định và tu tập, học hỏi.

Nếu như ta ít tạo ác nghiệp nhất là nghiệp sát sinh thì thân sẽ ít bệnh. Thân này đừng để nó quá khổ cực và cũng đừng dung dưỡng, cung phụng nó quá mức. Chỉ cần đáp ứng những nhu cầu cần thiết.

Có thân ta mới tu tâm. Có tu tâm nên trí mới sáng.

Cuộc sống đáng quý, mạng sống đáng trân trọng. Vì thế với tâm tử, ta cũng quý trọng thân người khác và mạng sống sinh vật khác. Cuộc sống cộng đồng luôn hỗ trợ lẫn nhau. Nếu không có cộng đồng, xã hội thì cuộc sống này tẻ nhạt và vô ý nghĩa.

Vậy hãy mở rộng vòng tay để yêu thương sự sống.

Ta có thể giết chết mạng sống chứ không thể tạo ra mạng sống. Muốn thân mình không bị tổn hại thì đừng làm tổn hại mạng vật khác. Đó là luật như quả công bằng, nên phóng sinh, thí thuốc, cứu bệnh để được phước trường thọ, khỏe mạnh.

Siêng lạy Phật, cúng hoa cho Phật,

tô phết làm đẹp cho tượng Phật sẽ được tướng tốt đẹp, mỹ miều, oai nghiêm.

Như vận động, luyện tập thể dục sẽ giúp thân thể cường tráng và tránh nhiều bệnh tật. Đến khi tuổi già sẽ được hạnh phúc nhiều hơn.

Mong rằng mọi người hãy biết yêu quý thân mình và có cuộc sống lạc quan yêu đời hơn. ●



Có thân người chúng ta sẽ vừa làm việc giúp đời



vừa tu tập trao đời thân tâm



Ý Nghĩa

Tết Trung Thu

Duy Thiện

NGUỒN GỐC

Tết Trung thu có nguồn gốc văn minh nông nghiệp của Trung Hoa. Thời điểm này khí trời mát mẻ, mùa màng đang chờ thu hoạch. Nông dân nghỉ ngơi và vui chơi sau một vụ mùa. Sau này người Việt tiếp nhận từ văn hóa Trung Hoa và tiếp đó phổ biến thành ngày lễ truyền thống của dân tộc Đông Á như Hàn Quốc. Theo phong tục người Việt, vào dịp Tết Trung thu, cha mẹ bày cỗ cho các con để mừng trung thu, mua và làm đủ thứ lồng đèn thắp bằng nến để treo trong nhà và để các con rước đèn. Cỗ mừng trung thu gồm bánh trung thu, kẹo, mía, bưởi và các thứ hoa quả khác nữa. Đây là dịp để cha mẹ tùy theo khả năng kinh tế gia đình thể hiện tình thương yêu con cái một cách cụ thể. Vì thế, tình yêu gia đình lại càng khăng khít thêm.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Cũng trong dịp này người ta mua bánh trung thu, trà, rượu để cúng tổ tiên vào buổi tối khi trăng rằm vừa mới lên cao. Đồng thời trong ngày này, mọi người thường biếu cho ông bà, cha mẹ, thầy cô, bạn bè, họ hàng và các ân nhân khác bánh trung thu, hoa quả, trà và rượu. Người Trung Hoa thường tổ chức múa rồng vào dịp Trung thu, còn người Việt múa sư tử hay múa lân. Con Lân tượng trưng cho sự may mắn, thịnh vượng và là điềm lành cho mọi nhà... Thời xưa, người Việt còn tổ chức hát Trống Quân trong dịp Tết Trung thu. Điệu hát trống quân theo nhịp ba "thình, thùng, thình".

NGĂM TRĂNG

Ngoài ý nghĩa vui chơi cho trẻ em và người lớn, tết Trung thu còn là dịp để người ta ngắm trăng tiên đoán mùa màng và vận mệnh quốc gia. Nếu trăng thu màu vàng thì năm đó sẽ trúng mùa tằm tơ, nếu trăng thu màu xanh hay lục thì năm đó sẽ có thiên tai, và nếu trăng thu màu cam trong sáng thì đất nước sẽ thịnh trị (muốn ăn lúa tháng Năm, trông trăng rằm tháng 8).

THƠ VỀ TẾT TRUNG THU

Trung Thu vốn là nguồn cảm hứng lớn cho các thi sĩ từ xưa đến nay, trong đó có nhà thơ đời Đường Đỗ Phủ với bài Trung thu:

*Thu cảnh kim tiêu bán
Thiên cao nguyệt bội minh
Nam lâu thủy yển hưởng
Ty trúc tấu thanh thanh*

Bản dịch của Thái Giang:

*Cảnh thu nay đúng nửa rồi
Trăng thu thêm sáng, khung trời thêm cao
Lầu nam ai rót rượu dào
Tiếng tơ, tiếng trúc thanh tao nhịp nhàng*

Nhà thơ Tản Đà cũng nhắc đến ngày Trung thu với các câu thơ:

*Có bầu có bạn can chi tủi
Cùng gió cùng mây thế mới vui
Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám
Tựa nhau trông xuống thế gian cười.*

CÂU HÁT VỀ TẾT TRUNG THU

Bài Chiếu đèn ông sao:

*Chiếu đèn ông sao sao năm cánh tươi màu
Cần đây rất dài, cần cao qua đầu
Em cầm đèn sao em hát vang vang
Đèn sao tươi màu của đêm rằm liên hoan... tùng
đinh đinh là tùng tùng đinh*

Bài Múa sư tử:

*Thùng thùng thùng thùng trống rộn ràng ngoài đình
Có con sư tử vui múa quanh vòng quanh
Trung thu liên hoan trăng sáng ngập đường làng
Dưới ánh trăng vàng em cất tiếng hát vang*

Bài Rước đèn tháng tám:

*Tết Trung Thu rước đèn đi chơi
Em rước đèn đi khắp phố phường
Lòng vui sướng với đèn trong tay
Em múa ca trong ánh trăng rằm
Đèn ông sao với đèn cá chép
Đèn thiên nga với đèn bướm bướm
Em rước đèn này đến cung trăng
Đèn xanh lơ với đèn tím tím
Đèn xanh lam với đèn trắng trắng
Trong ánh đèn rực rỡ muôn màu*

TRUNG THU DƯỚI MÁI CHÙA

Đa số các Tôn giáo cũng hòa chung với không khí lễ hội đều có tổ chức phát quà Trung thu cho trẻ em trong khu vực Tôn giáo của mình, nhằm mục đích cho các em hưởng mùa trung thu vui vẻ và hạnh phúc. Đối với Phật giáo, ngày trung thu tổ chức phát

quà từ thiện cho các em có đời sống khó khăn, đến những trung tâm Từ thiện phát quà trung thu cho các em, nhằm thổi luồng gió từ bi để giúp các em quên đi thân phận cô cút của mình. Tại các chùa, những ngôi chùa lớn đều có tổ chức phát quà Trung thu cho các em ở địa phương, đặc biệt có những nơi tổ chức văn nghệ.

Tóm lại, Tết Trung thu là một lễ hội khá đặc biệt của dân tộc và ngày nay, dường như các Tôn giáo cũng hòa chung trong lễ hội này để giúp vui các trẻ em hưởng mùa trung thu trọn vẹn. ●





Gặp gỡ Anh Nguyễn Trung Toàn - Đà Hoa Thiền



Hiện nay, ngày càng có nhiều loại hình du lịch kết hợp với hành hương đến những thánh tích có ý nghĩa tôn giáo và tín ngưỡng, thu hút rất lớn số lượng du khách trong và ngoài nước tham gia. Trước nhu cầu du lịch trong cộng đồng ngày càng đa dạng, các công ty, doanh nghiệp chuyên về loại hình du lịch tâm linh ra đời ngày càng nhiều với những hoạt động phong phú, ấn tượng. Có thể nói, hình thái du lịch tâm linh này với mỗi chương trình có những đặc trưng riêng nhưng luôn thỏa mãn các nhu cầu: thưởng ngoạn, thư giãn và tín ngưỡng của du khách, thật không phải dễ dàng thực hiện.

Phóng viên Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy đã có buổi gặp gỡ và phỏng vấn anh Nguyễn Trung Toàn, Giám đốc Công ty Du lịch & Dịch vụ Hoa Thiền (Zenflower) về vấn đề này.

Phóng Viên (PV) Quang Duyên: Xin anh vui lòng cho biết một vài nét về bản thân.

Nguyễn Trung Toàn: Tên đầy đủ là Nguyễn Trung Toàn, pháp danh Giác Hiền, quy y với cổ Thượng toạ Thích Minh Pháp từ năm lên 4 tuổi. Tôi công tác trong ngành du lịch gần 12 năm. Từ năm 1999 làm việc tại Công ty Dịch vụ Lữ hành Saigontourist đến tháng 10 năm 2006 thì rời khỏi công ty. Bắt đầu thực hiện các chương trình hành hương Phật giáo từ lúc còn làm việc cho Saigontourist đến nay. Năm 2009 thành lập công ty Du lịch và dịch vụ Hoa Thiền chuyên hoạt động về lĩnh vực hành hương Phật giáo.

PV Quang Duyên: Làm thế nào anh có thể thực hiện được tốt công việc làm thỏa mãn nhu cầu của du khách về lòng tin Tôn giáo, về tham quan và sự nghỉ ngơi của họ trong một chuyến hành hương tâm linh?

Nguyễn Trung Toàn: Ngày nay, các tour lữ hành chuyên tổ chức du lịch hành hương ra đời đã nâng ý nghĩa hành hương mang tính chuyên nghiệp hơn về mọi mặt. Du lịch hành hương cũng phải bảo đảm được nhu cầu vật chất một cách tốt nhất, vì thân không cực khổ mới dẫn đến tâm an lạc.

Chúng tôi luôn coi trọng cả hai phương diện vật chất lẫn tinh thần. Ngoài việc tạo mọi tiện nghi trong sinh hoạt, phương tiện vận chuyển, chúng tôi còn chuẩn bị về tâm lý cho từng du khách trước khi tham gia chuyến hành hương đến địa điểm thiêng liêng mà họ đang mong đợi. Tất cả mọi tình huống diễn ra trong lúc hành hương chúng tôi cố gắng sao cho mọi việc đều nằm ở trạng thái an vui và cởi mở. Ví dụ khi đến chiêm bái Núi Linh Thứu, chúng tôi thông báo cho du khách biết việc đi cáp treo ở đây như thế nào. Ai yếu tim, sợ độ cao thì chúng tôi hướng dẫn đi bộ hoặc "đi võng". Ai thích nhìn ngắm phong cảnh núi rừng thì chúng tôi sắp xếp cho họ đi cáp treo. Làm thế nào để ai cũng có thể lên được Núi Linh Thứu nơi ngày xưa đức Phật từng thuyết Pháp.

Ước mơ của tôi là đi đây đi đó nhưng không phải đi để chơi mà là để học. Ông bà mình nói: "Đi một ngày đàng học một sàng khôn". Nhưng đi một mình thì buồn quá nên tôi nghĩ đến chuyện làm sao để mọi người chịu đi cùng mình mới vui. Cho nên làm nghề này là làm dâu trăm họ nhưng được cái là tôi chịu khó im lặng, khiêm tốn, chịu khó học hỏi. Do du khách có lòng tin tưởng nơi chúng tôi nên nhờ vậy mà lịch đi hành hương tháng nào cũng kín chỗ, năm nào cũng bận rộn tít tít. Tuy công việc có vất vả nhưng tôi sống

vui vẻ, cố gắng mang niềm vui cho mình và cho mọi người. Khi du khách chiêm bái các Phật tích trở về, lòng tin của họ đối với Tam Bảo tăng thêm rất nhiều. Bởi đến những nơi ấy, họ không chỉ hiểu thêm về các thánh tích của tôn giáo mà trong suốt quá trình hành hương đó, họ còn được sống cùng nhau trong một môi trường tâm linh: chiêm bái, cầu nguyện, thực tập phép an tâm để tu dưỡng tinh thần, tạo sức mạnh cho niềm tin và sự chuyển hóa tâm thức, thực hành các nghi lễ truyền thống...

PV Quang Duyên: *Anh quy y năm 4 tuổi. Vậy thời gian qua anh đã áp dụng những lời Phật dạy như thế nào?*

Nguyễn Trung Toàn: Phật dạy chúng ta rất nhiều, kinh sách đã ghi lại điều đó. Qua các lời dạy của đức Phật, đặc biệt là Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo đã giúp cho tôi rất nhiều trong công việc. Đặc biệt áp dụng Chánh ngữ sẽ giúp mình có uy tín với khách hàng, với nhân viên đồng nghiệp và với gia đình, giúp mình tránh được sự nói dối hoặc nói những lời nặng nề, ác ngữ, như vậy là tránh được "khẩu nghiệp" tức là khẩu không thanh tịnh. Chỉ thực hành Chánh ngữ không thôi đã có quá nhiều lợi lạc như vậy, huống gì những lời dạy khác của Đức Phật. Sự im lặng và lắng nghe cũng là phương châm của tôi để hoàn thiện bản thân và công việc hiện nay. Tôi lắng nghe ý kiến khách hàng, lắng nghe nhân viên, gia đình, bạn bè, điều chỉnh mọi thứ để có sự phù hợp tốt với mọi người chung quanh. Tôi biết sự thành tựu hay thất bại trong kinh doanh chỉ là những điểm nhấn của cuộc đời. Công việc của tôi hiện nay là vừa làm cầu nối để đưa mọi người đến với Đất Phật, các Thánh tích Phật giáo khắp nơi trên thế giới, vừa tạo công ăn việc làm cho các bạn trẻ, những ai yêu thích lĩnh vực hành hương tâm linh. Tôi rất mừng là các nhân viên trong công ty đều có cái tâm giống giống nhau là thích tham gia các hoạt động từ thiện xã hội. Lợi nhuận của công ty hằng năm đều có trích khoảng 10% để làm những việc xã hội từ thiện.

PV Quang Duyên: *Anh là giám đốc của một công ty có tên là Hoa Thiền, mới nghe đã "thấy" có mùi thiền. Vậy anh có tập tu thiền không?*

Nguyễn Trung Toàn: Tên công ty là Hoa Thiền cũng từ ý nghĩa thông qua thiền định con người sẽ nở hoa trí tuệ và giải thoát trong hiện tại. Đó cũng là cứu cánh cuối cùng của những ai thực hành thiền định. Bản thân tôi cũng tập và học thiền tại một số trường thiền ở Myanmar và Bangkok. Vì bận rộn, đi nơi này nơi kia như chong chóng nên tôi tập thiền mỗi ngày. Điều đó giúp tôi có được sự quân bình giữa động và bất động, cho tôi rất nhiều lợi ích về sức khỏe và ngay trong những mối quan hệ, thiền cũng giúp tôi đọc được tâm ý người khác khá là nhanh (cười). Hiện tại các nhân viên của Hoa thiền trước khi bắt đầu công việc đều hành thiền 10 phút vào buổi sáng sớm. Nhờ vậy mà các bạn trẻ điềm đạm hơn, thông

minh hơn, giải quyết công việc hằng ngày hiệu quả hơn. Có bạn rất nóng tính, nói năng cũng có phần hơi cộc cằn một chút, nhưng sau một thời gian siêng năng tập thiền đã có nhiều thay đổi. Bạn ấy bớt nóng giận người này người kia và gương mặt bên ngoài cũng tươi sáng hơn hồi trước. Trong công ty ai cũng vui mừng trước những thay đổi rất tốt như vậy. Đạo Phật có thuyết nhân duyên. Tôi luôn tin vào nhân duyên ở mỗi việc mình làm.

PV Quang Duyên: *Vậy trên những con đường hành hương anh đã đi qua, nơi nào có nhân duyên làm anh nhớ một cách sâu sắc không?*

Nguyễn Trung Toàn: Rất nhiều những nơi tôi đã đi qua làm tôi nhớ mãi. Nhưng có lẽ hình ảnh ngôi chùa Việt Nam đầu tiên do người Việt Nam xây dựng tại Varanasi - Ấn Độ - nơi Đức Phật chuyển Pháp Luân, tên là chùa Đại Lộc làm tôi rất ấn tượng, tôi mừng không cách chi kể hết. Đây là ngôi chùa Phật giáo Nam tông của Việt Nam đầu tiên được xây dựng tại Ấn Độ và cũng là niềm tự hào của biết bao Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước. Điều này rất có ý nghĩa và càng ý nghĩa hơn là ngôi chùa có mặt ngay trên thánh địa mà 2.600 năm về trước Đức Phật Thích Ca đã đem giáo pháp mẫu nhiệm để truyền dạy cho chúng sanh. Chùa Đại Lộc xây dựng ở Ấn Độ còn là chỗ nương dựa Phật pháp cho những người con Phật trên khắp thế giới được biết về Phật giáo nguyên thủy - Theravada Việt Nam. Ngoài ra, đây còn là điểm đến linh thiêng cho du khách Việt Nam mỗi khi ghé thăm Varanasi để chiêm bái Phật tích. Tôi thành tâm cầu nguyện ngôi chùa Đại Lộc sớm hoàn thành và ước mong có đầy đủ nhân duyên để cùng các đoàn hành hương đến lễ Phật tại chùa Đại Lộc ở Ấn Độ.

PV Quang Duyên: *Xin cảm ơn anh đã dành cho Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy buổi trò chuyện rất thú vị với những chia sẻ chân tình của anh. Xin chúc anh luôn gặt hái nhiều thành công trong công việc, luôn gặp thuận may trong đời sống. ●*



TIỀN Chưa Phải Là Tất Cả

Lê Hạnh sưu tầm

1. Có tiền, ta có thể mua được ngôi nhà nhưng không mua được tổ ấm
2. Có tiền, ta có thể mua được đồng hồ nhưng không mua được thời gian
3. Có tiền, ta có thể mua được chiếc giường nhưng không mua được giấc ngủ
4. Có tiền, ta có thể mua được cuốn sách nhưng không mua được kiến thức
5. Có tiền, ta có thể mua được địa vị nhưng không mua được sự nể trọng
6. Có tiền, ta có thể đến bác sĩ nhưng không mua được sức khỏe
7. Có tiền, ta có thể mua được máu nhưng không mua được sự sống
8. Có tiền, ta có thể mua được tình cảm nhưng không mua được tình yêu.



Lời Thốt từ TRÁI TIM



Tâm Uyên

Chiều mưa rơi rả rích bay qua vùng quê hẻo lánh của huyện Châu Thành, xã Quới Thành, tỉnh Bến Tre. Sau nhiều ngày trăn trở, cuối cùng chị em chúng tôi cũng đi đến một quyết định: "Hãy chọn mảnh đất quê hương nơi đây để gieo hạt giống Bồ Đề". Mặc dù nơi này đã chịu nhiều hậu quả của cuộc chiến tranh và địa hình lại không thuận tiện cho việc làm ăn mua bán của người dân, nên chậm phát triển về mọi mặt. Lúc đầu khi chúng tôi về, nơi này vẫn chưa có điện, chưa có nước, người dân phải múc nước từ sông rạch ao hồ lên rồi xử lý đơn sơ để dùng trong sinh hoạt hằng ngày. Khi chúng tôi mua đất có người còn lẩn tay thay chữ ký. Thật đau lòng về sự khác biệt quá xa trong cùng một xã hội đang trên đà phát triển.

*"Trách thăm tạo hóa bất công.
Ngay trong bình đẳng đã phân cuộc đời ..."*

Nhưng chúng tôi lại nghĩ "đất" và "bùn" vẫn là vốn liếng của tổ tiên ta. Ông cha ta đã từng đánh đổi thân mạng mình để gìn giữ và bảo tồn nên chúng ta mới có được ngày hôm nay.

*"Đong đi, đếm lại còn mình
Chỉ tôi và đất chung tình cùng nhau ..."*

Bến Tre là vùng đất giàu truyền thống cách mạng. Có nhiều sông rạch, cồn bãi lở, bồi, ...Hôm nay chiếc cầu Rạch Miễu được bắc qua sông lớn để người dân được bước qua một cuộc đời mới.

"Quê tôi sông nước Cửu Long"



Lễ cắt băng khánh thành Thiên Đường chùa Tâm Thành - tỉnh Bến Tre

*"Đôi bờ nổi chiếc cầu vòng mới treo
Đẩy lùi bộ mặt đói nghèo.
Tôi còn nắm níu ao bèo năm xưa".*

Từ nay người dân Bến Tre không còn đói nghèo và tụt hậu nữa, và cũng là lúc ngôi chùa Tâm Thành Theravāda mọc lên sừng sững giữa vùng sâu mà dân làng thường nói: đây là một ngôi làng khiêm nhường nhất trong huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Mặc dù sự hình thành một ngôi chùa mới, một ngôi chùa thuộc Hệ phái Phật giáo Nguyên thủy đầu tiên và duy nhất tại tỉnh này, không mấy suông sẻ, nhưng nay đã qua rồi những khốn khó ban đầu đó là nhờ sự hỗ trợ của chính quyền địa phương, Ban Trị sự GHPG - Bến Tre cùng sự giúp đỡ của bà con dân

làng địa phương.

Tôi không biết nói làm sao để bày tỏ hết lòng biết ơn của mình đối với những vị ân nhân, những thân hữu xa gần đã từng ủng hộ tôi qua những công tác từ thiện xã hội tại Ban Từ thiện Báo Giác Ngộ và trong suốt thời gian chúng tôi xây dựng ngôi chùa Phật giáo Nguyên thủy tại Bến Tre.

Cha mẹ tôi đã cho chúng tôi một vốn sống tốt đẹp làm hành trang bước vào đời. Hai chị em chúng tôi cách xa nhau nửa vòng trái đất, nhưng có cùng một đạo đức về sự tu tập. Tâm Hạnh có duyên trí theo Phật giáo Nguyên thủy từ lâu. Còn tôi chỉ có một chút khái niệm, chứ chưa thực hành thuần thành như em gái tôi; Tuy nhiên, thật may mắn cho bản thân là trong quá trình làm trợ lý cho Phó Tổng Biên tập Báo Giác Ngộ, tôi có nhiều dịp được nghiên cứu, và từ bác, tôi đã được học hỏi và thấm nhuần nhiều về Phật pháp cùng lịch sử ra đời của các hệ phái Phật giáo tại Việt Nam.

Đã qua rồi câu "Vạn sự khởi đầu nan". Phần thì chúng tôi không có sẵn nguồn tài chánh hỗ trợ, hay kỹ năng công nghệ nào cả. Mà duy nhất chỉ có một tấm lòng tận tụy trong công việc, một trái tim tâm huyết của cận sự nữ trung thành với Phật Pháp, người Phật tử tâm thường với một ước ao rất riêng là tự lực mình xây được một ngôi tự viện, học tập ít nhiều gương của ngài Cấp Cô Độc thuở xa xưa thời đức Phật và với chí hướng quyết tâm mang được Chánh pháp về cho bà con nghèo vùng sâu vùng xa.

Tất cả mọi biểu hiện của chúng tôi hôm nay phát xuất từ lòng phục vụ, từ tâm nguyện hộ pháp cho những bậc tu hành chân chính.

Một khi đã thấu hiểu được trách vụ này, tôi làm việc cật lực, tận tụy quên mình và không hề mòn mỏi. Đôi lúc tôi tự ví mình như tấm thảm chùi chân. Khi cần tôi cũng thường vào vai của người vô tri giác trước những hiểu lầm và những lời thóa mạ, chỉ trích cùng chê bai của tha nhân.

Họ cho rằng "tôi đại"? Nhưng thật ra, tôi thích "đại" thì đã sao?. Đối với tôi một đại khờ nào đó mà tôi cảm nhận đích thực được hạnh phúc của nó thì vẫn còn có giá trị hơn là sự so sánh thiệt hơn trong công việc thực hiện lý tưởng của mình.

Dầu khen, hay chê, tôi vẫn biết ơn vô bờ bến đối với những ai chân thành chỉ điểm cho những gì còn khiếm khuyết trong tôi. Chính tôi đây, hơn thế nữa, vẫn cảm nhận nơi thâm tâm mình còn quá nhiều sai sót cần phải được rèn luyện và tu sửa mỗi ngày.

*"Tôi ngồi dưới góc lặng thinh.
Rồi như không nói tôi nhìn vào tôi.
Chỉ nhìn lặng lẽ thế thôi.
Cái xấu, cái ác cùng tôi đồng hành".*

Tôi là một người phụ nữ đã bao lần tự tin, tự hào lẫn cả tự kiêu về những ngày xa xưa của một thời

vang bóng.... Để giờ đây khi bước vào sự tu tập. Tôi mới nhận ra rằng mình đã thực sự thua... trong cuộc tình, cuộc đời và thua cả tự ái của tôi nữa.

*Liều mạnh chống chọi tâm sân.
Em ra chiến trận, bao lần đã thua.
Đại khờ rước giặc làm vua.
Đem mình đánh đổi, chuốc mua não phiền.*

Mặc dù công trình xây chùa còn đang dang dở, nhưng tôi có niềm tin nơi Phật Pháp rằng mình sẽ làm được. Vì chung quanh tôi giờ đây không chỉ có Đất, mà còn có cả Chư Thiên, những thân hữu xa gần, và các con tôi luôn tìm về ủng hộ, an ủi và sách tấn mỗi lần tôi suy sụp tinh thần, cho tôi được nói lời biết ơn đến Đại đức Thiện Minh đã đưa tôi đến với giáo lý Nguyên thủy. Đã giúp đỡ chùa Tâm Thành 3 năm liên tục thực hiện những sinh hoạt Tôn giáo đặc thù của hệ phái như tổ chức lễ dâng y Kathina theo truyền thống Nam tông.

Và sau đây là danh sách những ân nhân và thân hữu đã hùn phước xây dựng ngôi chùa:

- Bác Tổng Hồ Cẩm 100.000.000 đồng (một trăm triệu)
- Thầy Phạm Ngọc Thạch ở Mỹ 100.000.000 đồng (một trăm triệu)
- Bác sĩ Hùng (Mỹ) 10.000. (Mười ngàn USD)
- Thầy Lê Khắc Chiếu 250.000.000 đồng (hai trăm năm chục triệu)
- Đại đức Thiện Minh và tăng ni Phật tử chùa Bửu Quang 150.000.000 đồng (một trăm năm chục triệu)
- Gia đình chị Lý Dậu 150.000.000 đồng (một trăm năm chục triệu)
- Tiền chuyển nhượng từ cây Sala 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu)
- Tiền ủng hộ trong thùng phước sương của đồng bào Phật tử qua các kỳ lễ dâng y hay các Phật tử vắng lai ghé tham quan chùa.
- Ngoài ra, mỗi khi trang trải cho những thiếu trước hụt sau trong xây dựng thì tôi lại được sự trợ giúp từ các con và em gái về tài chánh cũng như về tinh thần để chia sẻ khó khăn với tôi trong việc hoàn tất xây dựng ngôi tự viện này.
- Tâm Uyên và Tâm Hạnh xin rập đầu đa tạ những vị ân nhân và thân hữu, Phật tử đã hùn phước, và góp công đức xây dựng ngôi chùa Tâm Thành trong những bước đầu khai sơn. Chúng tôi cũng chân thành đón nhận những trợ giúp chân tình khác từ các mạnh thường quân hữu duyên trong tương lai để việc xây dựng ngôi tự viện sớm được hoàn mãn.
- Xin cầu chúc cho quý liệt vị ân nhân
- Sở Nguyện như nguyện
Sở Đắc, đắc thành.●*

Những tiêu chuẩn căn bản của một xã hội

AN BÌNH VÀ HẠNH PHÚC

Thích Viên Trí

Trong bối cảnh văn hóa và xã hội hiện nay, chắc hẳn mọi người hẳn sẽ nhất trí với lời phát biểu rằng đạo đức là giá trị chủ đạo và chiếm một vị trí thật sự quan trọng cho sự tồn tại và phát triển đối với cuộc sống con người trong mọi thời đại. Từ điển Graw Hill Book định nghĩa “Đạo đức là môn học đánh giá các hành vi thiện ác của con người biểu hiện qua thân, lời, ý và được thực hiện bởi lý trí, tình cảm và ý chí [1]”. Aristote (một trong những nhà tư tưởng vĩ đại của hệ thống triết học phương Tây) chủ trương rằng “Mục đích trực tiếp của con người không phải là cái hay, cái đẹp mà chính là hạnh phúc. Hạnh phúc là sự phát triển hoàn toàn đầy đủ đức tính của một con người... hạnh phúc đồng nghĩa với đạo đức [2]”.

Trong chừng mực nào đó, nếu đạo đức được hiểu là đồng nghĩa với hạnh phúc, chúng ta có thể nói rằng đạo Phật là đạo hạnh phúc, vì giáo lý Phật giáo chính là con đường đạo đức, giúp con người loại trừ khổ đau và đạt được hạnh phúc ngay trong hiện tại và tại đây. Nó thay thế những cảm nghiệm khổ đau trong cuộc sống hằng ngày của con người bằng cảm nghiệm hạnh phúc ngay khi người ta dụng tâm thực hành. Nó là phương tiện để con người từng bước hoàn thiện bản thân, phát triển nhân cách, đưa họ từ địa vị phàm phu tiến dần đến quả vị Thánh giả. Hơn thế nữa, giáo lý Phật giáo chính là con đường giúp cho con người đạt được hạnh phúc tối hậu; đó là Niết bàn, sự giải thoát toàn vẹn, vì đức Phật dạy “Ta chỉ dạy khổ và con đường diệt khổ[3]”.

Để đạt được những cấp độ hạnh phúc từ thấp đến cao như thế, tất nhiên người ta cần phải học tập và thực hành giáo lý Phật giáo, bao gồm trong ba pháp giới – định – tuệ mà đức Phật đã thuyết giảng. Sống đúng với con đường giới – định – tuệ nghĩa là đang nắm giữ hạnh phúc chân thật, vì đây chính là đạo lộ mà đức Phật đã hành trì và đạt được quả vị giác ngộ, giải thoát.

Cần phải nhận thức rõ ràng ba pháp giới – định – tuệ luôn cùng hiện hữu mỗi khi một trong ba pháp ấy được hành trì. Trong thực chất, giới – định – tuệ

là ba mặt của một vấn đề, là ba điều không thể tách rời mỗi khi đề cập đến giáo lý Phật giáo. Đức Phật dạy “Trí tuệ được giới hạnh làm cho thanh tịnh. Giới hạnh được trí tuệ làm cho thanh tịnh. Ở đâu có giới, ở đó có trí tuệ; ở đâu có trí tuệ, ở đó có giới. Người có giới hạnh nhất định có trí tuệ; người có trí tuệ nhất định có giới hạnh[4]”. Như vậy, mỗi khi đề cập đến một tức là đề cập cả ba. Nói cách khác, khi đề cập đến giới là nói đến con đường giải thoát giới định tuệ, nhưng đứng trên bình diện của giới luật để phân tích và bình luận.

Xa đề một chút, chúng ta nhận thấy rằng muốn xây dựng một chuẩn mực đạo đức trong cuộc sống của cá nhân, gia đình và xã hội thì cần phải có những chuẩn tắc về hành vi để con người có thể y cứ vào đó mà đánh giá các hành vi thiện hay bất thiện. Một hành vi đem đến hạnh phúc cho mình, cho người, cho xã hội là chuẩn tắc để đánh giá (ở đây đề cập đến giá trị hạnh phúc - giải thoát của hành vi). Đối với Phật giáo, chuẩn tắc hành vi đó phải dựa vào giới, hay nói chính xác hơn, chuẩn tắc ấy là giới.

Trong giáo lý Phật giáo, giới có nhiều loại. Tùy theo cấp độ tu hành khác nhau giữa hàng ngũ xuất gia và Phật tử tại gia mà giới được phân thành nhiều loại, như giới Tỷ-kheo, giới Tỷ-kheo ni, giới Sa-di, giới Sa-di ni, giới Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di... Bên cạnh đó, do môi trường, hoàn cảnh, phong tục, tập quán mà có những sự khác nhau trong giới luật của đạo Phật. Tuy nhiên, phần trình bày ở đây sẽ tập trung vào năm giới căn bản của người Phật tử tại gia. Năm giới này là năm điều kiện đạo đức tối thiểu của một người Phật tử, và cũng là những chuẩn mực đạo đức tạo ra ra con người lý tưởng theo đúng chân nghĩa của nó.

Năm giới này bao gồm: 1. Không sát sinh; 2. Không lấy của không cho; 3. Không tà dâm; 4. Không nói dối; 5. Không uống rượu.

Qua nội dung vừa trình bày ở trên, người ta dễ dàng nhận thấy rằng năm giới này là để áp dụng

cho con người, cho đời sống của con người nhằm để ngăn chặn các hành vi bất thiện do con người tạo ra (theo nghĩa tiêu cực), và để tạo ra an lạc, hạnh phúc thật sự cho chính con người và xã hội (theo nghĩa tiêu cực).

Giới là điều không được vi phạm, cần phải tránh để bảo vệ đạo đức và nhân phẩm của một con người. Khi một người giữ gìn năm giới này được thanh tịnh thì tâm người ấy được an ổn, tự tại vì biết rằng mình đang trú trong đạo đức, nghĩa là đang ở xa vực sai lầm, tội lỗi. Từ sự an ổn đó, người ta sẽ cảm nhận được hạnh phúc và an lạc ngay trong hiện tại và chính trong cuộc sống của mình ngay tại đây. Khi năm giới được con người cảm nhận một cách chân thật thì tâm người ấy hoàn toàn tự do và thoải mái. Khi tâm hành giả an lạc ấy thì chính lúc ấy hành giả đang cảm nghiệm hạnh phúc; vì theo Spinoza hạnh phúc là sự vắng mặt các cảm giác buồn phiền, khó chịu, bất an..., và hạnh phúc là sự có mặt của các cảm giác dễ chịu, thư thái, an lạc...[5] Như thế, chúng ta có thể nói rằng năm giới là năm điều kiện sống tất yếu của một con người, là năm điều kiện cần và đủ để làm người, ví như cá phải sống trong nước, nếu tách rời khỏi nước tất nhiên là cá tự hủy hoại cuộc sống của chính nó.

Giới luật Phật giáo có công năng tạo ra hạnh phúc và lợi ích thật sự cho cuộc sống con người và xã hội từ cấp độ thấp nhất (là con người đúng nghĩa), cho đến cấp độ cao nhất là giải thoát tối hậu (Niết bàn) tùy theo năng lực hành trì. Ở phạm vi bài tham luận này, người viết chỉ trình bày tổng quát một vài tính chất tiêu biểu của giới:

Con người không bao giờ thích kẻ khác gây bất cứ sự tổn thương nào đến cho mình (như tổn hại mạng sống, mất mát tài sản, rối loạn hạnh phúc gia đình...), thì chính những gì chúng ta không muốn ấy cũng đừng nên gây hại cho người khác [6]". Qua ý nghĩa này chúng ta thấy rằng giữ gìn năm giới chính là giữ gìn hạnh phúc của mình. Đây chính là một ý nghĩa tích cực của giới.

Người ta sẽ dễ dàng nhận thấy rằng nếu năm giới điều căn bản này bị con người vi phạm và phá bỏ thì chính môi trường xung quanh tức xã hội (xã hội trong ý nghĩa nhỏ hẹp là gia đình, cộng đồng cho đến biên giới quốc gia, quốc tế) sẽ rơi vào một hoàn cảnh



rối ren, đau khổ. Chỉ từ sự đánh mất hạnh phúc của từng con người sẽ tạo ra đau khổ cho gia đình, xã hội, thậm chí sự tổn hại to lớn như chiến tranh có thể bùng nổ, nhân loại có thể diệt vong, nếu người ấy là kẻ có chức có quyền[7]. Vậy thì năm giới là năm điều kiện tất yếu cần phải được tuân thủ, nếu như con người mong muốn hạnh phúc thật sự.

Điểm điển hình kế tiếp của giới luật Phật giáo là từ bi. Mọi người có lẽ đều thừa nhận rằng đã là con người nghĩa là từng khổ đau và đang khổ đau (cảm nghiệm theo từng cấp độ), vì như Lev. Tonstol

từng phát biểu rằng mọi người đều có cảm giác hạnh phúc giống nhau, nhưng cảm thọ khổ đau thì mỗi người một kiểu. Như thế, điều kiện cần phải làm, từ bi cần phải có mặt là sự giúp đỡ cần thiết cho con người, cho xã hội, hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp. Điều này nói lên một ý nghĩa tích cực khác của giới luật Phật giáo. Giữ giới có nghĩa là bố thí: bố thí năm điều không sợ hãi và đem đến năm điều an lạc cho con người, cho xã hội.

Cần lưu ý rằng, từ bi của Phật giáo không phải chỉ để cảm thông với khổ đau của con người trong quá khứ cũng như trong hiện tại, mà là tích cực để đoạn trừ những nỗi thống khổ ấy qua sự tu tập năm giới. Từ bi của Phật giáo liên hệ đến bất bạo động, do vậy nó có thể loại trừ khả năng sinh khởi của các sai lầm do tham, sân, si điều động.

Qua những điểm vừa trình bày trên, chúng ta có thể thấy rằng giới là bước đi đầu tiên, là bước đi căn bản và vô cùng quan trọng trong lộ trình tu tập và hướng đến xây dựng một con người tốt, một môi trường tốt và một xã hội tốt đẹp. Nếu giới không được nghiêm giữ một cách thanh tịnh thì việc tu tập thiền định khó mà đạt được kết quả tốt; và nếu có chăng, ấy chỉ là những kết quả còn con. Nếu an lập được nền tảng các vấn đề đạo đức (giới) thì không thể nào không tạo ra được an lạc, hạnh phúc cho mình, cho gia đình và cho xã hội. Ngay cả mục đích tối hậu, tức sự giải thoát toàn vẹn, cũng khởi từ bước khởi đầu này mà chúng ta đi. Nếu cuộc sống giữa con người với con người, con người với gia đình, con người với xã hội mà đều tuân thủ và hành trì giới luật

một cách chân chánh thì không ai có thể chối cãi rằng cuộc đời này là một trú xứ đầy an lạc, hạnh phúc. Nói chính xác hơn, Tịnh Độ cũng chính tại đây; tất cả đều phụ thuộc vào hành vi đạo đức của con người mà được an lập.

Điều quan trọng cần phải lưu ý ở đây là sự hiện hành của pháp luật xã hội cũng như giới luật của các tôn giáo khác. Tất nhiên, sự tác động của những điều vừa được đề cập không phải là ít đối với cuộc sống con người, của xã hội. Tuy nhiên, khách quan để đánh giá thì chúng ta sẽ nhận thấy rằng sự tác động của chúng chỉ mang tính răn đe và trừng phạt những hành vi phạm tội của con người, được thể hiện ra ngoài qua hành động của thân và miệng. Trong khi ấy, chủ nhân chính để tạo ra tội lỗi lại là ý (tâm). Ý là chủ nhân và là nhân tố chính điều động các hành vi thiện ác. Như vậy, giáo dục là giáo dục ngay ở nguồn gốc của nó; ngăn chặn là ngăn chặn ngay ở thời điểm mà tội lỗi chưa phát sinh. Được như thế, kết quả hạnh phúc mà con người đang chờ đón mới có cơ hội đơm hoa, kết trái. Giới luật Phật giáo có công năng thực hiện trọn vẹn yếu tố này. Trích dẫn ngắn gọn sau đây từ hai bài kệ Pháp Cú sẽ soi sáng cho vấn đề trên:

*"Ý dẫn đầu các pháp, ý là chủ, ý tạo;
Nếu nói hay hành động; với tâm ý ô nhiễm,
Khổ não bước theo sau; như xe chân vật kéo."*

Và

*"Ý dẫn đầu các pháp, ý là chủ, ý tạo;
Nếu nói hay hành động; với tâm ý thanh tịnh;
An lạc sẽ theo sau; như bóng không rời hình."*

Dĩ nhiên, muốn giáo dục và xây dựng tốt con người và xã hội trong một môi trường đạo đức thì cần phải có những mẫu người đạo đức (theo nghĩa tương đối); những con người sống đúng pháp, đúng luật. Phải chăng đó là hình bóng Tăng đoàn của Phật giáo! Đời sống mô phạm của Đức Phật và các Thánh đệ tử xuất gia cũng như tại gia trong thời đại của Ngài đã cho chúng ta thấy rằng, quả thật, cuộc sống phạm hạnh của Tăng đoàn là bài pháp hùng hồn, là khuôn mẫu giáo dục có tác dụng to lớn, tác động mạnh mẽ đến việc cải thiện đạo đức cho người Phật tử nói riêng, và cho xã hội nói chung. Cuộc sống đúng giới luật của Tăng già là nền tảng vững chắc, là cơ sở thiết yếu để mọi người nương tựa. Bằng như chỉ nói về, chỉ lý thuyết, chỉ mơ ước thì ảnh hưởng của giới luật không những rất ít, mà lắm khi lại phản tác dụng; vì thực tế cho thấy rằng hành động đạo đức bao giờ cũng có giá trị hơn hẳn nói về đạo đức. Như vậy, yêu cầu bức thiết đối với Phật giáo đồ nói riêng, và nhân loại hiện nay nói chung là cần có những con người thực hành chánh pháp, chuyên trì giới luật, sống đúng truyền thống lục hòa theo nghĩa tích cực của nó. Tăng đoàn Phật giáo cần phải phát huy sức mạnh, hiệu lực và giá trị của mình trong việc truyền trao giới pháp; cần chú trọng đến phẩm chất, loại trừ

chủ nghĩa số lượng, nặng tính hình thức.

Dĩ nhiên, giới luật Phật giáo nói chung và năm giới nói riêng không chỉ dành cho đệ tử của đức Phật, cũng không phải dành riêng cho một hạng người nào trong xã hội. Năm Nguyên tắc căn bản này dành chung cho tất cả mọi người, mọi lứa tuổi, mọi dân tộc, mọi thời đại, dành cho những ai muốn an lạc và hạnh phúc cho mình và cho người ngay trong hiện tại và tại đây; nếu như không muốn nói đến tương lai, và cho những ai muốn có một chuẩn mực tối thiểu để làm người theo đúng chân nghĩa.

Thế giới con người đang quẩn quại trong khổ đau và lên án những người đang vi phạm các nguyên tắc đạo đức cơ bản này. Thế giới con người cũng đang khao khát một cuộc sống hòa bình, thịnh vượng, hạnh phúc. Như vậy, có phải chăng, năm giới điều trên của Phật giáo là năm chuẩn tắc luân lý để xây dựng một xã hội đạo đức, công bằng, ổn định (theo nghĩa tương đối) mà Socrate, triết gia nổi tiếng của Hy Lạp, đã hy vọng và mong chờ khi phát biểu rằng:

"Một nền đạo đức không thể căn cứ vào một giáo lý mơ hồ, ta có thể tạo dựng một nền luân lý hoàn toàn không lệ thuộc thần học, hoàn toàn thích hợp với những người có tôn giáo cũng như không có tôn giáo thì xã hội mới ổn định[8]."

Phải chăng đã đến lúc mọi người cần phải quay trở lại với chính mình, phải xác định lại mục đích thật sự mà họ đang tìm kiếm và muốn vươn tới. Phải chăng hạnh phúc là đối tượng mà con người đang mãi tìm kiếm! Nhưng hạnh phúc thì đồng nghĩa với đạo đức, mà đạo đức chính là giới. Vậy thì chính lúc này con người cần phải loại bỏ tất cả ngộ nhận sai lầm về giới luật của Phật giáo đã tiến gần giới luật, nắm giữ giới luật như là đang nắm giữ hạnh phúc của mình; nắm giữ giới luật như là đang duy trì chính nhân phẩm của mình vậy. Bằng như ngược lại, cứ khao khát, tìm cầu hạnh phúc, an lạc mà phá vỡ năm giới điều trên thì cũng như người khát nước mà mãi uống nước biển vậy. Kết quả chỉ là sự đau đớn, thống khổ của những người thiếu trí tuệ, như vua Trần Thái Tông từng nói:

*"Phong trần thất thế làm thân khách,
Ngày mai xa quê vạn dặm đường [9]."*

Đề cập đến năm giới căn bản, năm điều đạo đức tối thiểu của Phật giáo mà đã có thể đem lại hạnh phúc thiết thực và to lớn cho con người, cho xã hội như thế (nếu được thực thi); chắc chắn rằng những giới điều khác của Phật giáo (cũng dựa trên năm giới căn bản này) mà được hành trì một cách nghiêm túc thì sự giải thoát và Niết-bàn tối hậu là điều có thể đạt được, không hư dối vậy.

Hạnh phúc ở đây cần phải được hiểu theo từng cấp độ, từng hoàn cảnh và từng cá nhân cảm thọ nó trong từng điều kiện riêng biệt. Kết quả của năm giới là công năng của một cuộc sống đúng giới luật của

hàng cư sĩ, đệ tử tại gia của đức Phật; còn Niết bàn – tức hạnh phúc tối hậu– tất nhiên đòi hỏi một sự tu tập nhuần nhuyễn ba pháp giới – định – tuệ, ở đó, giới định tuệ đã vỡ tan và hòa nhập với tự thân hành giả, tạo nên một thể thống nhất giữa nhân và pháp. Niết-bàn là kết quả của sự hòa nhập hoàn toàn giữa pháp tu và người tu, giữa người chứng và quả chứng. Niết-bàn của Phật giáo vượt lên trên mọi suy tư logic, mọi cảm thọ bình thường. Nó là sự thể hiện trọn vẹn của một cuộc sống từ bi, trí tuệ, vô ngã, vị tha.●

[1] *Câu Chuyện Triết Học*, Will Durant, Bửu Đích dịch, Tu Thư Vạn Hạnh, 1971.

[2] *Sở*

[3] *Trung Bộ Kinh, Kinh Thánh Cầu*, HT. Minh Châu dịch.

[4] Xem "Trường Bộ Kinh, Kinh Sonadanda", HT. Minh Châu dịch

[5] *Câu Chuyện Triết Học*, Will Durant, Bửu Đích - Trí Hải dịch, 1971.

[6] "Kỳ sở bất dục vật thí ư nhân".

[7] *Chiến tranh và trộm cướp, lừa dối, hối lộ, tham nhũng v.v... khắp thế giới trong quá khứ cũng như thế giới đương thời là hệ quả của sự vi phạm năm nguyên tắc (giới) căn bản này (Tác Giả).*

[8] *Câu Chuyện Triết Học*, Will Durant, Bửu Đích dịch, Tu Thư Vạn Hạnh xuất bản.

[9] "Vinh vi lãng đẳng phong trần khách

Nhật viễn gia hương vạn lý trình". (Thiền Học Trần Thái Tông).



BỒN PHÁP CHÚC MỪNG

Thiện Minh

Tại chùa Nguyệt Quang (Chandaramsey) quận 3, TP.HCM, Giảng sư - Đại đức Thiện Minh đã có bài giảng: "Bốn Pháp Chúc Mừng" cho lớp Phật học tại chùa, đối tượng là Chư tăng mới xuất gia. Đây là lời chúc tụng trong kinh cho chư tăng, tu nữ, Phật tử theo truyền thống Phật giáo Nam tông.

Lời dạy của Đức Phật trong bài kinh này có nội dung: Chúc sống lâu, sắc đẹp, an vui, sức mạnh.

Tiếng Phạn: Ayu: sống lâu

Vanna: sắc đẹp

Sukha: an vui

Pala: sức mạnh

Bài kinh này Phật thuyết trong Trường bộ kinh - Digha Nikaya. Phật dạy kinh này để chúc tụng cho mọi người.

1. SỐNG LÂU

Người đời sống trên 60 tuổi gọi là sống thọ. Sống từ 1 đến 59 tuổi mà chết đi gọi là hưởng dương.

Trong kinh nói sống lâu nhờ giữ giới sát sanh. Kinh Pháp cú có câu:

*Dù sống trăm năm
Không có thiền định
Và không trí tuệ
Tốt sống một ngày
Có thiền và trí tuệ.*

Tiếng Phạn:

Samadhi: thiền

Pana: Trí tuệ

Chúng ta nhiều khi dễ dãi nhưng có duyên, đúng lúc thầy nói cho một câu chốt tỉnh thức lo tu tập.

Qua câu kinh pháp cú, đức Phật không quan trọng việc sống lâu hay không sống lâu mà chúc sống lâu là ý nói chúc đạt được pháp Tứ thần túc. Tứ thần túc là:

Dục: CHANDA
Cần: VIRIYA
Tâm: CITTA
Thẩm: PANNA

a. Dục - Chanda - Muốn

Dục có hai nghĩa tốt và xấu, KAMA là dục - muốn - có ý nghĩa xấu. CHANDA là dục - muốn có ý nghĩa tốt.

Ví dụ: muốn xuất gia, muốn tu thiện. Vậy muốn này là muốn thiện.

Chẳng hạn như ông Cấp Cô Độc hay tin Đức Phật chứng đắc đạo quả nên muốn sáng ngày mai đi gặp Đức Phật. Ý muốn của ông Cấp Cô Độc lớn quá nên làm cho ông thao thức không ngủ được. Mối 3 giờ sáng ông đã mở cửa nhắm hướng Đức Phật mà tới. Từ đầu hôm cho tới giữa khuya Đức Phật giảng pháp cho chư Thiên nghe, còn rảnh rỗi thì Ngài đi kinh hành. Thấy Cấp Cô Độc tới tìm, Đức Phật bèn phóng hào quang và thuyết pháp cho ông ta nghe. Nghe Phật thuyết pháp, ông Cấp Cô Độc đã đắc quả Tu Đà Huân. Sau đó, cảm ân đức của Phật, ông Cấp Cô Độc đã có ý tìm mua đất xây chùa dâng cúng Ngài.

Bà Gotami muốn được xuất gia tu hành. Từ thành Ca Tỳ La Vệ, Bà đã bỏ tất cả y áo lộng lẫy xinh đẹp, đơn sơ với đôi bàn chân trần dẫm lên đất đá vượt đường xa để xin Phật cho phép người nữ xuất gia. Phật khước từ. Lúc bấy giờ Đại đức Ānanda nhìn thấy bà Gotami hai chân sưng to đau nhức vô cùng nhưng vẫn không rời bỏ ý định xuất gia bèn xin Phật cho bà được như ý nguyện. Nhưng đức Phật vẫn kiên quyết không chấp thuận. Đại đức Ānanda liền quỳ dưới chân đức Phật tha thiết xin giùm cho bà Gotami. Ānanda nói: Kính bạch Thế Tôn, nếu người nữ xuất gia có chứng đắc đạo quả không? Đức Phật trả lời: Người nữ xuất gia có thể chứng đắc đạo quả Alahán Thánh văn.

Sau đó, đức Phật thuận ý cho bà Gotami xuất gia và ban Bát kinh Pháp. Như vậy, việc ông Cấp Cô Độc muốn đi tìm Phật lúc 3 giờ sáng hay việc bà Gotami - Kiều Đàm Di Mẫu từ bỏ đời sống ấm êm trong nhung lụa giàu sang để xuất gia chính muốn đó gọi là Dục - CHANDA.

b. Cần - Viriya

Cần là siêng năng, nỗ lực không ngừng. Trong đời sống người không tinh tấn, nỗ lực sẽ không bao giờ thành công trong học tập, trong công việc. Trong tu hành cũng vậy, nếu người tu sĩ không có đức tánh cần - VIRIYA thì sẽ tu không có kết quả, học kinh không giỏi, hiểu kinh không nhiều, không

siêng năng thì chắc chắn không thường xuyên quét dọn, phòng ở sẽ lòi thối, luộm thuộm lắm.

Cần còn có nghĩa siêng năng, nỗ lực đoạn trừ bất thiện pháp như sát sanh, nói dối, tà dâm, trộm cắp, uống các chất say, nóng nảy, lừa dối, giận hờn, ghen ghét, ích kỷ v.v...

Nếu những pháp ác chưa sanh thì phải tinh tấn, nỗ lực đừng cho nó sanh. Nếu những ác pháp đã sanh rồi thì phải nỗ lực, tinh tấn đoạn trừ nó.

Cần còn có nghĩa là tinh tấn đối với thiện pháp. Nếu chưa sanh pháp thiện thì phải tinh tấn, nỗ lực làm cho nó phát sanh như là cung kính, tùy hỷ, bố thí cúng dường, từ bi, hỷ xả, chăm chỉ, thương yêu v.v... Tinh tấn duy trì thiện pháp bền lâu.

c. Tâm - Citta

Tâm là gì? Là biết cảnh.

Quý vị từ cốc của mình đi lên lớp học, tâm dẫn quý vị đi. Tâm thì vô cùng quan trọng, Pháp cú kinh đức Phật có dạy:

"Tâm dẫn đầu các pháp. Tâm làm chủ. Tâm tạo tác. Con người nói hay làm gì cũng với tâm thiện thì hạnh phúc sẽ theo ta như bóng với hình.

Tâm dẫn đầu các pháp. Tâm làm chủ. Tâm tạo tác. Con người nếu nói hay làm với tâm bất thiện thì đau khổ sẽ theo ta như bóng với hình".

Hai câu kinh Pháp cú này đề cập đến hai trạng thái quan trọng của tâm là: hạnh phúc hay đau khổ, thiện đàng hay địa ngục, thiện hay ác là do tâm sanh ra.

Tâm thiện: trì giới, cung kính, tôn trọng, bố thí, từ bi v.v...

Tâm ác: phá giới, ngã mạn, bất kính, ích kỷ, ác độc v.v...

Người có tâm thiện sẽ có hạnh phúc.

Người có tâm ác sẽ bị đau khổ.

Khi chúng ta nhìn một người đang sống an vui, hạnh phúc, sum vầy, may mắn, tự tại, thông dong, đầy đủ, xinh đẹp, ta biết họ đang hưởng phước của tâm thiện lành.

Khi chúng ta nhìn một người đang sống phiền não, đau khổ, cô đơn, thiếu thốn, bệnh hoạn, đói rách, ta biết họ đang thọ lãnh nghiệp báo của tâm bất thiện.

Lại nữa, Kinh Pháp cú viết:

*Không làm các điều ác
Hãy làm các việc lành
Giữ tâm ý trong sạch
Đó lời chư Phật dạy.*

Giữ tâm ý không bị ô nhiễm, tránh làm điều ác, siêng làm việc lành. Chư Phật xuất hiện trên thế gian

này cũng chỉ để dạy chúng ta 3 điều đó .

Quý vị tập tu sao cho có được Tâm tĩnh lặng, trí tuệ, đại bi. Đó mới thật là con đường nguyên lực vô lượng của bậc thiện tri thức vậy.

d. Thấm – Panna - Trí tuệ

Trí tuệ nghĩa đen là người học cao, hiểu rộng, có bằng cấp, có học vị. Nhiều nhà khoa học, bác học có những phát minh, sáng chế giúp ích cho đời sống con người, ta gọi họ là những người có trí tuệ thế gian. Tuy nhiên, trí tuệ hiểu theo nghĩa nhà Phật là thấy được vô thường, khổ, vô ngã, thấy được lý nhân quả, nghiệp báo, thấy được nguồn gốc của khổ, hiểu được ý nghĩa thâm sâu của các vấn đề sanh, lão, bệnh, tử, thấy thân ngũ uẩn này là khổ. Người có trí tuệ thấy được rõ cội nguồn của khổ là do tham ái hay còn gọi ái dục mà ra. Ái dục - Tanha sanh ra Dukkhas - Khổ.

Trí tuệ này còn cho thấy con đường đi đến Niết bàn là Bát chánh đạo: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Có trí tuệ của nhà Phật thấy được Đạo để và tu tập dẫn đến Niết bàn.

Cho nên, đức Phật chúc sống lâu là chúc đại chúng thành tựu pháp Tứ Thần Túc.

2. SẮC ĐẸP

Sắc đẹp chỉ cho vẻ đẹp bên ngoài. Ví dụ người ta thường nói anh này đẹp trai, chị kia đẹp gái. Đối với Đức Phật, vẻ đẹp bên ngoài không quan trọng bởi vì người có ngoại hình đẹp mà không có nhân cách đẹp thì chẳng ai muốn thân cận. Có cái đẹp bên ngoài mà không có đức hạnh thì cái đẹp đó vô nghĩa, không thu hút được người khác. Trong dân gian có câu: "Cái nết đánh chết cái đẹp". Nết đây là đức hạnh, là đạo đức, là cái duyên của một con người. Gương mặt đầu tiên do cha mẹ chúng ta cho khi ta mới chào đời, nhưng cái duyên, cái nết chính là khuôn mặt thứ hai do ta rèn luyện, tu tập mà có. Khuôn mặt này còn được gọi với nhiều cái tên khác như đạo đức, nhân cách, tâm hồn. Đối với người tu hành, ở một chừng mực nào đó thì nết chính là phạm hạnh, là giới đức. Giới đức căn bản là Ngũ giới, Bát quan trai giới. Người tu sa di thọ 10 giới, 30 điều học và 75 Ứng học pháp. Người tu Tỷ Kheo thọ 227 giới. Tu nữ thọ 8 giới, 30 điều học, 8 bát kinh pháp, 75 ứng học pháp, tổng cộng cũng khoảng 100 giới. Như vậy cũng không phải là ít.

Sắc đẹp của người tu hành chính là sự giữ giới. Giữ giới trong sạch làm con người tu hành đẹp hơn lên trong mắt người khác. Đó chính là sự ngưỡng mộ, cung kính trước oai đức và đạo lực của những vị tu hành chân thật.

Như quý vị đây, tuy chỉ là Sa di nhưng đã biết

giữ giới nghiêm túc. Làm sư và giữ giới của nhà sư là một việc không đơn giản. Ví dụ: Quý vị giữ đúng thời khóa biểu tu học, đúng giờ là đến lớp, không bỏ thời khóa công phu hằng ngày ở chùa, khi sư cả chỉ định làm việc gì thì làm tốt việc được giao, nếu tự ý không làm coi như mất đạo đức rồi đó. Cho nên nói giới là đạo đức, đức hạnh, là lẽ phải mà ta thường xuyên thực hành khi sống trong một tập thể, hội đoàn, tăng chúng. Khi quý vị có giới đức người khác nhìn vào sẽ thấy quý vị đẹp vô cùng. Cái đẹp này toát ra từ thân khẩu ý trang nghiêm, thanh tịnh, từ uy nghi của phong cách, phạm hạnh trong cuộc sống tu hành thường ngày của quý vị. Quý vị còn trẻ tuổi, hiện đời này mới đặt chân trên con đường tu tập chưa bao lâu nên hãy gắng gìn giữ cái đẹp của giới đức.

Chúng ta thử nhớ lại trong câu chuyện Đường Tăng thỉnh Kinh có nhân vật Tề thiên đại thánh và Trư Bát Giới. Hai nhân vật này mâu thuẫn với nhau. Tề thiên - con khỉ nhỏ con, thông minh, trí tuệ, thần thông, lanh lợi, ăn ít, ngủ ít, chiến đấu với ma vương. Còn Trư Bát Giới- con heo to xác, ngu muội, vô trí, chậm chạp, ăn nhiều, ngủ nhiều, luôn tư tưởng đến nữ sắc, có chuyện gì cũng chỉ biết khóc mà thôi. Chúng ta thấy cái đẹp của hình ảnh nhân vật Tề Thiên là ở cái tâm thiện, tâm đạo đức luôn chiến đấu diệt trừ cái ác là bọn ma vương. Đó cũng chính là người giữ giới mạnh mẽ nhất. Nữ sắc không làm lay động mây may tâm giới của Tề Thiên. Có một điều rất thú vị là Tề Thiên luôn sử dụng thần thông, thoát cái là bay, bay nơi này nơi kia, khi trên trời, khi dưới đất, biến hoá không lường. Đó là thần thông. Nhưng muốn có thần thông phải giữ giới nghiêm túc mới được. Cũng như muốn bay thì phải nhẹ (như bong bóng) còn nặng (nhiều tham sân si) thì làm sao bay được. Phải vậy không?

3. AN VUI

An vui theo tiếng Phạn là Sukha, nghĩa là hạnh phúc. Nhưng ở đây Phật chúc an vui theo nghĩa Jhana- đạt tứ thiền. Tứ thiền gồm có sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền. Thông thường ai ngồi thiền cũng trải qua 5 chương ngại: tham dục, sân hận, buồn ngủ, trạo hối, nghi. Năm chương ngại này như năm quan ải, năm trận giặc lòng có nhiều ma vương rất khó vượt qua đối với người tu thiền. Trong đó, trạo hối là hối tiếc, nhớ lỗi, nuôi tiếc về những bất thiện pháp đã lỡ làm, nghi là không tin, tâm khởi ý nghi ngờ tam bảo, nghi thiền, nghi thần thông, tâm bồn loạn, sợ hãi. Nếu vượt qua 5 cửa ải này thì hành giả mới có được 5 chi thiền: tầm, tứ, hỷ, lạc, định.

Tâm nghĩa là tìm kiếm (sự an lạc, vắng lặng)

Tứ (bám sát đối tượng)

Hỷ: an vui, hoan hỷ

Lạc: an lạc, tịch tịnh

Định: vắng lặng, an trú

Muốn chứng được sơ thiền phải buông bỏ hai pháp căn bản là ly dục, ly bất thiện. Ly dục: không dục, không ham muốn. Ly bất thiện: không làm bất thiện.

Muốn chứng nhị thiền phải diệt tầm và tứ.

Muốn chứng tam thiền phải bỏ lạc hỷ.

Muốn chứng tứ thiền phải bỏ định. Theo Vi Diệu Pháp muốn chứng ngũ thiền phải bỏ định và xả.

Đạt tứ thiền mới có tâm an vui trong thế giới sa bà này.

4. SỨC MẠNH

Theo nghĩa thông thường sức mạnh là có sức khỏe tốt. Nhưng trong kinh chúc mừng, Phật muốn dạy sức mạnh ở đây là thành tựu được ngũ lực.

Ngũ lực bao gồm tín, tấn, niệm, định, tuệ. Năm pháp này hỗ trợ cho chúng ta tu tập thiền định đạt được kết quả tốt. Năm pháp này thực sự là sức mạnh của người tu.

Tín: Lòng tin mãnh liệt nơi Tam bảo, nơi đức Phật, nơi giáo Pháp và Tăng đoàn.

Chúng ta thường tụng đọc: "Đệ tử quy y Phật, đấng Thiên Nhân điều ngự, bậc bi trí vẹn toàn. Đệ tử quy y Pháp, đạo chuyển mê khai ngộ, ly khổ và đắc đạo. Đệ tử quy y Tăng, bậc hoằng truyền chánh pháp, bậc vô thượng phước điền".

Tấn: tinh tấn, siêng năng.

Niệm: nhớ, ghi nhận tốt.

Định: tâm vững chãi, an trú

Tuệ: Thông thái trong thiền pháp.

Tại sao bốn pháp chúc mừng này là pháp cao thượng?

Xưa nay, người ta hiểu 4 pháp chúc mừng này theo nghĩa thông thường tục đế, nghĩa ở trên lời mà thôi. Còn ý nghĩa cao thượng là chúc những pháp tu để đạt được chơn đế từ đó thành tựu đạo quả, an lạc trong chánh pháp thì không nhiều người biết đến. Trong kinh Níp bàn có ghi lại rằng bọn ma vương lúc nào cũng rình rập xem lúc nào thì Phật nhập Niết bàn. Ma vương đến hỏi khi nào Phật sẽ nhập Niết Bàn. Phật nói: Như lai sẽ nhập Niết Bàn khi nào Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, Phật tử đông và trưởng thành. Có một lần nọ, Phật nói với Đại đức Ānanda rằng: - Này Ānanda, người nào đạt tứ thần túc có khả năng sống lâu hơn một kiếp, có khi sống nhiều hơn một kiếp của quả địa cầu. Nhưng Ānanda không hiểu ý Phật, nên không thỉnh Phật ở lại thế



Phước - Lộc - Thọ

gian lâu hơn nữa. Sau khi Đại đức Ānanda lui ra thì nhân cơ hội đó ma vương thỉnh đức Phật nhập Niết bàn lần nữa. Lúc bấy giờ đức Phật im lặng. Ngài quán tưởng tuổi thọ của Ngài và thấy tăng chúng đã có sự trưởng thành, tăng trưởng về số lượng rồi bèn hứa với ma vương 3 tháng nữa sẽ nhập Niết bàn. Khi đó trời đất rung chuyển, gió thổi dữ dội khắp mọi nơi, chim ngừng hót, hoa lá úa tàn, bốn phương mù mịt cuồng phong bão tố. Đại đức Ānanda giật mình lo lắng, tới hỏi Phật: Tại sao lại có những hiện tượng như vậy? Phật nói: Như Lai vừa mới hứa với ma vương 3 tháng nữa sẽ nhập Niết bàn, đúng vào ngày trăng tròn tháng 4 Vesakkha.

Ānanda khóc và thưa rằng: Sự hiện hữu của Như Lai là phúc lạc cho thiên nhân, thỉnh Thế Tôn ở lại thế gian. Phật nói: Này Ānanda, Như Lai đã từng nói với Ānanda rằng một vị Phật tổ đặc pháp Tứ thần túc sẽ sống thêm nhiều kiếp của quả địa cầu, nhưng Ānanda đã không hiểu ý của Như Lai. Bây giờ Như Lai đã tuyên hứa và khẳng định với Ma Vương 3 tháng nữa nhập Níp bàn rồi, Ānanda báo tin này đến đại chúng. Ānanda im lặng! Ānanda rơi nước mắt khóc buồn thật nhiều.

Như vậy, bốn pháp chúc mừng nhằm đề cập đến pháp tu để thành tựu chân đế, pháp giác ngộ chứ không phải là những lời dạy bình thường. Là lời dạy giúp cho chúng ta ly khổ, đắc lạc hướng đến giác ngộ giải thoát.

Theo truyền thống Phật giáo Nam tông, khi nhận lễ phẩm cúng dường của Phật tử thường tụng kinh chúc phúc bốn pháp này đến cho Phật tử. Những người tin lý nhân quả dâng tứ vật dụng đến với chư tăng, quý sư chúc tụng bốn pháp này là tặng cho họ món quà Phật pháp cao thượng, giúp họ bớt khổ trong đời sống vốn khổ đau không cùng tận này. ●



Khuyến tu

Hạnh Ngọc

Cuộc đời lắm cảnh phù du,
Thân này tạm bợ, nghìn thu trống lờn.
Giả chơn phân rõ đôi đàng,
Người về nhàn cảnh, kẻ mang tội hình.
Chỉ vì hai chữ vô – minh,
Tam độc tạo nghiệp của mình phải mang.
Đam mê dục lạc thế gian,
Đêm ngày yến tiệc ca xang bạn bè.
Thâu đêm thức trắng rượu chè
Ban ngày mới mệt về lầu lình
Tàn phá thể xác thật kinh !
Tự mình làm khổ cho mình mà thôi.
Hãy mau tỉnh thức kịp thời,
Nường về cửa Phật thành thời an nhàn.

Đời Con Có Phật

Bùi Thị Thúy Nhận

Ngày xưa con vô minh,
Không hiểu gì Phật Pháp.
Con như cây hoa dại,
Cút như vậy lờn lờn.
Nay được hiểu đôi điều,
Phật là ánh quang minh.
Soi đường cho nhân thế,
Duyên may được quay về.
Sống theo lời Phật dạy,
Hiếu đời đây đau khổ.
Luật nhân quả nhiệm mầu,
Tứ diệu đế thâm sâu.
Năng làm lành lánh dữ,
Biết tu tâm dưỡng tánh.
Yêu thương khắp muôn loài,
Vô lượng tâm ban rải.
Ngày đêm tưởng Phật đà,
Đấng từ phụ Thích Ca.
Bậc đạo Sư thiên nhân,
Trọn đời con kính ngưỡng.

Điện Dương, ngày 23 tháng 03 năm 2011

Tâm Sự Một Loài Hoa

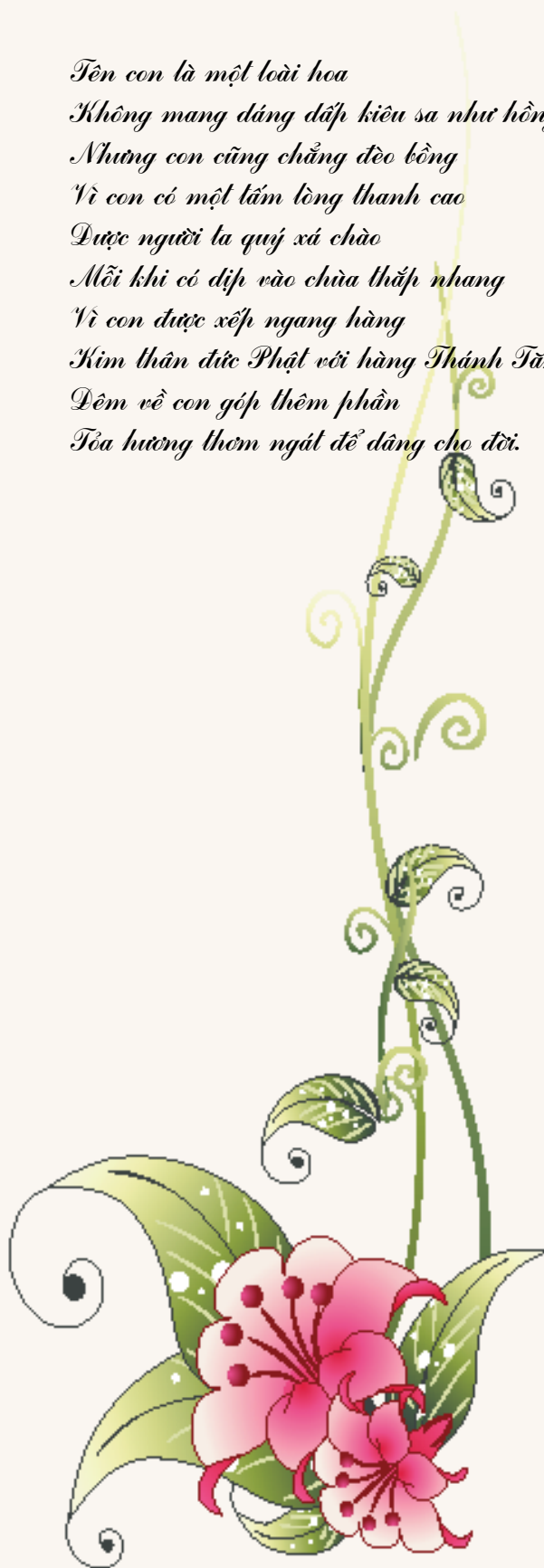
Huệ Trắng

Tên con là một loài hoa
Không mang dáng dấp kiêu sa như hồng
Nhưng con cũng chẳng đèo bông
Vì con có một tấm lòng thanh cao
Được người ta quý xá chào
Mỗi khi có dịp vào chùa thắp nhang
Vì con được xếp ngang hàng
Kim thân đức Phật với hàng Thánh Tăng
Đem về con góp thêm phần
Tỏa hương thơm ngát để dâng cho đời.

Động tâm Kushinagar

Hiền Khánh (Hoa Huệ)

Kushinagar vườn hoa muôn sắc
Đức Thế Tôn diệt tận nơi đây
Bao lần biến đổi với đầy
Pháp âm Ngài vẫn vang bất diệt
Mấy ngàn năm đời còn thương tiếc
Quyết nói tuyên lời dạy Thế Tôn
Anh đạo vàng muôn nơi khắp chốn
Người có duyên thắm nhuần diệu Pháp
Kẻ chưa duyên cũng được gây duyên
Triết lý Ngài chẳng sanh chẳng diệt
Đại từ bi hỷ xả vị tha
Độ chúng sanh rui qua bờ giác
Cảnh Niết bàn cực lạc không xa
Chính chúng ta tìm ra giải thoát!.



Tháp bảo

Đinh Văn Sơn

*Giếng ngọc lưu ly, quá nhiệm màu
Sen vàng, Bô lát ngự nơi đây
Cam lồ thủy, trong veo mát lạnh
Ban phước lành, bá lánh khắp nơi*

*Lục căn tháp bảo Phật đà
Mau mau niệm Phật Phật đà độ cho
Mọi người đều được ấm no
Gia đình hạnh phúc không lo chuyện đời
Suối Tiên là chỗ được mời
Làm nên lịch sử cho đời viếng thăm
Xung quanh cảnh đẹp như vầy
Cũng nhờ thiên phú cho người anh trai
Nghệ nhân kỹ thuật đêm ngày
Cùng Ban lãnh đạo cả ngày lẫn đêm
Mong sao lúc phẩm hoàn thành
Để cho Phật tử khắp nơi tụ về
Về đây chiêm ngưỡng cõi trời
Lung linh huyền ảo cả đời không mong
Cầu cho bá lánh hiểu ra
Chơn lý đạo Phật hiện ra nơi này
Mong sao Phật tử xa gần
Hường về tháp bảo nguyện cầu trong tâm*

A La Hán Kisa Gotamī MỘT NHÚM HỘT CẢI

Bs. Hồ Hồng Phước

Vào thời Đức Phật hiện tại, ở thành Savatthi (Xá Vệ), có một cô con gái nhà nghèo tên Gotamī. Cô thuộc dòng dõi Gotama, nên có họ hàng với đức Phật Gotama (1). Thân hình cô cao, ốm, và có vẻ mảnh mai yếu đuối, nên hàng xóm gọi cô là Kasī Gotamī (Gotamī ốm). Có một điều người ta không biết là tâm cô rất trong sáng và dễ thương. Cô có cái đẹp thầm kín ẩn tàng trong tâm hồn như câu tục ngữ, ca dao:

- Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.
- Cái nết đánh chết cái đẹp.
- Thân em như củ ấu gai,

Ruột trong thì trắng, vỏ ngoài thì đen.

Vì cô không đẹp, xuất thân từ gia đình nghèo nên đã quá tuổi cập kê rồi mà không ai đến hỏi cưới. Cô cảm thấy tủi thân nhưng an phận với số phận hẩm hiu của mình. Bỗng nhiên, một hôm có một thương gia giàu trẻ tuổi đến xin cưới cô làm vợ. Cô tưởng như chuyện trong giấc mộng, nhưng người thương gia cho biết anh đã để ý theo dõi cô một thời gian thì anh rất hài lòng. Anh không chuộng vẻ đẹp hời hợt bề ngoài, cũng như người vợ có gia thế sang trọng. Điều anh cần là một người vợ hiểu biết, có tâm hồn cao thượng.

Cô được cưới hỏi đàng hoàng, nhưng gia đình bên chồng xem thường và khinh rẻ cô. Vì vậy, cô không thấy hạnh phúc, nhưng điều đau đớn nhất của cô là khi biết chồng bị khổ sở dẫn vật giữa tình yêu vợ và tình thương cha mẹ.

Thế rồi cô sinh được một đứa con trai. Từ đó không khí gia đình hoàn toàn thay đổi vì có được người tiếp nối dòng dõi tổ tiên. Cô được thừa nhận chính thức là bà mẹ của đứa con thừa tự. Như trút được gánh nặng trên vai, cô thật sự thoải mái. Ngoài tình mẹ con, cô hết sức lo lắng vì đứa con trai là sự đảm bảo chắc chắn cho gia đình cô sống an lành và hạnh phúc.

Đứa bé là niềm vui của cả nhà. Nó kháu khỉnh, bụ bẫm, bắt đầu đi chập chững, rồi chạy nhảy khắp nơi trong nhà. Nhưng một hôm đứa bé mắc bệnh và



Kasī Gotamī cầu xin đức Phật cứu sống con mình

chết liền, không kịp tìm thầy chữa chạy. Hạnh phúc thế gian thật mong manh như bong bóng nước. Đầu óc cô rối tung. Cô vừa đau khổ vì con, vừa lo sợ gia đình chồng, kể cả chồng cô sẽ bỏ rơi cô. Chắc gia đình chồng sẽ đổ thừa cô và bên ngoại là ăn ở thất đức, đem lại rủi ro, xui xẻo v.v... Cô nghĩ: "Còn nước còn tát". Càng nghĩ cô càng quẩn trí. Cô cho rằng con cô chưa chết thật, nếu tìm đúng thầy đúng thuốc thì mình có thể cứu sống con được.

Thế là cô vội vàng ẵm con chạy ra khỏi nhà, đến từng nhà, gõ cửa năn nỉ "Ông bà làm ơn cho tôi thuốc trị bệnh cho con tôi!" Mọi người đều lắc đầu từ chối, có người còn la rầy cô, vì làm gì có thuốc hồi sinh cho một người đã chết. Cô vẫn không tin con cô chết, nó chỉ bị bệnh nặng thôi. Càng lúc cô càng đi xa. Có một người động lòng thương xót cô, suy nghĩ, "Cô này vì quá đau khổ vì con, nếu chưa điên thì chắc gần điên rồi! Chỉ có Thế Tôn mới biết thuốc nào để chữa cho cô". Ông chỉ đường cho cô đến gặp một thầy thuốc giỏi nhứt, đức Phật, một bậc đại Y vương. Ngài hiện ở gần đây, chắc chắn Ngài sẽ chỉ đúng thuốc trị bệnh cho con của cô.

Toa thuốc thần hiệu: Nhúm hột cải

Trần ngập niềm hi vọng. Theo lời khuyên, cô vội vã bồng xác con vừa đi vừa chạy tới chùa Kỳ Viên.

Đến nơi, cô đặt xác con dưới chân đức Phật, đành lễ, tức tưởi kể lể chuyện mình, rồi van xin:

- Bạch Ngài, xin Ngài thương xót cho thuốc cứu con trai con.

Đức Phật từ bi nhìn cô, biết cô quá đau khổ, không thể hiểu lời dạy, nên Ngài dịu dàng nói:

- Cô đừng lo! Có, một thứ thuốc thần hiệu. Cô hãy đi tìm thuốc mang về đây. Cô mừng quá, hỏi thuốc chi, ở đâu cô cũng tìm cho được. Đức Phật trả lời: Hột cải trắng.

Những người có mặt tại đó đều sững sốt. Ngài nói tiếp:

- Đây là loại thuốc có thể chữa được bệnh, và hàn gắn được vết thương lòng. Cô hãy ẩm con đi ra phố, đến từng nhà, hỏi xin một nhúm hột cải trắng, nhưng phải từ nhà nào mà từ trước đến nay không bao giờ có ai chết.

Cô quá vui mừng nên không kịp hiểu ý nghĩa lời nói của đức Phật Toàn Giác. Cô vội vã ẩm con đi vào thành Savatthi. Đến nhà đầu tiên, cô hỏi:

- Dạ thưa ông bà, làm ơn cho tôi xin một nhúm hột cải trắng.

- Cô chờ một chút, nhà tôi có sẵn.

- Nhưng từ trước đến nay trong gia đình ông bà có ai qua đời không?

- Tất nhiên có. Cô hỏi chi vậy?

- Vì tôi chỉ cần một nhúm hột cải trắng của nhà nào từ trước đến nay trong gia đình không có ai qua đời để đức Phật trị bệnh cho con tôi.

- Má tôi mất cách đây mấy tháng. Cô làm chúng tôi nhớ thương bà quá. Thôi đừng nhắc nữa. Chúng tôi thấy chuyện cô làm là uổng công thôi.

Cô chào từ giã, rồi đến từng nhà, từng nhà, và nhà nào cũng có người chết cách đây: một tuần, một năm, hai năm, hoặc cha mẹ, anh em, hoặc con trai, con gái... Từ thần không chữa một ai, dù già trẻ, giàu nghèo...

Lúc ấy, trời đã về chiều. Không tìm ở đâu có hột cải theo yêu cầu. Cô ẩm xác con lạnh giá đi thẳng vào nghĩa trang ngoại thành. Tìm chỗ đặt xác con xong, cô ngồi xuống gốc cây, hai tay ôm đầu, suy nghĩ: "Giống như mọi người, con mình chết rồi! Nhúm hột cải trắng có lợi ích chi đâu! Con mình làm sao sống lại được. Điều này đúng cho cả thành này, cũng như ở bất cứ nơi nào khác. Không nhà nào mà không có người chết. Không nhà nào thoát khỏi nỗi đau đớn, khổ sâu vì sự ra đi vĩnh viễn của người thân. Đức Phật từ bi đã tìm phương tiện dạy cho mình một bài học, giúp mình tự tìm hiểu và chấp nhận định luật ngàn thu: có sinh có tử. Mình phải trở lại gặp Ngài".

Bây giờ bà đi chậm rãi, hướng về chùa Kỳ Viên, nét mặt thư giãn, trong lòng nhẹ nhõm. Bà đã hiểu:

"Đây không phải là luật lệ của thành phố nào, không phải là hương ước của làng xóm nào, không phải là luật riêng của gia đình nào – mà cho toàn thể thế gian. Đây là định luật: Tất cả đều Vô thường".

Gặp cô, đức Phật hỏi:

- Nay cô Kasī Gotamī, cô tìm được hột cải trắng không?

- Kính Bạch Thế Tôn, về việc tìm hột cải, con đã làm xong.

Ngài bắt đầu thuyết pháp cho cô nghe về luật vô thường, xảy ra cho muôn loài trong thế gian. Thần chết, như nước lũ lụt ban đêm, không chữa bất cứ ai còn đam mê tài sản, con cái... Ngay cả Chư thiên trên các cõi trời cũng không thoát khỏi chết, rồi tái sinh theo nghiệp của mình. Ngài chấm dứt bằng câu kệ:

*Những ai say đắm thế gian
Bám vào con cái
vào đàn vật nuôi
Sự chết cũng cuốn theo người
Như làn mê ngủ
Lũ trôi chẳng ngờ!*

(Pháp Cú 287)

(Kinh Lời Vàng – Tk Giới Đức dịch)

Khi dứt bài kệ, nhờ vào lực ba la mật của cô đã đủ để cô chứng nghiệm luật vô thường. Cô vượt qua sự sầu bi, khổ lụy của một bà mẹ mất đứa con một để hiểu thấu đặc tướng vô thường của mọi kiếp sinh tồn. Đức Phật xác nhận cô chứng quả Tu Đà Hườn. Nhiều người trong thính chúng cũng được lợi lạc: chứng quả Tu Đà Hườn, Tu Đà Hàm, hoặc A Na Hàm.

Cô đành lễ Thế Tôn xin xuất gia, và được Ngài chấp thuận. Cô đến Ni viện xuất gia và thọ giới Tỳ Khưu Ni. Sư cô dùng toàn thời gian thực hành chánh niệm một cách cẩn trọng. Chỉ một thời gian ngắn, tuệ minh sát của cô tăng trưởng. Đức Phật hoá hiện đến, đọc bài kệ:

*Người sống một trăm năm,
Không thấy pháp sanh diệt,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sanh diệt.*

(Pháp Cú 113)

(HT Thích Minh Châu Việt dịch)

Khi dứt câu kệ, sư cô chứng quả A La Hán. Sư cô nguyện giữ hạnh mặc y phẩn tảo - một khổ hạnh đầu đà (2). Một hôm, trước hội chúng tỳ khưu tại Chùa Kỳ Viên, Đức Phật tuyên dương , "Này các tỳ khưu, trong số các tỳ khưu ni, Trưởng Lão Kasi Gotamī là Đệ nhất về mặc y phẩn tảo." (2)



Tất cả chúng sanh đều phải chết kể cả đức Phật

Nghĩ về quả chứng của mình, "Mình thành đạt viên mãn như thế này nhờ Đức Phật chỉ dạy". Trưởng lão Kasī Gotamī đọc lên những vần thi kệ ca ngợi "sự thân cận với bạn lành".

*213. Có bạn lành ở thế gian
được bậc Ẩn sĩ ngợi khen.
Với bạn lành
ngay cả người ngu
thành người trí.*

*214. Thân cận bạn lành
nhờ vậy trí tuệ tăng.
Thân cận bạn lành
có thể vượt thoát mọi khổ đau.*

Bậc Ẩn sĩ là Đức Phật. Bạn lành là những người khuyên ta nên giữ gìn đức hạnh: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu và các chất say, các chất xỉ ke ma túy, không đánh bài...Nếu thân cận với những người sống phóng túng, thế nào mình cũng bị ảnh hưởng.

*Gần mực thì đen,
Gần đèn thì sáng.*

Bạn lành là những người bạn đạo chăm chỉ hành đạo theo hạnh bố thí, trì giới, tham thiền. Quý hơn nữa là thân cận các thiền sư, các thầy, các sư, sư cô, tu nữ, vì dù cho mình không biết kinh kệ, lắng nghe và làm theo lời dạy, mình có thể trở nên sáng suốt, trí tuệ phát triển, và có thể thoát khổ đau. Đức Phật là bạn lành tối thượng. Ngài dạy:

*Không gần gũi kẻ ác
Thân cận bậc trí hiền*

*Cúng dường bậc tôn đức
Là phúc lành cao thượng.*

*215. Chúng ta nên hiểu rõ về khổ đau
Nhân gây khổ đau
diệt mọi khổ đau
và con đường
Thánh tám ngành (Bát Chánh Đạo)
Tất cả là Bốn Thánh Đế. (Tứ Diệu Đế)*

Trưởng lão khuyến khích chúng ta học và thực hành Bát Chánh Đạo cho đến khi tâm chúng ta trực tiếp chứng nghiệm Tứ Diệu Đế.

[Kasī Gotamī]

*216 - 217. Khổ thay! Phận nữ nhi!
Bạc đánh xe Điều ngự
cho những ai dễ dạy
đã nói như vậy.
Có chồng chung là khổ.
Vài người, một lần sinh,
chán đời, tự cắt cổ.
Người yếu đuối,
không chịu nổi,
uống thuốc độc.
Khi thai nhi
chết trong bào thai
mẹ và con đều chịu
nỗi bất hạnh.*

Bạc đánh xe Điều ngự cho những ai dễ dạy là Đức Phật. Hai câu kệ này nói lên những điều đau khổ và nguy hiểm của người phụ nữ.

[Kasī Gotamī kể về Trưởng lão Patācārā]

218. Thai gần sinh, đi về,
Tôi thấy chồng tôi chết.
Sinh con dọc đường,
Tôi chưa về tới nhà.

219. Hai con trai đều chết,
Chồng tôi chết dọc đường.
Me, cha, và anh tôi,
Cùng thiêu trên giàn hoả.
[Kasī Gotamī]

220. Khổ thay! phận đàn bà!
Gia đình nghèo khổ
Vô lượng khổ đau
Người đã từng khóc
Qua hàng ngàn lần sanh.

221. Là chó rừng cái,
sống trong nghĩa địa (ăn thịt người chết)
Ăn thịt con mình (khi là cạp beo).
Gia đình tan nát,
chồng tôi chết
bị mọi người khinh.
Tôi tìm được sự bất tử.

Câu kệ 221 nhắc lại ba tiền kiếp của Trưởng Lão: con chó rừng cái (hoặc chó cái), cạp (beo, hoặc mèo), đàn bà goá chồng.

222. Tôi thực hành
Bát Thánh Đạo
thẳng tới nơi
không có sự chết..
Tôi chứng được Niết Bàn
thấy được gương Chánh Pháp.

223. Tôi rút mũi tên ra,
đã đặt gánh nặng xuống.
Việc nên làm đã làm.
Tôi, Sư cô Kasī Gotamī,
với tâm hoàn toàn giải thoát
nói lên lời này.

Trong hai câu kệ chót, Trưởng lão xác định mình thực hành viên mãn Bát Chánh đạo, chấm dứt hoàn toàn mọi khổ đau. Trong Trưởng lão Ni Kệ, đây là bài kệ duy nhất có "ký tên" tác giả, diễn tả tâm trạng cực kỳ hoan hỷ trong niềm vui chiến thắng phiền não. Bây giờ Sư cô đã tìm thấy hột cải trắng trong nhà không có người chết ngay ở trong tâm mình: Niết Bàn.

Gặp gỡ Ma Vương (Ác Ma)

Trong Tương Ưng Tỷ Kheo Ni (Tương Ưng Bộ Kinh - Samyutta Nikaya) có câu kệ kể lại cuộc đối thoại giữa Ma Vương và Sư cô Kasī Gotamī.

Một hôm, sau khi khát thực ở Sāvattthi và ăn xong, trên đường trở về, Sư cô đi sâu vào rừng, ngồi dưới một gốc cây để nghỉ và hành thiền,

Ma Vương có sở thích chọc phá người tu. Hẳn

muốn phá cho sư cô hoảng sợ, bỏ hành thiền, nên đọc câu kệ:

Sao nàng như mất con,
Một mình, mặt ứa lệ.
Hay một mình vào rừng,
Để tìm đàn ông nào?

Sư cô suy nghĩ: "Ai đã nói lên bài kệ này? Người hay không phải người? Đây là Ác ma muốn làm ta hoảng sợ, muốn khiến ta từ bỏ Thiền định nên đã nói lên bài kệ đó". Sư cô trả lời:

Con hại, đã qua rồi,
Đàn ông đã chấm dứt,
Ta không sầu, không khóc,
Ta sợ gì các Ông?
Khắp nơi hỷ, ái đoạn,
Khỏi mê ám nát tan,
Chiến thắng quân thần chết,
Vô lậu, ta an trú.

Ma Vương biết được: "Tỷ kheo ni Kasī Gotamī đã biết ta" nên buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

Câu chuyện trên lược thuật theo bài Kinh Gotamī do Ngài Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch sang tiếng Việt. Câu kệ Ta sợ gì các Ông? còn có thể hiểu là Ta cũng không sợ ông nữa! Ông bạn! Việc gọi Ma Vương là bạn diễn tả tâm bất động, không rung động hoảng sợ dù đối diện với Ma Vương. Cô Kasī Gotamī đã chuyển hoá, từ một bà mẹ quá đau buồn thương tiếc đứa con trai một của mình thành một Thánh Ni A La Hán: Trưởng Lão Kasī Gotamī.●

Ghi Chú:

(1) Đức Phật Gotama (Cồ Đàm): Đức Phật Thích Ca.
(2) Khổ hạnh đầu đà:

Đức Thế tôn cho phép thực hành 13 pháp Khổ hạnh sau đây:

1. Hạnh mặc y phần tảo.
2. Hạnh chỉ mặc ba y.
3. Hạnh sống bằng khát thực.
4. Hạnh khát thực theo thứ lớp.
5. Hạnh nhất tọa thực.
6. Hạnh chỉ ăn một bát.
7. Hạnh không ăn đồ dư tàn.
8. Hạnh ở rừng.
9. Hạnh ở gốc cây.
10. Hạnh ở giữa trời.
11. Hạnh ở nghĩa địa.
12. Hạnh nghỉ chỗ nào cũng được.
13. Hạnh ngồi không nằm.



Thăm chùa Hộ Pháp - Vũng Tàu

Bài & ảnh: **Chơn Minh**

Hàng phương trước cổng tam quan xoè cành khoe sắc đỏ trong cái nắng oi ả của mùa hè phố Biển Vũng Tàu, một thành phố giờ đây đã thay đổi đến kinh ngạc, kinh tế phát triển, cơ sở hạ tầng vật chất hiện đại thân thiện với môi trường hơn, bên cạnh những kiến trúc Tôn giáo đồ sộ của một thời vang bóng, với hàng trăm cảnh chùa khác nhau dựa lưng trên triền núi lớn, nhỏ mà theo thời gian những thắng tích này ít nhiều đã đi vào hồi ức của du khách.

Trạm dừng chân đầu tiên của đoàn chúng tôi là Thích Ca Phật Đài được xây dựng từ năm 1961. Vành mũ rơm che ngang trán dưới ánh nắng gay gắt của mùa hè xứ biển, cả đoàn xuống xe và bước lên mấy bậc tam cấp để chiêm bái thánh tích, rồi men theo lối phải là con đường thoai thoải lên dần trên núi, một bên là vách đá và một bên là biển, phong cảnh thật hữu tình. Nằm trên triền núi phía Bắc Thích Ca Phật Đài là chùa Hộ Pháp bao quanh là tàng cây râm mát. Ngôi chùa thuộc Hệ phái Phật giáo Nam tông có nét kiến trúc Việt pha chút Thái hòa quyện nhau thật hài hòa. Ngôi Chánh điện cao sừng sững đã được sửa chữa năm 1997, trên bảo tòa là tượng đấng Từ phụ Phật Thích Ca Chuyển Pháp luân cao 7m, tượng được tô trát bằng hồ theo phong cách Ấn Độ và nội thất hai bên được trang trí với 04 bức bích kinh bằng gỗ quý khắc chạm và khảm xà cừ bài kinh Chuyển Pháp Luân (Dhammacakkappavattana sutta) bằng 4 thứ tiếng Việt, Trung, Anh và Pāli ngữ với những hoa văn, họa tiết tinh xảo. Có lẽ đây là bản kinh khảm ốc độc đáo nhất, về kích thước, kèm ý nghĩa nội dung của bài kinh. Bên cạnh là 2 tượng Phật Ấn Thí Nguyện (Varada Mudra) và Ban Phát Tình Thương (Abbhayamudra) cao khoảng 4 thước bằng gỗ quý trông đồ sộ nhưng thanh thoát.

Mọi du khách khi bước vào đánh lễ Phật cảm thấy mình được Đấng cha lành che chở. Bên ngoài điện Phật có đại hồng chung bằng đồng nặng 1 tấn, âm thanh của chuông cách xa 5 km vẫn nghe rõ, bên cạnh là bức tượng bồ tát Di Lặc (Meteyya bodhisatva) được đặt trong hang giả đá, tượng bằng gỗ trên 100 năm, cao 1m dài rộng 2m40, nặng trên 2 tấn, tương truyền rằng "Tượng được cúng cho tịnh thất Di Lặc sau núi Thích Ca Phật Đài. Sau 2 ngày một đêm kéo lên núi, khi đi ngang chùa Hộ Pháp tượng bị đứt xích mọi người thấp nhang khẩn vái xin thỉnh đi tiếp nhưng tượng không di chuyển được, cuối cùng để tại chùa Hộ Pháp đến hôm nay. Tâm mọi người chúng tôi dịu hẳn lại cảm giác mát mẻ cùng sự tịch tịnh thi nhau tràn về trong sự cảm nhận riêng của mọi người.



Toàn cảnh chùa



Chánh điện



TT. Giác Trí Trụ trì chùa

Tiền thân của chùa Hộ Pháp là một thiền đường lợp lá do ông Phan Văn Giác (cư sĩ Thiện Huệ) dựng lên giữa vườn xoài từ năm 1972, làm nơi hành thiền của các Phật tử, và các doanh nghiệp cuối tuần về đây tu tập. Theo năm tháng khu thiền đường vườn xoài năm nào đã hội đủ phước duyên chuyển mình thành thiền đường Hộ Pháp rồi thành chùa đặt tên là "Hộ Pháp" để tưởng niệm công lao tu tập và khai sáng của Hòa thượng Hộ Pháp là đệ tử của ngài Narada, bậc đã phát kiến xây dựng Thích Ca Phật Đài.

Thiền đường Hộ Pháp được trùng tu vào tháng 4 năm 2009 để đón tiếp phái đoàn Bộ Ngoại giao Thái Lan đến dâng y cúng Phật và chư tăng chùa Hộ Pháp năm 2009. Với diện tích khoảng 360m², nằm bên triền núi nhìn ra biển Vũng Tàu lồng gió, bên trong thiền đường thờ tượng Phật Thích Ca bằng đồng cao 3m do Phật tử Thái và Việt Nam dâng cúng. Hai bên là những hàng cửa sổ rộng thoáng mát trông ra biển khơi một màu xanh ngát tận cuối chân trời. Chính tại nơi này các khóa thiền tập liên tiếp được mở ra do Sư trụ trì hoặc Thiền sư được thỉnh mời hướng dẫn tập thiền với số lượng hành giả tham dự khoảng từ 20 – 30 người, bên trái là hành lang dẫn vào khu tăng xá và các dãy phòng dành cho hành giả hay khách viếng chùa nghỉ qua đêm.

Đón tiếp đoàn chúng tôi là Thượng tọa Giác Trí, trụ trì chùa, với nụ cười đôn hậu nở trên môi, đôi mắt thiện cảm. Từ trong ánh mắt này tôi cảm nhận được sự gần gũi chia sẻ lạ thường. Nhà Sư mời chúng tôi uống nước, quan sát chúng tôi, nhìn cách chúng tôi ngồi thở hỗn hển, vài người trong chúng tôi hỏi Sư: "Thiền là gì?" Sư ôn tồn giải thích: "Cân bằng là thiền, con người luôn bị mất cân bằng do tâm ham muốn, hay giận hờn", "nhưng làm thế nào để cân bằng tâm?" Sư tiếp: "Cân bằng tâm bằng cách thiền tích cực ít nhất là 12 phút/ lần trong ngày. Thiền tốt nhất là ở tư thế ngồi, thả lỏng toàn thân, mắt nhắm, quan sát sự va chạm giữa hơi thở và cánh mũi, ghi nhận sự đụng chạm duy nhất này, quá trình ngồi có thể nghe thấy âm thanh, hoặc bị tê nhức, chỉ ghi nhận nghe ở nơi lỗ tai, nhức ở nơi bị đau nhức tê ... không phân tích, không đánh giá, không phê bình là âm thanh gì? Hay tê nhức như thế nào? chỉ ghi nhận sau đó chấm dứt sự chú tâm nơi lỗ tai hay nơi đau nhức và hướng tâm quay về chánh niệm ghi nhận cảm xúc đụng của hơi thở ra vào nơi lỗ mũi. Lúc ngồi có thể tâm suy nghĩ về một chuyện cũ đã xảy ra hay sẽ xảy ra, tâm ghi nhận biết rõ là tâm không còn ở lỗ mũi nữa, tâm đang ở câu chuyện đang suy nghĩ đến, ta ghi nhận phóng tâm, phóng tâm, ghi nhận xong hướng tâm quay về chánh niệm và ghi nhận cảm giác xúc chạm của hơi thở ra vào nơi lỗ mũi.

Giữ tâm nơi lỗ mũi, không đánh giá, không phân tích, không phê bình bất kỳ một hiện tượng nào, đơn thuần chỉ là ghi nhận điểm đụng giữa hơi thở và lỗ mũi mà thôi. Chỉ có 12 phút /1 lần có thể cân bằng cho một ngày đây áp lực của bạn "Nhân dịp này chúng tôi được Sư hướng dẫn ngồi thiền khoảng 12 phút, và khi chấm dứt thời ngồi thiền đoàn chúng tôi ai cũng cảm nhận một ân huệ đến bất ngờ với mình".

Sư cho biết hàng năm chùa có 4 lễ lớn như sau:

1. Lễ đặt bát hội đón mừng năm mới và cầu quốc thái dân an ngày mừng 2 Tết, với số lượng tăng sĩ không phân biệt hệ phái đến tham dự khoảng từ 300 đến 1800 vị năm (2011)

2. Lễ hội Rằm tháng tư (Đại lễ Vesak) kỷ niệm ngày Phật đản sanh, thành đạo và Níp bàn, có tổ chức lễ đốt đèn và tổ chức một buổi cơm tối với nhiều thực khách là dân địa phương và du khách vắng lai, cùng đọc kinh kính mừng.

3. Lễ cầu siêu mùa Vu Lan báo hiếu rằm tháng 7 (được tổ chức vào chủ nhật cuối tháng 7 âm), cuối mùa Vu Lan.

4. Lễ dâng y Kathina (vào chủ nhật đầu tháng 10 âm với sự tham dự của khoảng từ 500 đến 3000 Phật tử khắp nơi cùng trên 100 Tăng, ni tham dự.

Chùa Hộ Pháp hiện đang lưu giữ những tặng vật quý giá như bộ Tam Tạng kinh điển bằng tiếng Pāli do Bộ Tôn giáo Chính phủ Sri Lanka cúng dường. Thiền sư Phó Tăng thống Phật giáo Tích Lan trong lần viếng thăm hữu nghị đã trao tặng chùa một tượng Phật bằng đồng mạ vàng. Các Tổng Lãnh sự quán các nước quốc giáo khu vực đã đến tham quan và dự lễ dâng y năm 2009. Trong Hội nghị về ni giới Sakyadhita năm 2010 Bà Chủ tịch Hội và đông đảo ni giới đã tới thăm chùa và tặng quà lưu niệm.

Qua trao đổi và trò chuyện với Thượng tọa Giác Trí, Sư đã kể lại quá trình xây dựng chùa Hộ Pháp rất gian nan, như việc vận chuyển vật liệu xây cất lên núi rất là công phu, và ngôi Thiền Đường đang được trùng tu xây dựng, chờ sự đóng góp tài chánh của Phật tử hữu duyên xa gần.

Suốt 30 năm trưởng thành và xây dựng không ngừng nghỉ trôi qua, chùa Hộ Pháp đã chiếm một vị trí trang trọng trong ký ức của du khách. Nếu có duyên tham dự từng khóa thiền được tổ chức tu tập 1 ngày, 1 tuần hoặc 10 ngày tại đây. Những bài pháp thoại thực tế kết hợp với các kỹ thuật dạy hành thiền rất cơ bản của Sư trụ trì, mọi hành giả sẽ nhận chân được cuộc sống thật trong hiện tại vì chúng ta không biết rằng chúng ta hoàn toàn có đủ khả năng để thoát vòng luân hồi (ái dục và sân hận này). "Ồi Bao kiếp trôi lăn, mấy bận luân hồi. Thuyền ngược nước, bơi qua bể khổ".

Khi du khách đến thăm chùa Hộ Pháp và nếu được tham dự khóa thiền để rèn luyện tâm thì người viết xin mượn một đoạn thơ trong bài tập tu của (nữ thi sĩ Tâm Uyên) thay cho lời kết.

*"Tu từ thuở, tâm còn trong kén.
Đến nơi rồi, sao chẳng biết đường vô.
Chuyện ngàn xưa, "Cùn Tử" ngáy ngồ.
Khi viên ngọc, vẫn nằm trong chéo áo.*

*"Tứ Niệm Xứ", thẳng một đường đến đạo.
Thân, thọ, tâm hành đi, đứng, công phu.
Pháp có lâu đời, mà con mới tập tu.
Bậc hiền đức xin rập đầu thọ giáo.*

*Tâm đã vững, đâu ngại gì dòng tố.
Vững tay chèo, ắt sẽ qua sông.
Phía bên kia, là trời nước mênh mông.
Mong vô sự cho cõi lòng thanh thản. ●*



Nội dung câu hỏi và Giải đáp Pháp Luật cho Quý Tăng sinh, ni sinh và các Quý Phật tử gần xa trên mọi miền đất nước đã gửi về chia sẻ hết sức chân tình để thương, trong Trường mục Pháp luật ngày càng nhiều và phong phú hơn. Giám Đốc Luật sư Lâm Thị Mai rất đối vui mừng. Xin được hân hạnh sẵn sàng tiếp tục đáp ứng nhu cầu của Quý vị trong số 12 và số tiếp theo của Tạp Chí Phật Giáo Nguyên Thủy, ngoài ra Quý vị liên hệ số điện thoại 090.8161.395 để được nghe tư vấn trực tiếp. Xin thành tâm cảm ơn cùng đồng hành với Quý vị.

Câu hỏi 1: *Đệ tử của tôi có hoàn cảnh đặc biệt, tên là Hậu mãi 70 tuổi mới kết hôn với cô An 30 tuổi vào năm 2003. Ông Hậu có 1 căn nhà đã được cấp GCN QSDĐ, ông ra UBND phường, lập di chúc, theo di chúc, căn nhà của ông đứng tên sẽ trở thành nơi thờ cúng (ông là con trưởng), cô An sẽ là người toàn quyền quản lý, tuy nhiên không được mua bán, chuyển nhượng. Năm 2007 ông Hậu chết. Năm 2009 bố đẻ của cô An đã đứng ra ký hợp đồng cho thuê căn nhà với người khác họ ở cho đến nay (trong hợp đồng có xác nhận của cô An). Cô An vốn có tiền sử tâm thần phân liệt, đã điều trị và có xác nhận của bệnh viện tâm thần từ năm 2002, hiện nay, cô An đã bỏ đi không ai biết đang ở đâu. Nay các cháu (gọi ông Hậu bằng chú, bác) muốn đòi lại quyền quản lý di sản thờ cúng là căn nhà từ cô An sang cho các cháu vì sợ ông bố cô An sẽ bán căn nhà này. Xin hỏi việc xác định tư cách bị đơn thế nào để kiện tòa án? Mong hồi âm nội dung giải đáp của cô luật sư.*

(Tăng sinh -K6- Trung cấp Phật học)

Trả lời: Trường hợp này liên quan đến nội dung của bài số 09 về giao dịch dân sự vô hiệu đã được chia sẻ. LS xin trân trọng cảm ơn việc học hỏi tìm hiểu pháp luật của Quý tăng sinh K6- TCPH.

Theo Bộ luật dân sự 2005 thì người tham gia giao dịch dân sự phải có năng lực hành vi dân sự. do ông Hậu không biết hoặc không thể biết cô An có tiền sử là bệnh thần kinh nên được xem như là giao dịch dân sự vô hiệu (di chúc). Nên 2 bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Nhưng do ông Hậu chết những người cháu đòi quản lý tài sản là không hợp lý. Vì người quản lý tài sản phải do người có tài sản ủy quyền. Trong trường hợp này nếu đưa ra xét xử thì tòa án sẽ chỉ định người quản lý tài sản của ông Hậu,

Tìm hiểu luật dân sự

Luật sư Lâm Thị Mai trả lời

còn nếu không đưa ra xét xử thì do cơ quan nhà nước quản lý. Cơ sở pháp lý theo điều 122. điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự; điều 638. Người quản lý di sản. Chúc Quý Tăng thân tâm an lạc.

Câu hỏi 2: *Năm 2010 tôi có mua đất (không có tài sản gì trên đó), tuy nhiên hợp đồng với chủ đất chỉ là giấy viết tay. Tôi có cần thận ghi âm cả những lần trao đổi khi ký hợp đồng. Theo hợp đồng, tôi phải giao 90% số tiền mua đất cho chủ đất, sau khi làm xong thủ tục giấy tờ, chuyển tên sổ đỏ thì giao nốt 10% còn lại. Tại thời điểm năm 2010, do có 1 sổ trực trặc về làm sổ đỏ của chủ cũ nên giao dịch tạm thời bị trì hoãn sang năm nay (2011). Hiện nay sổ đỏ của mảnh đất đã làm xong, khi tôi đến gặp chủ đất để hoàn thành nốt hợp đồng thì chủ đất yêu cầu phải nộp thêm tiền (không nằm trong hợp đồng) thì họ mới làm thủ tục chuyển tên sổ đỏ cho tôi. Ngoài ra, trong thời gian 2010 tôi đã làm nhà 3 tầng trên mảnh đất đó (do tôi nghĩ là chỉ còn thủ tục giấy tờ nữa là xong nên tôi quyết định làm nhà luôn). Vậy xin phép cho tôi hỏi, trường hợp của tôi nếu ko thể thỏa thuận được với chủ đất mà phải ra tòa giải quyết tranh chấp thì tôi có QUYỀN LỢI và THIẾT HẠI gì. Xin chân thành cảm ơn luật sư.*

(Phật tử ở Long Thành)

Trả lời: Trong trường hợp Quý vò nêu là hoàn toàn bất lợi thuộc về bạn, trước hết mua bán giấy tay là không có hiệu lực ràng buộc, bây giờ bên kia đứng tên trong GCNQSDĐ; do vậy, họ có quyền không bán cho bạn, và trả lại cho bạn số tiền đã giao mà không đền cho bạn đồng nào. Nếu ngày trước bạn nói trong văn bản đó là tiền đặt cọc, thì hôm nay mọi vấn đề không phát sinh như vậy. Còn nữa không có GCNQSDĐ sao bạn xây nhà được. Tốt nhất, bây giờ là không kiện cáo gì hết, viết lại một văn bản khác giao thêm tiền vào, ghi rành nếu bên mua không thực hiện hợp đồng là mất cọc; còn bên bán không thực hiện hợp đồng là đền cọc, và số tiền cọc bao gồm tiền đưa thêm và tiền quý vị đã đưa trước đây. Chúc quý vị may mắn.●

Chức sắc Tôn giáo nghiên cứu quán triệt Nghị quyết Đại hội XI

Hoàng Liên Sơn (TTXVN/Vietnam+)

Ngày 25/8, tại Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức Hội nghị đại biểu các tôn giáo nghiên cứu quán triệt Nghị quyết Đại hội XI của Đảng.

Hội nghị có sự tham dự của hơn 300 chức sắc, nhà tu hành của các tôn giáo đang làm việc và cư ngụ tại các tỉnh, thành phía Nam.

Tại hội nghị, đại biểu các tôn giáo đã được giới thiệu, nghiên cứu quán triệt những quan điểm, nội dung cơ bản trong các văn kiện và Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, cùng một số chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về tôn giáo, tín ngưỡng.



Quang cảnh hội nghị.

Qua đó nhằm giúp đại biểu các tôn giáo nắm vững những nội dung cơ bản, tạo sự tin tưởng, đồng thuận cao trong chức sắc, tín đồ các tôn giáo trong thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tăng cường, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Phát biểu tại hội nghị, Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương Đinh Thế Huynh và Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Huỳnh Đảm nhấn mạnh nghiên cứu quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân.

Sự hiện diện của các vị chức sắc trong hội nghị này thể hiện mối quan tâm và trách nhiệm của các tôn giáo, các vị chức sắc và nhà tu hành các tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nhấn mạnh một số nét chính trong các văn kiện Đại hội XI của Đảng, ông Đinh Thế Huynh cho biết Đại hội XI của Đảng cũng đã đề cập, khẳng định

chính sách nhất quán về tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước.

Trong đó văn kiện Đại hội nêu rõ về việc: "Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo phù hợp với quan điểm của Đảng. Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo; động viên các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống tốt đời, đẹp đạo, tham gia đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Quan tâm và tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt theo hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận, đúng quy định của pháp luật. Đồng thời chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để mê hoặc, chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc."

Sau hội nghị khu vực phía Nam, dự kiến ngày 6/9 tới đây, Hội nghị đại biểu các tôn giáo nghiên cứu quán triệt Nghị quyết Đại hội XI của Đảng (khu vực phía Bắc) sẽ được Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức tại Hà Nội. ●

Khai Mạc Đại Hội Đại Biểu Phật Giáo Tỉnh Khánh Hòa

Khóa V, Nhiệm Kỳ 2011 – 2016

Pv. PGNT

Vào lúc 8 giờ ngày 30 tháng 8 năm 2011, tại Hội trường Thành ủy Tp. Nha Trang, Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Khánh Hòa trọng thể Khai mạc Đại hội Đại biểu khóa V, nhiệm kỳ 2011 – 2016.

Đến chứng minh và tham dự có HT. Thích Thiện Nhơn – Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký HĐTS GH-PGVN; HT. Thích Giác Toàn – Phó Chủ tịch HĐTS; HT. Thích Thiện Pháp – Phó Tổng Thư ký kiêm Chánh Văn phòng 2 TWGH; HT. Thích Thiện Bình – Ủy viên Kiểm soát HĐTS, Trưởng ban Trị sự, Trưởng ban Tổ chức Đại hội; chư Tôn giáo phẩm HĐTS trú xứ tại Khánh Hòa; chư Tôn đức Tăng Ni, quý Cư sĩ Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Khánh Hòa nhiệm kỳ IV, các Ban Đại diện Phật giáo, chư Tôn đức Tăng Ni trụ trì; hàng ngàn Tăng Ni, Phật tử tham dự Đại hội.

Đại hội hân hạnh đón tiếp ông Lê Xuân Thân - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa; ông Phạm Minh Chánh - UV Thường vụ tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận, Chủ tịch UBMTTQ tỉnh; ông Bùi Hữu Thành - Phó Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng Ban Tôn giáo tỉnh; ông Hoàng Văn Trường - Bí thư Thành ủy Tp. Nha Trang; quý ông, bà đại diện các Sở ngành tỉnh Khánh Hòa, Tp. Nha Trang.

Trong báo cáo tổng kết nhiệm kỳ IV được trình trước Đại hội, tỉnh Khánh Hòa có 395 cơ sở tự viện, trong đó có 297 ngôi chùa, 1 tu viện, 1 ni viện, 35 tịnh xá, 59 tịnh thất và 2 niệm Phật đường. Toàn



Quang cảnh buổi lễ

tỉnh có 1.564 Tăng Ni và hàng vạn Phật tử chiếm tỷ lệ khá lớn so với dân số toàn tỉnh. Công tác giáo dục đào tạo, hoằng pháp, từ thiện xã hội, văn hóa, nghi lễ ... được triển khai đồng bộ và đạt thành quả tốt đẹp. Nhất là Ban Trị sự phối kết hợp với Ban Nghi lễ Trung ương tổ chức thành công Hội thảo Nghi lễ Toàn quốc lần thứ 2 và nhiều công tác Phật sự lợi đạo ích đời quan trọng khác được Ban Trị sự triển khai thực hiện.

Ban Trị sự nhiệm kỳ V sẽ kế thừa những thành quả của nhiệm kỳ IV và xuất sắc hoàn thành các công tác Phật sự mà Đại hội thông qua. Những thành quả mà Ban Trị sự nhiệm kỳ V sắp được triển khai là những đóa hoa tươi thắm dâng lên chào mừng Đại lễ kỷ niệm 30 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VII vào cuối năm 2012."

Trong Đại hội Đại biểu nhiệm kỳ V, Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Khánh Hòa do HT. Thích Thiện Bình được Tăng Ni, Phật tử tín nhiệm suy cử tiếp tục đảm nhiệm cương vị Trưởng ban Trị sự. Đại hội thông qua Nghị quyết và bế mạc trong tinh thần hoan hỷ, đoàn kết và quyết tâm.●



Tân Ban Trị sự ra mắt Đại hội

Hội đoàn kết sư sãi yêu nước thành phố Cần Thơ phát huy truyền thống đoàn kết yêu nước

Tin ảnh: **Trần Khánh Linh**



Ban chấp hành nhiệm kỳ V ra mắt đại hội

Trong 2 ngày 30 và 31/8, Hội đoàn kết sư sãi yêu nước TP Cần Thơ long trọng tổ chức Đại hội Đại biểu nhiệm kỳ V (2011 - 2016) với sự tham dự của gần 200 đại biểu đại diện cho chư vị sư sãi trên địa bàn. Hội nghị nhằm tổng kết hoạt động Phật sự xã hội nhiệm kỳ nhiệm kỳ 2005 - 2010, bầu ra Ban Chấp hành Hội nhiệm kỳ mới và đề ra phương hướng nhiệm kỳ 2011-2016.

Nhiệm kỳ qua, Hội đoàn kết sư sãi yêu nước TP Cần Thơ tiếp tục phát huy tinh thần yêu nước và truyền thống đoàn kết dân tộc, đã đạt được nhiều thành tích trong công tác Phật sự, phối hợp chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho cộng đồng dân tộc, góp phần giữ vững an ninh trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Trên địa bàn Cần Thơ có 12 chùa Phật giáo Nam tông Khmer, Học viện Phật giáo Nam tông Khmer và Trường Phổ thông Dân tộc nội trú và Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước Thành phố. Nhiệm kỳ 5 năm qua, hơn 1.250 lượt vị trụ trì, quản trị, Achar, Phật tử tiêu biểu được tham gia các lớp sinh hoạt tìm hiểu chính sách, pháp luật. Hơn 800 lượt sư sãi được học lớp Pāli giáo lý. Các chương trình chăm lo phát triển kinh tế, xã hội trong vùng đồng bào Khmer như chương trình 135, 134, quyết định 74/2008/Ttg về hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc Khmer; Đề án xây dựng nhà ở hộ nghèo theo Quyết định số 167/2009/QĐ-TTg.... đã đầu tư gần 80 tỷ đồng xây dựng các công trình phúc lợi xã hội, cơ sở hạ tầng tại các huyện xã có đông đồng bào Khmer đến nay đã phát huy hiệu quả tích cực.

Nhằm bảo tồn và phát huy bản sắc các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Khmer, vào các dịp lễ tết, ngày hội truyền thống, đồng bào được tạo điều kiện tổ chức lễ trọng thể, vui tươi, an toàn, tiết kiệm. Các chùa được tặng nhiều bộ sách kinh Phật quý giá để hỗ trợ sư sãi tu học. Bà con Khmer được tạo điều kiện khám chữa bệnh, học hành miễn phí. Các chùa còn mở lớp phổ cập Khmer ngữ cho 420 con em Phật tử theo học. Các chùa Khmer như Muni Rensey, chùa Pitu Khôsa Răngsay, Pôthi Somrôn, San VorPô Thi Nhen, Sê Tô Đor, Phê Saché Vone,... được các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận quan tâm hỗ trợ hàng chục tỷ đồng trùng tu, nâng cấp, xây dựng, sửa chữa

nơi thờ tự ngày càng đẹp đẽ, khang trang.

Ngoài công tác Phật sự, Hội đoàn kết sư sãi và các chùa Phật giáo Nam tông Khmer tham gia tích cực các hoạt động từ thiện xã hội, hỗ trợ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt và vận động Phật tử đóng góp tiền xây trường học, xây cầu, bê tông hoá đường giao thông nông thôn, tặng nhà đại đoàn kết,... Trong mùa Vu lan báo hiếu năm 2011 vừa qua, Hội đã vận động tặng 2.680 phần quà và 20 tấn gạo cho hộ nghèo. Tổng trị giá quà từ thiện xã hội Hội đã vận động được trong 5 năm qua gần 5 tỷ đồng.

Với những thành tích trên, nhiệm kỳ qua, Hội đoàn kết sư sãi yêu nước Tp Cần Thơ được Chủ tịch nước được tặng thưởng Huân chương lao động hạng 3; 24 vị chức sắc được tặng thưởng Huy chương và Kỷ niệm chương vì sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc. Nhiệm kỳ 2011-2016, Hội đoàn kết sư sãi yêu nước thành phố Cần Thơ đề ra mục tiêu: Tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, yêu nước, thực hiện phương châm của Giáo hội Phật giáo Việt Nam: "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" gắn với "Đạo pháp – dân tộc – chủ nghĩa xã hội".

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Hội nhiệm kỳ V (2011-2016) gồm 25 vị. Hòa thượng Đào Như được bầu làm cố vấn. Hòa thượng Lý Sân tái đắc cử Hội trưởng Hội đoàn kết sư sãi yêu nước TP Cần Thơ nhiệm kỳ mới.●



Hòa thượng Lý Sân tiếp nhận bức trường do ông Nguyễn Hữu Lợi Phó Bí thư Thành uỷ Cần Thơ trao tặng.

Thiền viện Phước Sơn: Tổ chức Đại lễ Vu lan Báo hiếu và lễ cúng đèn

Ngày 11-08-2011 (nhằm ngày 12/7 âl) Thiền viện Phước Sơn long trọng tổ chức đại lễ Vu lan – Báo hiếu cúng dường bát hội đến chư Tăng nhằm giúp cho Phật tử gieo duyên lành trong Phật Pháp, tạo phước trong ngày lễ Vu lan để hồi hướng đến cho cha mẹ còn hiện tiền cũng như quá vãng.

Được biết, buổi lễ có khoảng hơn 3000 tăng ni, và hơn 6.000 Phật tử từ khắp các tỉnh, thành về tham dự đại lễ.

Đồng thời, trong buổi lễ để tỏ tấm lòng tri ân “Uống nước nhớ nguồn, ăn trái nhớ người trồng cây”, tăng ni tổ chức lễ tưởng niệm ngày viên tịch của cố đại lão Hòa thượng Giới Nghiêm – Bậc ân sư đã khai sáng Thiền viện Phước Sơn trước năm 1975. Nhờ vậy, Thiền viện Phước Sơn ngày nay trở thành Trung tâm Văn hóa Thiền học và Trung tâm Văn hóa Lễ hội của Phật giáo Nguyên thủy.

Đặc biệt, trong ngày lễ Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam đã xác lập kỷ lục Thiền viện Phước Sơn có tượng Phật Thích Ca trong chánh điện bằng chất liệu xi măng lớn nhất Phật giáo Nam tông. Buổi lễ bắt đầu từ 6 giờ sáng và hoàn tất lúc 12 giờ trưa trong sự hoan hỷ của đại chúng. Tối cùng ngày là lễ cúng đèn truyền thống được tổ chức tại Thiền viện.●



500 nhà sư trì bình khất thực trong Khu Du lịch Văn hóa Suối Tiên

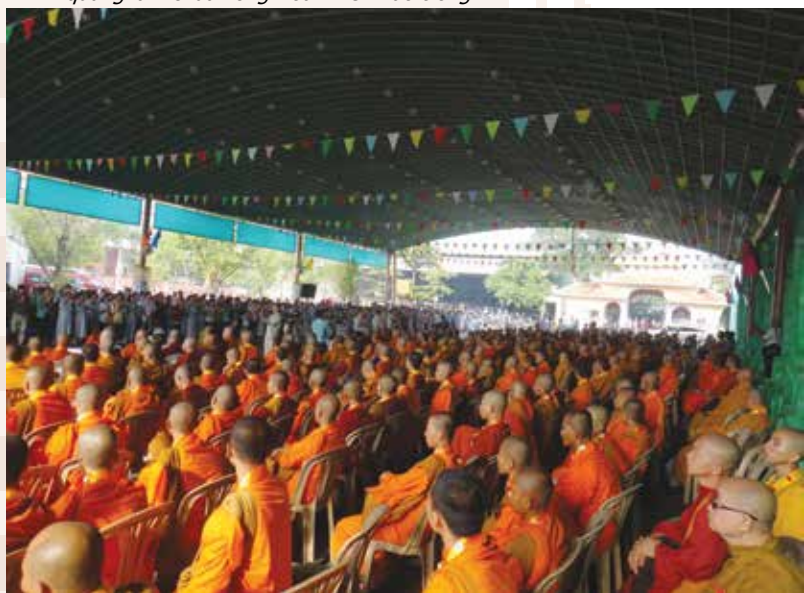
Đức Hòa

Hằng năm, Khu Du lịch Văn hóa Suối Tiên tổ chức Đại lễ Vu lan – Mùa báo hiếu cúng dường đến đại chúng Tăng già các truyền thống Phật giáo. Đặc biệt, là chư Tôn đức Giáo phẩm tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, chiêu đãi hơn 20.000 phần cơm chay miễn phí cho khách du lịch thập phương.

Hơn 3 năm qua, Ban Giám Đốc (BGĐ) Khu Du lịch Văn hóa Suối Tiên do ông Đinh Văn Vui Tổng Giám đốc ký thiệp mời cung thỉnh 500 nhà sư Phật giáo Nguyên thủy đến tụng kinh và nhận bát hội của BGĐ và Phật tử tham quan du lịch cúng dường. Trong buổi lễ Thượng tọa Tiến sĩ Bửu Chánh thuyết giảng thời pháp về “Ý nghĩa Vu lan – Mùa báo hiếu”. Đại đức Thiện Minh hướng dẫn tập thể BGĐ và Phật tử tụng kinh lễ bái phụ mẫu nhằm ôn lại tình cha nghĩa mẹ. Hòa thượng Hộ Chánh đại diện chư Tăng giáo phẩm khai kinh chúc phúc và cầu nguyện cho Quốc thái Dân an. Đúng 10 giờ chư Tăng trì bình khất thực để BGĐ và Phật tử có mặt hôm đó đặt bát cúng dường trong niềm tịnh tín. Hình ảnh 500 nhà sư trì bình khất thực trong Khu Du lịch Văn hóa Suối Tiên nhằm gợi lại hình ảnh cao đẹp của đức Phật và Tăng đoàn ngày xưa, sau phần trì bình là chư Tăng ngồi thiền và thọ thực dưới gốc cây Bồ đề trong khuôn viên khu du lịch. ●



Ban Giám đốc Khu du lịch Suối Tiên cung thỉnh chư Tăng quang lâm chùa Long Hoa Thiên Bảo trong KDL



Chư Tăng



Chư Tăng đi trì bình khất thực



Chánh điện

Ấn Độ: Phiên họp sơ bộ tiến tới việc thành lập Liên minh các tổ chức Phật giáo Thế giới

Tin, ảnh **Duy Tân**

Trong nỗ lực phục hưng Phật giáo Ấn Độ, nơi khai sanh ánh sáng tuệ giác và từ bi, dưới sự ủng hộ của chính phủ Ấn Độ, hội Truyền giáo A-dục (Asoka Mission) có trụ sở tại thủ đô New Delhi, Ấn Độ, đã tổ chức phiên họp đặc biệt để chuẩn bị cho việc thành lập Liên kết Phật giáo thế giới (International Buddhist Confederation) tại Trung tâm Quốc tế Ấn Độ, New Delhi, trong hai ngày 27-28 tháng 8 năm 2011

Đến dự Hội nghị quan trọng này có Hòa thượng Samdhong Rinpoche, nguyên Thủ tướng của Tây Tạng, Lạt Ma Lobzang, Trưởng ban Tổ chức và vài vị nguyên là Thượng nghị sĩ của quốc hội Ấn Độ và một số trí thức Phật tử Ấn Độ. Về phía quốc tế, có một số Tôn đức và học giả đến từ Nhật Bản, Đại Hàn, Úc, Hoa Kỳ, Anh, Đức, Malaysia và Việt Nam.

Lạt Ma Lobzang cho rằng hơn 700 năm, kể từ khi đế quốc Hồi giáo xâm lăng và cai trị Ấn Độ, Phật giáo đã mất khỏi gốc rễ Ấn Độ. Phong trào phục hưng Phật giáo Ấn Độ vào thế kỷ 20 chỉ mới là bước khởi đầu cần thiết, nhưng chưa đủ. Một Giáo hội Phật giáo toàn cầu cần được thành lập để liên kết các Giáo hội và tổ chức Phật giáo khắp thế giới, nhằm góp phần làm giảm đi các thảm họa, thách thức và khủng hoảng toàn cầu mà con người đang gánh chịu. Tổ chức Liên minh Phật giáo này sẽ thương thuyết với chính phủ Ấn Độ giao trả quyền quản trị các Phật tích, các Xá lợi của Phật và Thánh tăng. Quan trọng hơn là làm thế nào để phục hưng đạo Phật ở Ấn Độ.

Thay mặt GHPGVN, HT Thích Trí Quảng, Phó Chủ tịch HĐTS Trưởng ban Phật giáo Quốc tế, khẳng định: "Nhu cầu thành lập một Liên minh Phật giáo thế giới đặt trụ sở tại Ấn Độ là nguyện vọng chánh đáng của Tăng Ni và Phật tử toàn cầu. GHPGVN hoan nghênh, ủng hộ việc thành lập này và sẵn sàng trở thành thành viên sáng lập; đồng thời mong rằng Liên minh sẽ tăng cường sức mạnh đoàn kết toàn cầu của Phật giáo, một mặt thể hiện trí tuệ tập thể, mặt khác khẳng định một tiếng nói thống nhất của Phật giáo tại các diễn đàn quốc tế, góp phần đưa ánh sáng Phật pháp đến với mọi dân tộc trên thế giới."

Hội nghị đã nhất trí thành lập ủy ban dự thảo Hiến



chương của Liên minh Phật giáo thế giới. Bản dự thảo Hiến chương này được nhóm luật sư Ấn Độ và quốc tế và TT. Thích Nhật Từ chấp bút đã được Ủy ban và các cử tọa thảo luận sôi nổi và thống nhất trên căn bản. Theo Hiến chương dự thảo này, có 5 loại thành viên tham gia: 1) Các Giáo hội Phật giáo cấp quốc gia, 2) Các giáo phái và tổ chức Phật giáo trên khắp thế giới, 3) Các tự viện Phật giáo tầm vóc, không trực thuộc các giáo hội và tổ chức, 4) Các thành viên danh dự và 5) Các thành viên liên kết.

Theo chương trình dự kiến, vào ngày 27-30 tháng 11 năm 2011, Hội nghị thành lập Liên minh Phật giáo Quốc tế và hội thảo học thuật sẽ được diễn ra tại thủ đô Ấn Độ với sự tham dự của khoảng 800 đại biểu quốc tế, bao gồm các Tăng thống Phật giáo, chủ tịch các tổ chức Phật giáo và lãnh đạo Phật giáo đến từ 50 quốc gia. Đến tham dự và chứng minh dự kiến có Thủ tướng và Tổng thống Ấn Độ, Thủ tướng Tích Lan, Thủ tướng Bhutan và Tổng thống Mông Cổ.

Sau hội nghị, từ ngày 1- 4 tháng 12, Liên minh Phật giáo Thế giới và các đại biểu quốc tế và trong nước sẽ chiêm bái các Phật tích tại Ấn Độ như Bồ đề Đạo tràng – nơi Phật thành đạo, Sarnath nơi Phật Chuyển Pháp luân, đại học Nalanda và Xá lợi thật của đức Phật hiện đang tôn trí tại viện Bảo tàng Quốc gia New Delhi.

Trong buổi tiếp HT. Lobzan Lama - Tổng Thư ký Hội nghị Phật giáo thế giới 2011 vào ngày 4-8-2011 tại Văn phòng II TƯGH, Hòa thượng Thích Thiện Nhơn, Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký HĐTS GHPGVN, cho biết: "Ban Thường trực HĐTS đã làm việc với Lạt Ma Lobzang và ông Tổng Lãnh sự Ấn Độ tại TP.HCM tại Văn phòng II. GHPGVN ủng hộ sự thành lập Liên đoàn Phật giáo thế giới, vì chỉ với như thế Phật giáo mới thực sự có được tiếng nói thống nhất đích thực về các vấn đề mà nhân loại đang quan tâm hoặc đang đối diện với các thách thức và khủng hoảng. Tổ chức này sẽ góp phần phát triển Phật giáo trong bối cảnh toàn cầu hóa, đa văn hóa, đa tôn giáo và đa sắc tộc." ●

Lễ Tốt Nghiệp Cử Nhân Phật Học Khóa VII

Tổng Khai Giảng Khóa VIII, IX

Học Viện Phật Giáo Việt Nam Tại Tp. Hồ Chí Minh

Theo Giaohoiphatgiaovietnam.vn

Vào lúc 8 giờ ngày 5 tháng 9 năm 2011, tại nhà Truyền thống Văn hóa Phật giáo – chùa Phổ Quang, quận Tân Bình, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh trọng thể tổ chức Lễ Tốt nghiệp Cử nhân Phật học khóa VII (2007 - 2011), tổng khai giảng khóa VIII, IX.

Đến chứng minh và tham dự có HT. Thích Đức Nghiệp – Phó Thư ký Hội đồng Chứng minh GHPGVN; HT. Thích Giác Giới – Ủy viên Giám luật HĐCM; HT. Thích Viên Giác – Thành viên HĐCM; HT. Thích Trí Quảng – Phó Chủ tịch HĐTS, Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; HT. Thích Giác Toàn – Phó Chủ tịch HĐTS, Phó Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; HT. Thích Thiện Pháp – Phó Tổng Thư ký kiêm Chánh Văn phòng 2 TWGH; chư Tôn giáo phẩm Văn phòng 2 TWGH, các Ban, Viện Trung ương Giáo hội, Ban Trị sự các tỉnh, thành hội Phật giáo tại phía Nam; chư Tôn đức Tăng Ni trụ trì các Tự viện trong và ngoài Thành phố và hơn 2.000 Tăng Ni, Phật tử tham dự.

Buổi lễ hân hạnh đón tiếp ông Trần Trung Tín – Phó Chủ tịch UBND Tp. Hồ Chí Minh; ông Huỳnh Ngọc Thành – Phó Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng ban Tôn giáo - Dân tộc Tp. Hồ Chí Minh; quý ông, bà đại diện các Sở, ngành thành phố và quận Tân Bình.

Sau khi thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981), công tác đào tạo thế hệ Tăng Ni trẻ để phục vụ các hoạt động của các cấp Giáo hội từ trung ương đến địa phương, năm 1983, Giáo hội thành lập Trường Cao cấp Phật học tại Tp. Hồ Chí Minh (nay là Học viện Phật giáo Việt Nam). Qua gần 30 năm hoạt động, với 7 khóa đã tốt nghiệp và 2 khóa đang đào tạo, Học viện Phật giáo Việt Nam đã đào tạo cho các cấp Giáo hội gần 2.000 Tăng Ni có trình độ Cử nhân Phật học, giới thiệu trên 500 Tăng Ni đào tạo sau đại học ở nhiều nước trên thế giới, đã có hơn 70 Tăng Ni tốt nghiệp Tiến sĩ các ngành trở về nước phục vụ Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tham gia giảng dạy tại các trường Phật học trong cả nước.

Trong lời phát biểu khai mạc, HT. Thích Trí Quảng - Viện trưởng Học viện phát biểu: "Học viện Phật giáo Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh đã hoàn thành nhiệm



vụ được Giáo hội giao phó, nhiều Tăng Ni tốt nghiệp Cử nhân Phật học, Tiến sĩ đã đem sở học của mình phục vụ các cấp Giáo hội, các Ban, Viện Trung ương, tham gia giảng dạy đã tạo dấu ấn tốt đẹp về công tác giáo dục đào tạo của Học viện Phật giáo Việt Nam.

Đối với Tăng Ni sinh viên khi tốt nghiệp Học viện Phật giáo Việt Nam, những kiến thức được trao truyền tại Học viện Phật giáo Việt Nam là nền tảng để phục vụ hiệu quả ở nhiều lĩnh vực khác, là bậc thang để các Tăng Ni sinh viên tiếp tục học tập ở cấp cao hơn.

Trên cơ sở xu hướng đào tạo của Việt Nam và các nước, từ khóa VII, Học viện Phật giáo Việt Nam đã chuyển từ cơ chế học niên chế sang cơ chế học tín chỉ và đã đem lại kết quả tốt đẹp. Theo cơ chế tín chỉ, khóa VII có 7 phân khoa với 830 Tăng Ni sinh viên theo học. Nhất là mô hình đào tạo từ xa của Học viện Phật giáo Việt Nam có 400 Tăng Ni tham dự.

Đối với các Tăng Ni sinh viên khóa VII tốt nghiệp Cử nhân Phật học, nếu không đủ điều kiện du học nên học tập kinh nghiệm của các vị đàn anh, đàn chị của các khóa trước, đó là tự nỗ lực nghiên cứu, học tập ở một số lĩnh vực chuyên môn, chuyên sâu để đem kiến thức của mình phục vụ Giáo hội và đất nước. Đối với các tân sinh viên khóa IX, cần phải nỗ lực học để khi tốt nghiệp đều là những người hữu dụng cho đạo pháp, cho Giáo hội và đất nước".●

DANH SÁCH ỦNG HỘ TẬP CHÍ PGNT SỐ 12

01	GĐ Lê Thị Minh Tân	25 quyển
02	GĐ Nguyễn Việt Phương	25 quyển
03	GĐ Phạm Xuân Trường	25 quyển
04	PT chùa Phổ Minh (tịnh tu An Lạc kỳ 65)	25 quyển
05	GĐ Hiền Minh - Nguyên Đức	50 quyển
06	GĐ Nguyễn Thị Quang	25 quyển
07	GĐ Mai Thị Phương	10 quyển
08	GĐ Lôi Ngọc Châu	10 quyển
09	GĐ Như Minh (Diệu Phát)	10 quyển
10	GĐ Đinh Kiều Oanh	25 quyển
11	GĐ Đặng Đức Tiếp PD Minh Hạnh	25 quyển
12	GĐ Thái Trọng Huy	10 quyển
13	GĐ Mai Xuân Hiền	10 quyển
14	GĐ Trần Thị Bảy	20 quyển
15	GĐ Tâm Quang	10 quyển
16	Trần Tấn Sang PD: Trí Quang	20 quyển
17	Ngọc Hiếu	10 quyển
18	GĐ Trần Thị Ngọc Tuyết	25 quyển
19	GĐ Trần Thị Thúy Vân	25 quyển
20	GĐ Võ Thí Ánh	10 quyển
21	GĐ Ái Ngọc	05 quyển
22	GĐ Huỳnh Thị Hạnh	05 quyển
23	GĐ Huỳnh Ngọc Phương	01 quyển
24	GĐ Lâm Tuyết Sương	25 quyển
25	GĐ Ngô Thị Tiến	10 quyển
26	GĐ Hạnh Ngọc	20 quyển
27	GĐ Nguyễn Thị Ngâu	10 quyển
28	Sư Giác Khoan - PV Thánh Sơn	50 quyển
29	Lê Thị Thùy Hương	50 quyển
30	Huỳnh Thị Mẫn	50 quyển

31	TN Quang Lộc - Hà Thế Hưng	100 quyển
32	GĐ Hiền Khánh - Hoa Huệ	100 quyển
33	GĐ Phạm Hồng Trang	10 quyển
34	Trần Thị Phết	23 quyển
35	GĐ Minh Đức	15 quyển
36	Đặng Kim Liên	10 quyển
37	GĐ Lê Thị Chiêm (PD Viên Lễ)	25 quyển
38	Lê Doãn Cánh	15 quyển
39	Quang Nhiên	25 quyển
40	Phùng Văn Nhân	10 quyển
41	Trần Công Thôn (PD Thiện Kiến)	10 quyển
42	GĐ chú Hội - cô Lại	20 quyển
43	GĐ Thiện Trí - Như Hạnh	10 quyển
44	Cô Thu	10 quyển
45	Bé Khôi	10 quyển
46	TN Diệu Liên	03 quyển
47	GĐ Mười Trang	10 quyển
48	Nguyễn Thị Tú Anh	10 quyển
49	Nguyễn Thị Hoa PD Diệu Âm	50 quyển
50	GĐ Phạm Minh Hùng	10 quyển
51	Trần Ngọc Tư	10 quyển
52	GĐ Oanh Quyên	50 quyển
53	Nguyễn Mai Thúy	100 quyển
54	GĐ Đỗ Đặng	10 quyển

giá: 20.000 đồng